

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA VĂN HỌC**

TRẦN THỊ HƯỜNG

BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM**

HÀ NỘI – 2012

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA VĂN HỌC**

TRẦN THỊ HƯỜNG

BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ

LUẬN VĂN THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

Mã số: 60 22 01 21

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Lê Văn Lân

HÀ NỘI – 2012

Lêi c¶m -n

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới GS.TS Lê Văn Lân, người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Lưu Khánh Thơ và gia đình đã nhiệt tình giúp đỡ em về mặt tư liệu.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Văn học, khoa Sau đại học Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn đã giảng dạy và giúp đỡ em hoàn thành khóa học.

Đồng thời em cũng xin chân thành cảm ơn Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Hòa Bình, Trường THPT Mai Châu B – Hòa Bình đã tạo điều kiện giúp đỡ em về mọi mặt trong suốt quá trình hoàn thành bản luận văn này.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn gia đình và bạn bè đã luôn ở bên động viên, khuyến khích em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Hà Nội, tháng 11 năm 2011

Tác giả luận văn

TrÇn ThP H-êng

MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU.....	3
1. Lí do chọn đề tài.....	3
2. Lịch sử vấn đề.....	4
3. Phạm vi nghiên cứu.....	10
4. Mục đích nghiên cứu.....	10
5. Phương pháp nghiên cứu.....	11
6. Cấu trúc của luận văn.....	11
B. PHẦN NỘI DUNG.....	12
Chương 1: BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO THƠ LƯU QUANG VŨ.....	12
1.1. Biểu tượng.....	12
1.1.1. Quan niệm về biểu tượng từ các góc độ khác nhau.....	12
1.1.2. Biểu tượng theo quan điểm của luận văn.....	15
1.1.3. Phân biệt biểu tượng và một số khái niệm gần gũi.....	18
1.2. Hành trình sáng tạo và biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ.....	22
1.2.1. Giai đoạn từ đầu đến năm 1970.....	22
1.2.2. Giai đoạn từ năm 1971 đến năm 1974.....	23
1.2.3. Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1988.....	24
Chương 2: CÁC DẠNG BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ.....	26
2.1. Những biểu tượng có nguồn gốc tự nhiên.....	26
2.1.1. Biểu tượng Nước.....	26
2.1.2. Biểu tượng Gió.....	36
2.1.3. Biểu tượng Lửa.....	41
2.1.4. Biểu tượng Hoa.....	46

2.2. Những biểu tượng có nguồn gốc từ đời sống xã hội và con người.....	48
2.2.1. Biểu tượng Bức tường.....	51
2.2.2. Biểu tượng Sân ga – Con tàu.....	54
2.3. Những biểu tượng tâm tưởng.....	58
2.3.1. Biểu tượng Quả chuông, tiếng chuông.....	58
2.3.2. Biểu tượng Bài hát, tiếng hát.....	61
Chương 3: CÁC YẾU TỐ GÓP PHẦN XÂY DỰNG BIỂU	
TƯỢNG TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ.....	67
3.1. Quan niệm thẩm mỹ của Lưu Quang Vũ.....	67
3.1.1. “Thơ tôi là mây trắng của đời tôi”.....	67
3.1.2. “Thơ để sống với đời thường và sống cùng giấc mơ phía trước”.....	69
3.1.3. “Thơ là ô cửa mở tới tình yêu”.....	74
3.2. Ngôn ngữ.....	78
3.2.1. Ngôn ngữ thuần Việt giản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc.....	79
3.2.2. Ngôn ngữ giàu tính tạo hình.....	81
3.3. Giọng điệu.....	85
3.3.1. Giọng trẻ trung, tươi tắn.....	86
3.3.2. Giọng u hoài, buồn lặng.....	89
3.3.3. Giọng dịu dàng, đăm đúi.....	94
C. PHẦN KẾT LUẬN.....	98
D. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Lưu Quang Vũ là một tác giả đa tài, thành công trên nhiều thể loại như thơ, truyện ngắn, phê bình sân khấu... và đặc biệt từ 1980 anh được biết đến với tư cách một nhà viết kịch nổi tiếng của sân khấu kịch nói Việt Nam. Tuy nhiên, với bạn bè, đồng nghiệp, những nhà phê bình có uy tín và những người yêu mến Lưu Quang Vũ thì thơ mới chính là “hồn cốt” của anh, là nơi “*anh kí thác nhiều nhất*”, là “*phần tâm huyết nhất của cuộc đời anh*”, “*về lâu dài đóng góp của Lưu Quang Vũ về thơ còn lớn hơn kịch*”.

1.2. Trong hành trình hơn 20 năm sáng tạo thơ ca, Lưu Quang Vũ đã xây dựng được một hệ thống biểu tượng thể hiện những tư tưởng, cảm xúc mới mẻ về đất nước, nhân dân, tình yêu... Tuy nhiên các công trình, đề tài nghiên cứu về thơ Lưu Quang Vũ từ trước đến nay mới chỉ tập trung xem xét “biểu tượng nghệ thuật” như một yếu tố góp phần làm nên nét đặc sắc trong thơ Lưu Quang Vũ và chỉ dừng lại tiến hành khảo sát một số biểu tượng cơ bản như: mưa, gió, lửa... mà bỏ sót rất nhiều biểu tượng quan trọng khác.

Chọn đề tài “**Biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ**”, chúng tôi mong muốn khảo sát toàn diện và đầy đủ hơn hệ thống các biểu tượng nghệ thuật đã góp phần quan trọng tạo nên hồn thơ, phong cách thơ Lưu Quang Vũ. Giải mã được các biểu tượng là ta đã có được chìa khóa để đi vào tác phẩm, khám phá được những mạch ngầm tư tưởng, những cách tân nghệ thuật mới mẻ của Lưu Quang Vũ. Từ đó khẳng định những đóng góp quan trọng của anh đối với nền văn học nước nhà trong lĩnh vực thơ ca.

1.3. Tìm hiểu “**Biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ**” với việc khảo sát, thống kê, giải mã những biểu tượng xuất hiện trong những sáng tác của Lưu Quang Vũ, đặc biệt là những tác phẩm được viết trong thời kì 1971-

1974, với những vần thơ “*viễn vọng cay đắng u buồn*” một thời bị coi là lạc điệu so với thời đại, sẽ giúp chúng ta có cái nhìn bao quát và toàn diện hơn về diện mạo và quá trình đổi mới của thơ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Những nhận xét chung về thơ ca Lưu Quang Vũ.

Lưu Quang Vũ là một tài năng thơ thuộc loại bẩm sinh. Ngay từ tập thơ đầu tiên “**Hương cây – Bếp lửa**” in chung với Bằng Việt (1968) Lưu Quang Vũ đã được ghi nhận là “*một trong những đỉnh cao của thơ ca chống Mỹ, và vẫn là một hồn thơ được nhiều người ưu ái nhất*” [40, tr.180]. Khi đó, Hoài Thanh cũng nhiệt tình khẳng định Lưu Quang Vũ là “*một cây bút trẻ có nhiều triển vọng*” [40, tr.106], còn nhà phê bình Lê Đình Kị thì cho rằng: “*Thơ Lưu Quang Vũ có một điệu tâm hồn riêng và không thiếu tâm tình*” [40, tr.29].

Sự ra đi đột ngột của gia đình nghệ sĩ Xuân Quỳnh – Lưu Quang Vũ đã gây nên nỗi bàng hoàng, thương xót vô hạn của giới văn nghệ sĩ và độc giả. Sự đau xót, cảm thương cho số phận nghiệt ngã của những tài năng giống như một sự thôi thúc, khiến người ta đọc lại, nhìn nhận, đánh giá những gì Quỳnh - Vũ để lại cho cuộc đời, cho thi ca. Những vở kịch của Lưu Quang Vũ tiếp tục được dựng lại, những bài thơ một thời sống trong cõi im lặng, trong sổ tay, trí nhớ của bạn bè giờ được công bố rộng rãi trong “**Mây trắng của đời tôi**” (1989), “**Bầy ong trong đêm sâu**” (1993)... gần đây nhất là tuyển thơ “**Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi**” (2010).

Đọc lại những bản thảo của Lưu Quang Vũ, Vũ Quân Phương nhận thấy: “*thơ mới là nơi anh kí thác nhiều nhất và tôi tin nhiều bài thơ của anh sẽ thắng được thời gian...Tôi thấy trước sau cốt cách thi sĩ vẫn là nét trội nhất*

trong tâm hồn anh. Tôi cũng trộm nghĩ, về lâu dài sự đóng góp của Lưu Quang Vũ về thơ còn lớn hơn kịch” [40, tr.355].

Lê Minh Khuê cũng đồng quan điểm với Vũ Quần Phương khi nêu ý kiến: *“Nhiều người hay cho rằng Lưu Quang Vũ là của sân khấu. Nhưng bạn bè anh vẫn nghĩ: Vũ và thơ. Bản thân anh khi còn sống cũng luôn đánh giá thơ là quan trọng của đời anh.” [40, tr.158].*

Lí Hoài Thu trong bài viết **“Sức sáng tạo của một tài năng”** khẳng định: *“Lưu Quang Vũ trước hết là con người của thơ ca. Chất thơ là nhân tố chính trong cấu trúc tâm hồn và cá tính nghệ sĩ của ông. Nó có sức lan tỏa mạnh mẽ sang các thể loại khác và dẹt nên nét đặc trưng nổi bật nhất trong phong cách nghệ thuật của Lưu Quang Vũ.” [40, tr.54].*

Nguyễn Thị Minh Thái đã rất tinh tế khi nhận ra: *“Thơ là nơi ẩn náu cuối chót của chàng thi sĩ buồn này. Thơ với Lưu Quang Vũ là tất cả sự hàm ơn và trang trải riêng tư của tâm hồn chàng với đời sống” [40, tr.108].* Lưu Quang Vũ *“viết kịch để sống với mọi người”* và *“làm thơ để sống với chính mình”*. Và chính *“những vần thơ thấm đẫm bản khoãn”* ấy lại là những tài sản tinh thần quý giá nhất anh để lại cho hậu thế, như nhà văn Anh Ngọc từng khẳng định: *“Lưu Quang Vũ trước hết là một nhà thơ và sẽ tồn tại với mai sau như một nhà thơ” [40, tr.151].*

Có thể nói, có rất nhiều ý kiến đánh giá về cuộc đời cũng như sự nghiệp thi ca của Lưu Quang Vũ. Tuy nhiên, tựu chung lại, tất cả đều thống nhất cho rằng: Lưu Quang Vũ không chỉ là một nhà viết kịch đại tài mà còn là một nhà thơ tài hoa với những vần thơ *“không gì có thể thay thế được”*.

2.2. Ý kiến đánh giá về những cảm hứng chính trong thơ Lưu Quang Vũ.

Để đánh giá chính xác tài năng, sự cống hiến và đóng góp của Lưu Quang Vũ đối với nền văn học dân tộc, các nhà nghiên cứu đã tập trung khai

thác, tiếp cận thơ ca Lưu Quang Vũ ở phương diện những cảm hứng chính. Có thể dễ dàng nhận ra những cảm hứng chính bao trùm lên toàn bộ sự nghiệp sáng tác thơ ca của Lưu Quang Vũ là: cảm hứng về dân tộc, về tình yêu và về người thân.

- Về cảm hứng dân tộc: Đây là một cảm hứng lớn, xuyên suốt chặng đường thơ Lưu Quang Vũ từ những ngày đầu cầm bút đến những vần thơ cuối cùng gửi lại cho đời.

Điều đáng trân trọng ở Lưu Quang Vũ là không chỉ ở những vần thơ đầu tiên chan chứa niềm yêu đời trong **Hương cây – Bếp lửa** hay sự chín chắn, trải nghiệm trong những vần thơ sau này khi đã tìm lại được ý nghĩa của cuộc sống, mà ngay cả trong những năm tháng cô đơn, cùng cực nhất của cuộc đời thì tình yêu của Lưu Quang Vũ đối với quê hương, đất nước, dân tộc vẫn luôn rực cháy. Chỉ có điều, như Phạm Xuân Nguyên đã nhận ra, Vũ lặng lẽ tách mình ra khỏi “dàn đồng ca ca ngợi đất nước thời trận mạc”, nhìn chiến tranh từ góc độ không tô vẽ, không lý tưởng hoá. Tâm hồn thi sĩ của anh đau nỗi đau của một người dân mất nước, vật vã đau đớn lo cho đất nước đói nghèo, cơ cực. Từ đó, nhà thơ xác định được con đường đi cho riêng mình: chối bỏ những chữ ngọt ngào, lộng lẫy, để lựa chọn “*những chữ lấm lem đứng dậy từ đời thực*”.

Vũ Quần Phương thì chỉ ra cái đặc biệt của cảm hứng dân tộc trong thơ Lưu Quang Vũ là ở chỗ anh quan tâm đến vẻ hùng vĩ của đất đai, vẻ đẹp óng ánh của ngôn ngữ, đời sống trần mạc gian lao của người dân. Lưu Quang Vũ còn yêu thương và ngợi ca nhân cách dân tộc, ngợi ca tâm vóc vĩ đại và sự hi sinh cao cả của người dân. Sự ngợi ca này của anh dễ lẫn vào giọng ca chung của cả nền thơ nếu anh không biết cá thể hoá nó. Anh đã cá thể hoá nó bằng bút pháp, bằng cái tài hoa của Lưu Quang Vũ có nhiều nét cá biệt.

- Về thơ tình Lưu Quang Vũ: Lưu Quang Vũ là một nghệ sĩ gặp nhiều bất hạnh trong cuộc sống nhưng lại là một người đàn ông may mắn trong tình yêu, nói như Lưu Khánh Thơ: *“Trong cuộc đời long đong, vất vả của anh, hầu như ở giai đoạn nào anh cũng gặp một tình yêu lớn”*. Đối với Lưu Quang Vũ, tình yêu ấy chính là chỗ dựa về mặt tinh thần, là nguồn cảm hứng sáng tạo mặc dù đôi khi *“cái mà tình cảm đó đem lại có thể là một vết thương, một nỗi đau suốt đời”* [40, tr.90].

Nhận xét về tình yêu trong thơ Lưu Quang Vũ, các nhà nghiên cứu đặc biệt chú ý đến hình ảnh người con gái. Lưu Khánh Thơ cho rằng: *“Hình ảnh người con gái trong thơ tình Lưu Quang Vũ thường rất đẹp. Có thể đó là hạnh phúc hay đau khổ, là nước mắt hay nụ cười nhưng bao giờ anh cũng nói về họ bằng những lời nồng nàn say đắm nhất. Có khi là một người tình cụ thể, cũng có khi chỉ là một hình bóng mơ hồ, một nỗi khát khao không đạt đến, một sự cứu rỗi cho linh hồn cô đơn của anh”* [36, tr.44].

Cảm nhận trên của Lưu Khánh Thơ rất gần với nhận xét của Nguyễn Thị Minh Thái khi tác giả này viết về những “nàng thơ” đã từng xuất hiện trong thơ tình Lưu Quang Vũ: *“Em có thể vừa là người tình, vừa có thể là nỗi khát khao không đạt đến, sự cứu rỗi cho linh hồn đau buồn của chàng, em mang những tên gọi khác nhau, đầy âu yếm và thương cảm”* [40, tr.108].

Ngoài ra, còn nhiều bài viết của các tác giả: Phong Lê, Vũ Quần Phương, Phạm Xuân Nguyên, Vũ Quang Vinh...cũng tập trung khai thác nhiều khía cạnh mới mẻ trong thơ tình Lưu Quang Vũ. Tuy nhiên, kết luận lại, các bài viết đều gặp nhau ở một điểm: với Lưu Quang Vũ tình yêu là số phận. Tình yêu trong thơ anh có nhiều cung bậc phong phú nhưng bao trùm lên tất cả là sự cao thượng, là niềm tin mãnh liệt vào con người và tình yêu.

- Về thơ viết cho người thân: Đọc lại những vần thơ Lưu Quang Vũ viết về mẹ, thơ cho con, thơ viết về cha giúp chúng ta hình dung toàn diện về chân

dung tinh thần của Lưu Quang Vũ. Phong cách thơ anh thể hiện ở những bài thơ này rất rõ nét: một giọng thơ chân thành, giản dị, giàu chất tự sự song vẫn không kém phần nồng nàn, đắm đuối, chan chứa một tình yêu thương mãnh liệt Lưu Quang Vũ dành riêng cho những người quan trọng nhất của cuộc đời mình.

Tóm lại, dù viết về chủ đề nào (về đất nước, về tình yêu hay viết cho người thân) thì các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng những cảm hứng chính trong thơ Lưu Quang Vũ đều in đậm dấu ấn phong cách cá nhân độc đáo, mới mẻ.

2.3. Về hình thức thơ Lưu Quang Vũ

Yếu tố đầu tiên được nói đến khá nhiều trong thơ Lưu Quang Vũ là giọng điệu.

Ngay từ tập thơ đầu tiên in chung với Bằng Việt, Hoài Thanh đã nhận thấy: “*Câu thơ Lưu Quang Vũ thường ngọt ngào, hiền hậu*”, “*đã đọc rồi cứ muốn đọc mãi, ngọt lịm cả người*” [40, tr.67].

Anh Ngọc đưa ra hàng loạt nhận xét: “*Hồn thơ tràn đầy mãnh cảm, đầm thắm đến ngọt lịm*”, “*Một thứ nhạc điệu du dương êm ái đặc biệt*”, “*Sức chảy ào ạt của dòng tình cảm đã phá vỡ mọi khuôn khổ và khiến thơ anh có sức lôi cuốn mạnh mẽ*” [40, tr.148].

Vũ Quần Phương khi “**Độc thơ Lưu Quang Vũ**” đã chỉ ra ở Lưu Quang Vũ “*một giọng thơ rất đắm đuối*”. Ông cũng cho rằng: “*Đắm đuối là một đặc điểm suốt đời của Lưu Quang Vũ. Vui hay buồn, tin cậy hay hoang mang...bao giờ anh cũng đắm đuối*” [40, tr. 78].

Bên cạnh giọng điệu, nét đặc sắc để tạo nên phong cách độc đáo của thơ Lưu Quang Vũ chính là hệ thống những biểu tượng trong thơ anh. GS.TS Lê Văn Lân trong bài viết “**Kinh nghiệm sống và biểu tượng thơ**” (*Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 3/2010) khẳng định: “*Trong thơ Việt Nam,*

thơ Lưu Quang Vũ thuộc loại nhiều biểu tượng, thể hiện tâm trạng bằng biểu tượng” [15, tr.24].

Tác giả Phạm Xuân Nguyên là một trong những người đầu tiên phát hiện ra gió là biểu trưng cho toàn bộ thế giới thơ Lưu Quang Vũ, làm nên nét bản sắc riêng của thế giới nghệ thuật ấy. Gió biểu thị cho sự luôn luôn vươn lên, không yên ổn trong những cái mực thước, khuôn phép, vừa phải, lung chùng. Mạnh mẽ và mãnh liệt như gió và cũng không yên ổn như gió, cảm hứng mạnh nhất trong thơ Lưu Quang Vũ là cảm hứng khai phá, kiếm tìm, là cảm hứng sự thật. Chính vì vậy, dù viết về đất nước, về cuộc chiến tranh hay tình yêu, Lưu Quang Vũ đều có tiếng nói riêng biệt tài hoa của mình. Phạm Xuân Nguyên đã dựng được chân dung tinh thần của nhân vật trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ: Mạnh mẽ, phóng khoáng, đầy khát vọng và bản lĩnh sáng tạo, là *“người nổi gió sớm trong thơ, như về sau nổi gió đầu trong kịch” [40, tr.98].*

Vương Trí Nhàn lại tìm thấy một biểu tượng khác, gắn liền với ý nghĩa tên gọi Lưu Quang Vũ: mưa. Vương Trí Nhàn nhận thấy: *“Trong các thi sĩ đương thời, Vũ là người nhạy cảm với mưa, thân thuộc với mưa hơn ai hết. Ở anh, mưa cho thấy sự trôi qua của thời gian mà con người thấy bất lực, không sao níu kéo nổi. Mưa làm cho hiện tại trở nên vô nghĩa và tương lai trở nên lờ mờ không xác định”[40, tr.115].*

Phan Trọng Thuồng chú ý đến biểu tượng “bầy ong” như hình bóng của tác giả: *“Hình như anh cảm thấy có một sự đồng thân, đồng phận nào đấy giữa mình với con ong: sự cần mẫn, lam lũ, ý thức chắt chiu tìm kiếm, nhỏ nòi, giản dị” [40, tr.194].*

Bên cạnh bài viết của các nhà nghiên cứu, những năm gần đây, xuất hiện ngày càng nhiều những khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án của sinh viên, học viên tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Lưu Quang

Vũ. Có một điểm đồng nhất là khi tìm hiểu về nét đặc sắc độc đáo trong thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ, gần như người viết nào cũng phải nhắc đến “biểu tượng nghệ thuật” với tư cách một nhân tố quan trọng góp phần định hình phong cách thơ anh.

Đã gần một nửa thập kỉ trôi qua kể từ khi Lưu Quang Vũ từ giã chúng ta để đi về cõi vĩnh hằng. Thế nhưng trong lòng bạn yêu thơ, Lưu Quang Vũ vẫn sống mãi với “*những vần thơ không thể thay thế*”, đầy da diết ám ảnh. Cùng với thời gian, các nhà nghiên cứu càng tiếp cận gần hơn với thơ Lưu Quang Vũ, cùng với đó hệ thống biểu tượng trong thơ anh lại tiếp tục được khai phá, tìm tòi. Mặc dù đó mới chỉ dừng lại là những bài viết riêng lẻ, chưa có tính hệ thống, chưa nghiên cứu được toàn diện về những biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ để thấy được vai trò của biểu tượng trong quá trình vận động và đổi mới của nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ, tạo nên dấu ấn phong cách độc đáo của nhà thơ tài hoa này nhưng những bài viết, công trình nghiên cứu trên thực sự là những gợi ý quý báu để chúng tôi triển khai và hoàn thiện đề tài “**Biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ**”.

3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu xuyên suốt toàn bộ chặng đường hơn hai mươi năm sáng tác của tác giả Lưu Quang Vũ thông qua tuyển tập: **Lưu Quang Vũ – Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi (Nxb Hội nhà văn, 2010)**. Khi cần thiết, chúng tôi tiến hành so sánh, đối chiếu với các văn bản đã được công bố từ trước (kể từ tập thơ đầu tiên **Hương cây- Bếp lửa** in chung với Bằng Việt, 1968) cho đến những tập thơ được xuất bản sau này.

4. Mục đích nghiên cứu

Qua việc thống kê, khảo sát, phân tích, giải mã các biểu tượng nghệ thuật trong thơ Lưu Quang Vũ, luận văn hướng tới mục đích:

- Nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện những biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ, từ đó nhìn nhận rõ hơn sự sáng tạo và đặc điểm của tư duy nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ, thấy được vai trò của hệ thống biểu tượng trong việc góp phần làm nên phong cách độc đáo của nhà thơ tài hoa nhưng bạc mệnh này.

- Tìm hiểu hệ thống biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ không chỉ là cơ sở để thâm nhập vào thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ mà còn giúp chúng ta có được cái nhìn bao quát hơn về diện mạo và quá trình phát triển của thơ ca Việt Nam trước và sau năm 1975.

- Khẳng định tài năng, vị trí và những đóng góp của Lưu Quang Vũ trong nền văn học Việt Nam hiện đại.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tiếp cận hệ thống
- Phương pháp thống kê, phân loại
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp liên ngành

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, phần Nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Biểu tượng trong thơ và hành trình sáng tạo thơ Lưu Quang Vũ

Chương 2: Các dạng biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ

Chương 3: Các yếu tố góp phần xây dựng biểu tượng thơ Lưu Quang Vũ

B. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO THƠ LƯU QUANG VŨ

1.1. Biểu tượng

1.1.1. Quan niệm về biểu tượng từ các góc độ khác nhau.

Thuật ngữ “Biểu tượng” có từ thời cổ Hy Lạp với lôgic học của Aristot... Đến cuối thế kỉ XVIII, thuật ngữ này xuất hiện nhiều trong các công trình tâm lý học, sinh lí học, lôgic học...nhưng được dùng với ý nghĩa không nhất quán và ngày càng trở nên phức tạp. Do đó, cần phải tìm hiểu quan niệm về biểu tượng của từng ngành khoa học khác nhau trước khi đi vào phạm vi nghiên cứu chủ yếu là biểu tượng nghệ thuật, biểu tượng thơ ca.

1.1.1.1. Từ góc độ Triết học

Theo **Từ điển triết học**: “*Biểu tượng là hình ảnh trực quan – cảm tính, khái quát về các sự vật và hiện tượng của hiện thực, được giữ lại và tái tạo lại trong ý thức và không có sự tác động trực tiếp của bản thân các sự vật và các hiện tượng đến giác quan*” [34, tr.98].

Như vậy, nhìn từ góc độ triết học, biểu tượng thuộc về giai đoạn tiền ý thức, nó xuất phát từ hiện thực khách quan và được tái tạo lại trong đầu óc con người. Với cách hiểu như vậy, tất cả các sự vật tồn tại trong thế giới khách quan sẽ trở thành biểu tượng khi được con người tiếp nhận theo ý thức chủ quan của mình. Vì thế, mỗi người sẽ có thế giới biểu tượng của riêng mình. Thế giới biểu tượng ấy có phong phú hay không còn tùy thuộc vào môi trường sống, năng lực hoạt động của cá nhân trong việc chiếm lĩnh, thâm nhập vào thế giới xung quanh. Và như vậy trong chúng ta ẩn chứa một kho biểu tượng vô tận mà nói như Guy Schoeler: “*sẽ là quá ít, nếu nói rằng*

chúng ta sống trong một thế giới biểu tượng, một thế giới Biểu tượng sống trong chúng ta” [2, tr.419].

1.1.1.2. Từ góc độ tâm lí

Theo **Từ điển Tiếng Việt**: “*Biểu tượng là một hiện tượng tâm sinh lí do một số sự việc ở ngoại giới tác động vào giác quan khiến ý thức nhận biết được sự vật, kích thích hoặc nhìn thấy hình ảnh của nó trở lại trong trí tuệ hay ý thức” [26, tr.67].*

Như vậy, nhìn từ góc độ tâm lí, biểu tượng chỉ có thể xuất hiện khi có những sự vật, sự việc ở ngoại giới tác động vào giác quan của con người và nó là hình thức cao nhất của giai đoạn nhận thức cảm tính trực quan. Với đặc điểm như vậy, biểu tượng luôn gắn liền với trí tưởng tượng của con người và nó có thể chuyển hóa thành biểu tượng trong lĩnh vực nghệ thuật, đặc biệt ở thể loại thơ ca.

1.1.1.3. Từ góc độ văn hóa

Mỗi một nền văn hóa được cấu thành bởi nhiều yếu tố khác nhau và một trong những yếu tố đó chính là biểu tượng. Các tác giả cuốn **Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới** cho rằng: “*Mọi nền văn hóa đều có thể xem như một tập hợp các hệ thống biểu tượng trong đó xếp hàng đầu là ngôn ngữ, quy tắc hôn nhân, các quan hệ kinh tế, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo...*”. Với các hiểu như vậy, biểu tượng chính là một trong những cơ sở để xác định đặc trưng của một nền văn hóa cũng như mối quan hệ của các nền văn hóa với nhau.

Bên cạnh đặc điểm trên, biểu tượng dưới góc nhìn văn hóa còn mang tính ổn định tương đối bởi mỗi nền văn hóa khác nhau thì hệ thống biểu tượng cũng khác nhau. Mặt khác, như ta đã biết, cấp độ đầu tiên của biểu tượng là “mẫu gốc”. Khi đi vào đời sống văn hóa, mỗi mẫu gốc có thể sản sinh ra những biểu tượng văn hóa khác nhau mà chúng ta có thể tìm thấy

trong các thân thoại, truyền thuyết, lễ nghi, phong tục tập quán. Vì vậy, biểu tượng dưới góc nhìn văn hóa luôn mang đậm hơi thở của dân tộc, của thời đại.

1.1.1.4. Từ góc độ ngôn ngữ

Theo các nhà ngôn ngữ học thì “*Biểu tượng là một kí hiệu tùy thuộc vào đối tượng mà nó biểu hiện do một luật lệ thông thường là một sự liên tưởng chung*” [Theo S.X.Pocxo – Dẫn theo Trần Ngọc Thêm – “**Cơ sở văn hóa Việt Nam**”].

F.Saussure khẳng định: “*Biểu tượng không hoàn toàn vô đoán, nó không phải cái trống rỗng*”, đồng thời ông cũng thừa nhận biểu tượng thuộc vào năng lực cá nhân nhưng luôn luôn chứa đựng một nội dung nhất định được khái quát và chung cất từ thực tiễn.

Như vậy, nhìn từ góc độ ngôn ngữ học, biểu tượng là một sự vật có hình ảnh mang tính chất thông điệp được dùng để gọi ra một cái ở bên ngoài, theo một quan hệ ước lệ. Quan hệ liên tưởng, tưởng tượng và tính ước lệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong biểu tượng là cơ sở để tạo nên tính đa nghĩa cho biểu tượng.

1.1.1.5. Từ góc độ văn học

Nhìn từ góc độ văn học, có rất nhiều cách hiểu về biểu tượng, tựu chung lại có những cách hiểu cơ bản sau:

Văn học là nghệ thuật ngôn từ mà đặc trưng của nghệ thuật, ngôn từ là phản ánh hiện thực đời sống, thể hiện tư tưởng, tình cảm của con người thông qua hình tượng nghệ thuật. Muốn làm được như vậy, nhà văn phải mã hóa ngôn từ, tạo ra một hình thức “lạ hóa” nhằm tạo ra một thế giới nghệ thuật in đậm dấu ấn của chủ thể sáng tạo và xuất hiện những hình tượng nghệ thuật có giá trị. Những hình tượng nghệ thuật này ra đời có sức sống sẽ vượt lên ý nghĩa biểu đạt và làm thành các biểu tượng nghệ thuật đa nghĩa

trong văn học. Quan niệm này đề cập đến vấn đề biểu tượng gắn với những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cũng cần chú ý đến tính đa nghĩa của biểu tượng trong văn học vì đối lập với tư duy suy lý đơn nghĩa thì tính đa nghĩa là một đặc trưng của tư duy nghệ thuật, nó phản ánh những mối quan hệ phong phú và sinh động của văn học và hiện thực.

Các nhà nghiên cứu lý luận văn học cho rằng: Biểu tượng là “*phương tiện tạo hình và biểu đạt*” có tính “*đa nghĩa*” trong tác phẩm văn học.

Trong lĩnh vực thơ ca, biểu tượng chính là một trong những phương tiện biểu đạt có hiệu quả. M.Bakhtin đã coi biểu tượng là đặc trưng khu biệt quan trọng nhất của tác phẩm trữ tình với tiểu thuyết: “*Chính sự vận động của biểu tượng thơ ca sẽ giả định phải có một ngôn ngữ thống nhất, tương hợp trực tiếp với đối tượng của mình*” [13, tr.54].

Như vậy, trong văn học dù được xem xét ở nhiều khía cạnh nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều nhấn mạnh đến vai trò, giá trị khái quát và tượng trưng của biểu tượng, đồng thời nêu bật tính đa nghĩa của biểu tượng trong tác phẩm văn học.

1.1.2. Biểu tượng theo quan điểm của luận văn

1.1.2.1. Khái niệm biểu tượng

Ở trên, chúng ta đã tìm hiểu nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm biểu tượng. Trong luận văn này, chúng tôi tiếp thu cách hiểu của TS. Nguyễn Thị Ngân Hoa trong Luận án tiến sĩ “**Sự phát triển ý nghĩa của hệ Biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam**”: “*Theo nghĩa rộng nhất, khái niệm Biểu tượng dùng để chỉ một thực thể gồm hai mặt: mặt tồn tại cảm tính trong hiện thực khách quan hoặc trong sự tưởng tượng của con người (cái biểu trưng) và mặt ý nghĩa có mối quan hệ nội tại, tất yếu với*

mặt tồn tại cảm tính đó nhưng không bị rút gọn trong những đặc điểm bản thể của sự tồn tại này (cái được biểu trưng)” [12, tr15].

1.1.2.2.Đặc trưng của biểu tượng

Căn cứ vào khái niệm chúng ta có thể xác định được một số đặc trưng cơ bản của biểu tượng, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Mối quan hệ giữa cái biểu trưng và cái được biểu trưng (hay mặt hình thức cảm tính và mặt ý nghĩa) của biểu tượng *“mang tính có lí do, tính tất yếu”*. Chẳng hạn “dòng sông” là một biểu tượng thuộc hệ biểu tượng nước trong văn hóa nhân loại bởi những đặc điểm bản thể mang tính vật chất của thực thể này như nguồn nước, dòng chảy liên tục...và các ý nghĩa mà con người có thể liên tưởng từ thực thể thiên nhiên này như dòng chảy của thời gian, dòng chảy cuộc đời, nguồn sống, nguồn chết, sức mạnh thanh tẩy, khả năng tái sinh...có một mối quan hệ nội tại, tất yếu. Như vậy, ở biểu tượng, giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt luôn tồn tại mối quan hệ về bản chất.

Chính mối quan hệ mang tính có lí do, tính tất yếu giữa hai mặt của biểu tượng là điểm chủ yếu để phân biệt biểu tượng với các tín hiệu quy ước thuần túy đúng như J.Chevailier đã chỉ ra rằng: *“Biểu tượng cơ bản khác với dấu hiệu là một quy ước tùy tiện trong đó cái biểu đạt và cái được biểu đạt (khách thể hay chủ thể) vẫn xa lạ với nhau, trong khi biểu tượng giả định có sự đồng chất giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt theo nghĩa một lực năng động tổ chức” [2, tr.420].*

Thứ hai: Khác với các dấu hiệu, kí hiệu thông thường luôn mang tính đơn trị thì biểu tượng lại luôn mang tính đa trị bởi trong mối quan hệ giữa hai mặt của biểu tượng, cái được biểu trưng *“không bị rút gọn trong những đặc điểm bản thể của sự tồn tại này” [2, tr.413].* Nếu như các kí hiệu, dấu hiệu thông thường, tỉ lệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt là 1:1 (một cái

biểu đạt, một cái được biểu đạt) thì dung lượng giữa cái biểu trưng và cái được biểu trưng trong biểu tượng không phải là tỉ lệ 1:1, “*chỉ một cái biểu đạt giúp ta nhận thức ra nhiều cái được biểu đạt, hoặc giản đơn hơn...cái được biểu đạt dồi dào hơn cái biểu đạt*” [2, tr.414], hay nói cách khác, trong biểu tượng có sự “*không thích hợp giữa tồn tại và hình thức...sự ứ tràn của nội dung ra ngoài hình thức biểu đạt của nó*” (Tevezan Todorov) [2, tr.417].

Thứ ba: Theo TS. Nguyễn Thị Ngân Hoa, biểu tượng còn có một đặc trưng nữa là tính sản sinh: “*Biểu tượng khác cơ bản với các dấu hiệu, kí hiệu khác (kể cả tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên) ở chỗ, ngoài chức năng thay thế, chức năng biểu hiện, chức năng giao tiếp, chức năng quan trọng nhất của biểu tượng là chức năng thẩm mĩ: sản sinh ra các hình tượng nghệ thuật*” [12, tr17]. Con đường sản sinh biểu tượng ngôn từ bắt đầu từ “*mẫu gốc*” hay còn gọi là “*nguyên mẫu*”, “*nguyên hình huyền thoại*”, “*nguyên sơ tượng*” hay “*siêu mẫu*”. Trong thực tế cuộc sống “*bản tổng kết đã được công thức hóa của khối kinh nghiệm to lớn của các thế hệ tổ tiên*” có thể đi vào đời sống văn hóa và đời sống nghệ thuật. Khi đi vào đời sống văn hóa, mỗi mẫu gốc có thể sản sinh ra nhiều biểu tượng văn hóa khác nhau mà “*dấu vết của nó có thể được tìm thấy trong các thần thoại, truyền thuyết, nghi lễ, phong tục*” [12, tr.20]. Còn khi đi vào nghệ thuật, từ một mẫu gốc, một biểu tượng gốc sẽ sản sinh ra các biến thể loại hình. Văn học là nghệ thuật ngôn từ nên cũng không nằm ngoài quy luật đó. Chẳng hạn như biểu tượng gốc là “*nước*” nhưng khi đi vào trong tác phẩm thơ văn nó sẽ sản sinh ra các biến thể loại hình như: dòng sông, biển, suối, mưa, sương, sóng, thác... Trong loại hình nghệ thuật ngôn từ, biểu tượng bắt buộc phải rời xa đời sống nguyên khởi của nó để khoác lấy cái vỏ âm thanh ngôn ngữ. Để giải mã một biểu tượng nghệ thuật, hoặc cảm thụ một tác phẩm giàu tính biểu tượng, chúng ta cần hiểu rõ: tư duy biểu tượng luôn đối nghịch với tư duy khoa học, không vận

hành “*theo lối rút gọn từ cái bội đến cái đơn mà bằng lối bùng nổ từ cái đơn đến cái bội*” [12, tr.19]. Vì vậy, con đường giải mã biểu tượng trong tác phẩm văn học sẽ phải đi từ những cái cụ thể như ngôn từ, các thủ pháp nghệ thuật... để tìm ra những cái hàm ẩn đằng sau những biểu tượng ngôn từ.

Như vậy, từ những đặc trưng cơ bản của biểu tượng ta thấy giải mã biểu tượng chính là con đường để tiếp cận những giá trị đích thực của một tác phẩm văn học.

1.1.3. Phân biệt biểu tượng và một số khái niệm gần gũi

Như trên đã nói, biểu tượng là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau và thường được dùng với nhiều nghĩa không nhất quán. Vì vậy, việc xác định nội hàm khái niệm biểu tượng là vấn đề khá phức tạp. Để xác định rõ hơn thuật ngữ biểu tượng, ta cần phân biệt biểu tượng với một số khái niệm khác thường gây nhầm lẫn như: biểu trưng, ẩn dụ, phúng dụ, hình tượng... Bởi “*sự nhầm lẫn này dễ làm cho biểu tượng yếu đi thành một dạng tu từ*” [2, tr.401].

1.1.3.1. Biểu tượng và ẩn dụ

Biểu tượng và ẩn dụ là hai khái niệm rất dễ nhầm lẫn bởi chúng đều là những phương thức chuyển nghĩa của lời nói dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh các sự vật, hiện tượng. Tuy vậy, giữa biểu tượng và ẩn dụ vẫn có những điểm khác nhau cơ bản. V.I.Ermina đã chỉ ra sự khác biệt này: “*Ẩn dụ trong thơ ca dân gian được sinh ra tức thời và mất đi khá nhanh. Biểu tượng được hình thành trong thời gian dài và sống hàng trăm năm. Ẩn dụ là yếu tố biến đổi còn biểu tượng không đổi mà bền vững. Ẩn dụ là phạm trù thẩm mỹ và phần lớn tự do, tách khỏi hệ thống thi ca xác định*”. Trong luận văn này, chúng tôi phân biệt biểu tượng và ẩn dụ ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất: ẩn dụ là một phương thức chuyển nghĩa, lấy sự vật, hiện tượng này để gọi tên cho sự vật, hiện tượng khác, trong đó luôn có một vẻ ẩn đi còn một vẻ lộ diện. Còn biểu tượng thì có phạm vi rộng hơn.

Thứ hai: mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ẩn dụ là mối quan hệ tương đồng còn trong biểu tượng là mối quan hệ nội tại.

Thứ ba: tỉ lệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ẩn dụ thường là 1:1, còn với biểu tượng là $1 < 1$.

Với những lí do trên, ta thấy không thể đồng nhất biểu tượng và ẩn dụ, sự đồng nhất đó sẽ biến biểu tượng thành một dạng tu từ thông thường. Vì thế, sẽ làm yếu đi ý nghĩa của biểu tượng.

1.1.3.2. Biểu tượng và phúng dụ

Theo các tác giả của cuốn **Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới** thì “Phúng dụ” là *“một biểu hiện bằng hình thông thường mang hình thức người nhưng cũng có khi là thú hay thực vật, để nói một chiến công, một tình thế, một đức hạnh, một tồn tại trừu tượng”* [2, tr.403]. Ví như một đứa trẻ có cánh là phúng dụ cho *“một tồn tại trừu tượng”* đó là thiên thần tình yêu, một người phụ nữ có cánh lại là hình ảnh phúng dụ của chiến thắng...

Từ cách hiểu về phúng dụ như vậy, các tác giả này đã phân định rõ sự khác biệt giữa phúng dụ và biểu tượng như sau: *“Phúng dụ là một thủ thuật lý tính không bao hàm ý nghĩa chuyển dịch sang một bình diện mới của tồn tại, cũng không đào thêm vào một chiều sâu của ý thức; đây là sự biểu hình, ở cùng một cấp độ ý thức, cái mà đã có thể biết khá rõ bằng một cái khác. Biểu tượng báo hiệu một bình diện ý thức khác với cái hiển nhiên lý tính; nó là mật mã của một bí ẩn, là cách duy nhất để nói ra được cái không thể nắm bắt bằng cách nào khác; nó không bao giờ có thể được cắt nghĩa một lần là xong, mà cứ phải giải mã lại mãi, cũng giống như một bản nhạc không bao*

giờ chơi một lần là xong mà đòi hỏi một lối biểu diễn luôn luôn mới” [2, tr.407].

Như vậy, sự khác biệt cơ bản nhất giữa phúng dụ và biểu tượng là ở chỗ: nếu như phúng dụ là những hình ảnh cố định, tĩnh tại thì một trong những đặc trưng tiêu biểu của biểu tượng đó chính là tính “năng động” và biến đổi linh hoạt. Do vậy, ta cần phân biệt biểu tượng và phúng dụ để không làm khô cứng đi các nét nghĩa của biểu tượng.

1.1.3.3. Biểu tượng và tượng trưng

Trong Tiếng Anh, thuật ngữ “Biểu tượng” (symbol) được dùng với hai nghĩa là: Biểu tượng và hình ảnh tượng trưng. Nhưng ở đây, chúng tôi phân biệt hai khái niệm này vì ở một góc độ nhất định, hai khái niệm này không hoàn toàn đồng nhất với nhau.

Điểm khác nhau cơ bản giữa tượng trưng và biểu tượng là ở chỗ: nghĩa của tượng trưng thường cố định và ổn định hóa. Một hình ảnh tượng trưng cũng chỉ là một nét nghĩa của biểu tượng đã được ước lệ hóa mà thôi. Ví như hoa hồng tượng trưng cho tình yêu, chim bồ câu tượng trưng cho hòa bình... Trong khi đó nghĩa của biểu tượng lại rất “năng động”, sự biến đổi nghĩa của nó tùy thuộc vào ngữ cảnh ngôn ngữ, ngữ cảnh văn hóa, quan hệ với nhân tố chủ thể và môi trường văn hóa. Chẳng hạn như, từ một mẫu gốc “nước” trong nền văn hóa nhân loại sẽ sản sinh ra nhiều biến thể khác nhau như biển, sông, ao, giếng, mưa, sương... nhưng khi biến thể này đi vào trong văn chương nó lại mang những nét nghĩa biểu tượng khác nhau. Hồ Xuân Hương khi viết về “**Giếng nước**” bà đã hạ bút:

Giếng ấy thanh tân ai chẳng biết

Đó ai dám thả nạ dòng dòng

Trong khi đó, Thanh Thảo lại chuyển mẫu gốc nước vào biểu tượng “sóng” biểu trưng cho sự hi sinh thầm lặng, sức mạnh vĩ đại của nhân dân trong kháng chiến:

*Dù mấy mươi năm đằng đẵng
Những cuộc đời như sóng
Lớp lớp lặng chìm lớp lớp trào dâng*

(Trẻ con Sơn Mỹ)

Như vậy, chúng ta không thể đồng nhất biểu tượng và tượng trưng vì như thế sẽ làm mất đi nhiều nét nghĩa của biểu tượng.

1.1.3.4. Biểu tượng và hình tượng.

Văn học là hình thức nghệ thuật ngôn từ, nó phản ánh hiện thực cuộc sống, thể hiện tư tưởng tình cảm của con người thông qua các hình tượng nghệ thuật. Bên cạnh đó, sức sống của các tác phẩm văn học, tính đa nghĩa của một tác phẩm văn học một phần là nhờ các biểu tượng nghệ thuật. Vậy, hình tượng và biểu tượng khác nhau ở chỗ nào, nó có mối quan hệ với nhau ra sao?

Theo TS. Nguyễn Thị Ngân Hoa: “*Biểu tượng văn hóa, biểu tượng nghệ thuật, biểu tượng thơ ca trong những tác phẩm nhất định, phải được tổ chức lại thành các hình tượng với chất liệu đặc trưng cho từng ngành nghệ thuật*” [12, tr.17] và từ đó tác giả khẳng định: “*Biến thể của biểu tượng trong tác phẩm là hình tượng. Với văn học viết, hình tượng có thể là sự tồn tại ở bình diện chủ thể của biểu tượng*”. Tuy nhiên, trong thực tế văn học, không phải hình tượng nào cũng có ý nghĩa biểu tượng, không phải hình tượng nào cũng là biến thể của biểu tượng, xuất phát từ biểu tượng. Có rất nhiều hình tượng có giá trị hoàn toàn do tác giả tạo ra mà không xuất phát từ một mẫu gốc nào, chẳng hạn hình tượng con hổ trong bài thơ “**Nhớ rừng**”

của Thế Lữ, hay hình tượng “xe không kính” trong “**Tiểu đội xe không kính**” của Phạm Tiến Duật...

Như vậy, chúng ta đã tìm hiểu rõ hơn về quan niệm biểu tượng bằng cách khu biệt khái niệm này với một số khái niệm gần gũi như ẩn dụ, phóng dụ, tượng trưng, hình tượng... Thiết nghĩ, đây là thao tác cần thiết để xác định được khái niệm biểu tượng trước khi đi vào tìm hiểu cụ thể biểu tượng trong sáng tác của Lưu Quang Vũ.

1.2. Hành trình sáng tạo và biểu tượng trong thơ của Lưu Quang Vũ.

Khác với thơ của người bạn đời Xuân Quỳnh, khác với những nhà thơ cùng thế hệ xuất hiện trong thời kì chống Mỹ: Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Nguyễn Duy, Thanh Thảo... thơ Lưu Quang Vũ là sự vận động không thuần nhất. Thơ anh có sự thay đổi giọng điệu mà đa phần các nhà thơ khác không có. Những biến động trong cuộc đời đa đoan đã dẫn đến những âm hưởng khác nhau trong thơ. Và hệ thống biểu tượng, tiêu biểu cho sự vận động của tư duy nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ qua các thời kì, do đó cũng trở nên phong phú và đa dạng hơn.

1.2.1. Giai đoạn từ đầu đến năm 1970

Lưu Quang Vũ bắt đầu làm thơ từ năm 1958 và đến năm 1968 thì ra mắt bạn đọc tập thơ **Hương cây – Bếp lửa** in chung với Bằng Việt. Mặc dù “*cảm xúc thơ chưa nâng lên thành sự hiểu biết, khám phá về cuộc sống, chưa sử dụng hết những phương tiện của thơ để soi rọi và rung lên âm vang của cái thế giới tâm hồn phong phú và trong sáng của những con người hiện nay*” [36, tr.24] nhưng hơn 20 bài thơ đầu tay của Lưu Quang Vũ thực sự đã có một “*điệu tâm hồn riêng*”, kịp định hình một phong cách thơ trẻ trung, sôi nổi, mê đắm, tràn ngập niềm yêu đời và yêu cuộc sống. Thơ Lưu Quang Vũ thời kì này chủ yếu viết về mẹ, em và quê hương; biểu tượng xuất hiện nhiều trong thơ anh là các biểu tượng có nguồn gốc tự nhiên: mưa, gió,

nắng, đất, lửa...và đặc biệt là các loại hoa. Không gian rừng với đôi mua tím, hoa xoan tây, hoa chuối đỏ, hoa sở trắng...là ám ảnh của tuổi thơ, biểu trưng cho sự chở che, yên ấm và hoài niệm; không gian vườn trong phố với bày ong đi kiếm mật, hoa dẻ góc vườn, hoa tím...là biểu trưng của tình yêu đôi lứa, sự giao hòa, sinh sôi – nơi cái đẹp hiện hữu vừa mong manh vừa quyến rũ. Vườn đôi là vườn mẹ, vườn quê; vườn trong phố là vườn em, vườn tình, vườn thơ thứ nhất. Không gian vườn với các loài hoa và các biểu tượng có nguồn gốc từ tự nhiên tạo nên một thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ thời kì đầu nhiều mơ mộng, giàu cảm xúc tinh tế cho thấy “*sự bồi hồi xao động của một tâm hồn còn non trẻ trước cuộc đời vô cùng rộng lớn*” [44, tr. 8].

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1971 đến năm 1974

Đầu thập kỉ 70, khi đất nước bước vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ thì cũng là khoảng thời gian ghi dấu một bước ngoặt mới đầy biến động trong cuộc đời Lưu Quang Vũ, là giai đoạn “*gian khó, cô đơn đến cùng cực*” gắn liền với những vần thơ “*viễn vọng cay đắng u buồn*”. Do bản chất nghệ sĩ phóng túng, anh bị kỉ luật trong quân đội, trở về, không nghề nghiệp, không việc làm, hạnh phúc gia đình tan vỡ. Tất cả những hoài nghi, thất vọng, sự tan vỡ của những môi tình anh đều dồn vào thơ. Vì vậy, thơ anh có một giọng điệu khác, hoàn toàn khác biệt với giọng điệu chung của thời đại. Chính vì thế, những sáng tác của Lưu Quang Vũ trong giai đoạn này một thời gian dài chỉ sống trong sổ tay và trí nhớ bạn bè, sau này được nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn tập hợp lại trong tập di cao “**Bầy ong trong đêm sâu**” và được giới phê bình đánh giá là những tác phẩm có giá trị, mang tinh thần hiện thực và nhân bản lớn, làm phong phú thêm sắc màu, diện mạo của thơ ca kháng chiến chống Mỹ nói riêng và thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung.

Có thể nói, chính những vần thơ một thời chỉ sống trong cõi im lặng ấy đã giúp Lưu Quang Vũ hoàn thiện bức chân dung tâm hồn của chính mình. Đó không phải là một bức tranh đẹp mượt mà mà là một bức họa xô lệch với những gam màu đối lập, nghịch lí, u ám... như chính bộ mặt cuộc đời mà anh cảm nhận. Thế nhưng, từ đáy sâu nỗi buồn và sự tuyệt vọng thơ anh vẫn cháy lên một niềm tin, một khát vọng không thể nào dập tắt. Nó làm nên kiểu cấu trúc hai mặt trong thơ anh: Tuyệt vọng – hi vọng và đồng thời cũng tạo nên nét nghĩa hai mặt cho các biểu tượng xuất hiện nhiều trong giai đoạn này như: quả chuông, bức tường, sân ga-con tàu, bài hát...

1.2.3. Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1988.

Gặp Xuân Quỳnh, tìm lại được niềm tin trong tình yêu và cuộc sống, thơ Lưu Quang Vũ quay lại với mạch nguồn cảm xúc trẻ trung, lạc quan, yêu đời nhưng có chiều sâu và chiêm nghiệm nhiều hơn của một kẻ hết thời nông nổi đã tìm được hướng đi cho mình – dù đôi khi cũng rất mơ hồ. Thơ anh vẫn viết về tình yêu nhưng không còn mơ mộng như giai đoạn đầu hay mãnh liệt, tuyệt vọng như giai đoạn sau mà trở nên da diết, ân tình hơn. Cái tôi trong thơ Lưu Quang Vũ không chỉ say sưa trong tình yêu mà còn nhiệt huyết trong cảm hứng về nhân dân, đất nước. Đọc **“Đất nước đàn bầu”**, **“Những chữ”**, **“Tiếng Việt”**, **“Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi”**... mới cảm nhận được hết sự hồi sinh mãnh liệt của Lưu Quang Vũ. Vẫn là hệ thống biểu tượng được anh xây dựng từ trước với gió, mưa, đất, lửa... nhưng ý nghĩa biểu trưng trở nên phong phú, đa dạng hơn. Nếu ở chặng đầu tiên, hình ảnh đất nước còn mờ nhạt, mới chỉ là hình ảnh của thôn xóm, quê hương thì ở chặng này, với việc tạo thêm ý nghĩa biểu trưng cho các biểu tượng cũ, đất nước, nhân dân hiện lên trong chiều dài lịch sử và văn hóa, được khám phá ở ở góc độ lạ và có chiều sâu hơn. Những sáng tác của

Lưu Quang Vũ trong thời kì này được tập hợp chủ yếu trong tập thơ “**Mây trắng của đời tôi**” (1989).

Nếu quan niệm mỗi nhà thơ đều là đứa con của lịch sử và thời đại sản sinh ra họ thì Lưu Quang Vũ cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Theo sát hành trình sáng tạo thơ ca của Lưu Quang Vũ từ những ngày đầu cầm bút đến khi lặng lẽ chia tay bạn đọc có thể dễ dàng nhận ra thơ anh có quá trình phát triển khá phức tạp. Về cơ bản, cái tôi trong thơ Lưu Quang Vũ đi từ mơ mộng đến thức tỉnh và chiêm nghiệm, từ niềm vui bông bột tới nỗi cô đơn khắc khoải và tạm dừng chân với hạnh phúc đời thường. Trong quá trình vận động thăng trầm đó, hệ thống biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ ngày càng trở nên đa dạng, phong phú và giàu có thêm về ý nghĩa biểu trưng, biểu đạt. Đồng thời, cái tôi trong thơ anh vẫn bảo lưu được những nét căn cốt làm nên hồn thơ, phong cách thơ Lưu Quang Vũ. Đó là cái tôi tinh tế trong cảm giác, phóng túng trong liên tưởng, trung thực, mãnh liệt trong đánh giá đối tượng và luôn chân thành, đằm đuối.

Ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ nhưng với sự lao động nghiêm túc trong nghệ thuật, Lưu Quang Vũ đã kịp để lại cho đời một khối lượng tác phẩm phong phú trong nhiều lĩnh vực. Với những đóng góp ấy, năm 2000 Lưu Quang Vũ đã được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tài năng và sự cống hiến của anh cho nền văn học Việt Nam hiện đại.

Tiểu kết: Như vậy, ở chương 1, qua việc trình bày tóm tắt những cách tiếp cận biểu tượng từ quan điểm nghiên cứu của các ngành khoa học: Triết học, Tâm lý, Văn hóa, Ngôn ngữ, Văn học... chúng tôi đã hệ thống những vấn đề cơ bản nhất về lý thuyết biểu tượng. Trên cơ sở đó, chúng tôi mạnh dạn đề xuất cách phân loại biểu tượng, một số hướng tiếp cận và giải mã hệ thống biểu tượng trong thơ của Lưu Quang Vũ. Đây chính là căn cứ để

chúng ta có thể vận dụng tìm hiểu, giải mã ý nghĩa của những biểu tượng cụ thể trong thơ của Lưu Quang Vũ sẽ được trình bày ở những chương sau.

CHƯƠNG 2

CÁC DẠNG BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ

LƯU QUANG VŨ

2.1. Những biểu tượng có nguồn gốc từ tự nhiên.

2.1.1. Biểu tượng Nước.

Cùng với một số biểu tượng khác thì nước được coi là một trong những cổ mẫu xưa nhất của nhân loại. Trong thơ của Lưu Quang Vũ, biểu tượng nước phân hóa thành một số biến thể khác nhau. Căn cứ vào tiêu chí là các không gian chứa nước, chúng ta có các biểu tượng: biển, sông, suối; căn cứ vào tiêu chí là các trạng thái của nước, ta có các biểu tượng: sóng sương, mưa... Ở đây, người viết không đặt mục đích tìm hiểu, lí giải các nét nghĩa của tất cả biểu tượng thuộc hệ biểu tượng Nước trong thơ Lưu Quang Vũ mà chỉ chọn hai biểu tượng tiêu biểu là mưa và dòng sông để giải mã nhằm toát lên tư tưởng chủ đạo trong các sáng tác của nhà thơ.

2.1.1.1. Mưa

Theo thống kê của chúng tôi trong 129 bài thơ của Lưu Quang Vũ được in trong tuyển thơ **“Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi”** thì có đến 158 lần hình ảnh mưa xuất hiện. Thời kì anh viết về “mưa” nhiều nhất là những năm đầu 70 khi cuộc đời anh rẽ sang một trang mới đầy biến động và đau thương. Những cơn mưa xuất hiện trong thơ Lưu Quang Vũ không đơn thuần chỉ là hiện tượng thời tiết thông thường mà còn là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tâm trạng, bộc lộ tình yêu với buồn vui, lo âu, hi vọng... Trước hết, mưa với Lưu Quang Vũ là đối tượng để gửi gắm nỗi buồn. Anh đã vẽ nên một bức tranh mưa u ám với:

*Thành phố nghèo mù mịt mưa rơi
Cánh hoa nhòe trong mưa rơi tả*

Trong bốn bề mưa xám, xuất hiện hình ảnh người đàn ông mặc áo lính rách rưới đi lang thang. Mưa gắn với màu xám, với người đàn bà “đội mũ nôi đàn ông”, “mặc áo mưa đi lang thang trong thành phố lạ”. Họ đi tìm nhau như những kẻ lạc loài, “mưa ướt đầm trên khuôn mặt xanh xao” của họ. Hình ảnh họ xộc xệch, rách rưới, gợi cảm giác cũ kĩ, u ám, cô đơn đến tội nghiệp.

Những cơn mưa trong thơ Vũ bao giờ cũng gắn liền với những hình ảnh gợi sự đổ vỡ, lạnh lẽo, tạo nên một trường liên tưởng đặc biệt cho thơ:

Những đèn đài thưở trước đã tan hoang

Những chùa cổ chiều mưa rêu ướt lạnh

(Hoa tâm xuân)

Nay một mình trở lại ngoại ô mưa

Lụp xụp quán cà phê ngày cũ

(Quán cà phê ngoại ô)

Quán cà phê dưới gầm xe lửa

Hạt mưa đen trên ô kính vỡ

(Lá thu)

Lá com nguội rơi vàng rãnh nước

Mưa ướt đầm trên gạch vỡ tan hoang

(Cầu nguyện)

Mắt mênh mông lạng lẽ ngón tay gầy

Giọt mưa lạnh chảy dài trên má

Ngọn đèn vàng ô kính vỡ

Con ngựa gầy phiêu bạt thảo nguyên xa

(Thơ tình gửi người đàn bà không có tên III)

Độc thơ Vũ thời kì này dễ dàng nhận thấy dấu ấn của những đổ vỡ, mất mát, hoài nghi của cuộc sống thực tại in đậm trong thơ. Là nơi ẩn náu cuối chót của chàng thi sĩ, thơ trở thành người bạn tri kỉ không bao giờ phản bội của anh. Và những cơn mưa cũng thế. Mưa không chỉ là người bạn tâm tình mà còn là biểu trưng cho thế giới tinh thần Lưu Quang Vũ. Với tâm trạng “*không biết làm gì, không biết tin vào điều gì*”, Vũ nhìn những cơn mưa qua đi mà thấy thực tại vô nghĩa và “*tương lai trở nên lơ mờ không xác định*”:

*Mưa dữ dội trên đường phố trên mái nhà
Như thác trắng vỡ tan như bạc của trời như bước chân kí ức
Em vuốt nước mưa chảy ròng trên mặt
Ngoảnh đầu nhìn về đâu?*

(Mưa dữ dội trên đường phố trên mái nhà)

Không chỉ có thế, Huỳnh Như Phương còn cho rằng: “*Mưa trong thơ Vũ gây ấn tượng về một không gian tù đọng, xám lạnh và tâm trạng rã rời, bài hoải, đầy âu lo. Mưa còn là điềm dữ báo trước cho những số phận*” [37, tr.106]. Những cơn mưa luôn đem lại cho Lưu Quang Vũ những dự cảm bất an về tương lai:

*Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa
Xóa nhòa hết những điều em hứa
Mây đen tới trời chẳng còn xanh nữa
Nắng không trong như nắng buổi ban đầu*

(Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa)

*Mưa không mơ hồ mà tàn nhẫn từng cơn
Quyển sách cũ bài thơ nhòe nét chữ
Em đã tin trời xanh ngoài cửa sổ
Trời đen sẫm cửa sập nát vai em*

(Gửi một người bạn gái)

Khi Lưu Quang Vũ thất vọng và hoài nghi với tất cả thì cũng là khoảng thời gian anh làm thơ nhiều nhất, cho ra đời những bài thơ in đậm dấu phong cách cá nhân nhất. Và những cơn mưa trong thơ Vũ giai đoạn này luôn tạo ra cho người đọc ấn tượng về một không gian đầy màu xám, một cuộc sống tù đọng, trống rỗng, một tâm hồn toi tả, rách nát – bản thân hiện thực, sự yếu đuối dường như được bóc trần trong mưa.

Tuy nhiên, không phải mưa trong thơ Vũ lúc nào cũng gọi buồn. Giai đoạn sau 1974, khi Lưu Quang Vũ được hồi sinh trong tình yêu với Xuân Quỳnh thì dường như những cơn mưa trong thơ anh, vì thế cũng trở nên mát lành và trong trẻo hơn. Mưa không còn “xóa hết ánh sáng của ngày” nữa mà giờ đây mưa là biểu trưng cho ánh sáng, niềm vui, cho khát vọng và sự sống:

*Chở niềm vui đơn sơ kì lạ
Mưa rộng dài xóa những nỗi lo riêng*

(Mưa)

*Dành cho em mưa của mùa hè
Chợt âm xuống sấm chuyển rung trời đất
Nước ào ạt trên đường em ướt đầm
Mưa mát lành xóa sạch mọi buồn lo*

(Dành cho em)

Ngoài kia mưa trong nắng sáng bùng lên

(Nửa đêm nỗi nhớ)

Đặc biệt, mưa giờ đây còn gắn với hạnh phúc, với nỗi lòng thổn thức của tình yêu:

*Em đưa tay hứng những hàng mưa
Bàn tay như đài hoa, như búp lá*

*Thôi anh đừng nhìn em, đừng nhìn em nữa
Em hiểu gì đã gắn bó đôi ta
Em đã hiểu điều gì... Ôi tiếng mưa tiếng mưa...*

(Mưa)

Mưa không còn là màu xám, không còn là sự u uẩn của tâm hồn và tạo vật, không còn là những giọt nước mắt, những giọt nỉ non mà giờ đây khi tâm hồn Lưu Quang Vũ đã được tình yêu hàn gắn, mưa trở thành những tiếng reo ca yêu đời:

*Vườn run lên trong nước mắt trẻ thơ
Mắt em ướt nhòa sung sướng
Nước rửa sạch bụi đường trên trán
Tóc hóa thành dòng suối màu đen
Những chậu thau đồng lạnh canh dưới hiên
Những mái tôn ào ào nước dội
Trẻ hò reo xe bóp còi inh ỏi*

(Mưa)

Mưa trong thơ Vũ không chỉ thay đổi ý nghĩa biểu trưng theo từng thời kì, giai đoạn sáng tác mà còn hiện hình với đầy đủ các cấp độ khác nhau: từ “*hơi mưa*” nhẹ, đến “*mưa phùn*”, đến những trận “*mưa rào*”, “*mưa rào rào*”, “*mưa ào ạt*”; đầy đủ các tính chất như: “*mưa rêu*”, “*mưa dầm*”, rồi khắc nghiệt nhất là “*mưa buốt*”. Trạng thái của hạt mưa cũng được diễn tả khá kĩ lưỡng: “*Mưa rơi*”, “*mưa bay*”, “*mưa rụng*”... tùy theo tâm trạng của tác giả.

Trong thơ ca Việt Nam, mưa từng xuất hiện mạnh mẽ và đầy sức mạnh trong thơ Nguyễn Trãi “*Xuân vũ thêm lai thủy phách thiên*”, dịu dàng trong thơ Huy Cận “*Mưa xuân trên biển thuyền yên chõ/Tôm cá chắc đầy phiên chợ mai*”, mát mẻ và êm đềm trong thơ của Anh Thơ “*Mưa đổ bụi êm*

êm trên biển vắng”...Đến Lưu Quang Vũ, mưa đọng lại như một nỗi niềm ám ảnh, một nỗi day dứt với vô vàn biến tấu. Mưa trở thành phương tiện, là cái cớ để cái tôi trữ tình nhà thơ bộc lộ những rung cảm trong sâu thẳm tâm hồn.

2.1.1.2. Dòng sông

Theo Jean Chevalier, Alain Gheerbrand (**Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới**) thì biểu tượng dòng sông hay dòng nước chảy tượng trưng cho khả năng của vạn vật, của tính lưu chuyển của mọi dạng thể của sự phong nhiêu, của cái chết và sự đổi mới. Dòng chảy là dòng của sự sống và cái chết.

Biểu tượng dòng sông trên cao là dòng sông của những ân huệ, những ảnh hưởng của Trời. Nó là biểu tượng của nước thượng giới, là dòng sông tẩy uế tất cả, cũng là công cụ cho sự giải thoát.

Các dòng sông gợi nên sự tôn kính và sự sợ hãi. Cũng giống như nước, sông là biểu tượng cho sự tẩy uế. Người ta chỉ có thể băng qua sông sau khi đã cử hành những nghi lễ tẩy uế và cầu nguyện. Người ta thờ cúng các dòng sông trên trần gian bởi chúng đem lại sự sống. Và sợ hãi những con sông nơi địa ngục bởi chúng mang đến đau đớn, vết bỏng, lời than khóc, sự khiếp sợ, sự quên lãng.

Dòng sông tượng trưng cho đời người với chuỗi liên tiếp những mong ước, những tình cảm, những ý định và thiên hình vạn trạng những bước ngoặt. Những người bước xuống những con sông ấy nhận được những dòng chảy khác nhau, rồi lại khác, và từ những thể ẩm ướt ấy toát lên những linh hồn.

“Quê hương ai cũng có một dòng sông”, điều đó lí giải tại sao hình ảnh con sông quê hương thường trở đi trở lại trong sáng tác của các nhà văn, nhà thơ. Đi hết hành trình hơn 20 năm sáng tác thơ ca của Lưu Quang Vũ,

người ta dễ dàng nhận ra dấu ấn của những con sông trên mọi miền Tổ quốc nối tiếp nhau chảy trôi trên những trang thơ của anh. Từ con sông Lô, sông Thao thơ mộng nơi anh đã sinh ra, đến sông Đà, sông Đuống, sông Cầu, sông Hồng, sông Thương...những nơi anh từng sống và trải nghiệm. Mỗi con sông là một kí ức, một hoài niệm, một nỗi niềm trăn trở, là những ưu tư Lưu Quang Vũ muốn bộc bạch gửi trao với thơ ca, cuộc đời.

Trước nhất, trong tâm khảm của Lưu Quang Vũ cũng như bao người dân Việt Nam, những dòng sông đỏ nặng phù sa chảy suốt chiều dài hơn bốn nghìn năm lịch sử luôn là biểu tượng cho cội nguồn dân tộc, mang trong mình nó bao trầm tích văn hóa và vô vàn những điều bí mật mà con cháu muôn đời nay vẫn đang khát khao khai phá, kiếm tìm. “*Đi dọc một triền sông*”, tìm lại “*những chiếc trống đồng vùi trong cát*”, “*những mảnh bình vỡ nát*”, “*những mũi tên lẩn lóc*”... Lưu Quang Vũ quay trở về với góc gác của mình, với thửa hồng hoang của dân tộc:

*Tôi đi tìm dòng máu của tôi
Hơi thở đầu sôi sục của tôi
Trong cuộn cuộn những ngực trần đen bóng
Những bộ lạc mình vẽ đầy rông rần
Quần hôn trên bờ bãi sông Hồng*

(Đất nước đàn bầu)

Biết bao biến cố, thăng trầm trong cuộc đời mỗi con người đã gắn liền với những dòng sông cổ tích ấy. Dòng sông đưa anh về với tuổi thơ, giúp anh “*đi tìm lại thời gian đã mất*”:

*Tôi ra sông nằm xoài trong bãi sù
Phù sa ướt lấm lem gò má
Tôi về ngồi dưới lá úa cành xoan*

(Đất nước đàn bầu)

Ấu thơ là một thế giới đầy bí hiểm mà từ đó, cái rễ của tâm hồn bắt vào và vươn lên. Nó là một ám ảnh không bao giờ nguôi của những tâm hồn thi sĩ, luôn luôn gợi nhớ về như hơi ấm của những điều gần gũi và quen thuộc nhất. Với Lưu Quang Vũ, ấu thơ là những ngày tháng lớn lên bên những triền sông, tâm hồn được nuôi dưỡng bằng phù sa của con sông, của những câu chuyện mang đầy màu sắc cổ tích của bà, của mẹ. Điều đó giải thích tại sao những dòng sông luôn gợi lại cho nhà thơ những kí ức ngọt ngào, êm đềm, hạnh phúc:

Em đi gặt trên cánh đồng cổ tích

Lúa bàng hoàng chín đỏ cả triền sông

...

Khắp triền sông vang tiếng trẻ con cười

(Đất nước đàn bầu)

Đất nước có chiến tranh, những dòng sông nước cuộn cuộn trào dâng lại sục sôi cùng nhân dân đánh giặc:

Nỗi đau thật không cùng

Sông cũng thành nước mắt

...

Mùa đánh Mỹ qua sông xưa nước mắt

Mà vạt áo người nay chẳng ướt

Chỉ nghe lòng lộng tiếng ca vang

Nghe sông gọi người đi đánh giặc

(Qua sông Thương)

Nước mắt chảy thành sông! Là nước mắt của những người mẹ tiễn con, người vợ tiễn chồng, người em tiễn anh ra mặt trận đã thấm ướt cả bên sông quê hay là nước mắt của chính dòng sông đang đau nỗi đau của cả dân tộc? Lưu Quang Vũ cũng hòa chung trong nỗi đau khôn cùng ấy, cùng con

sông quê hương ca khúc ca lên đường đánh Mỹ với một quyết tâm không gi lay chuyển:

Sông nước dạt dào, ngô lúa vẫy reo

Ta cười gió xé mây tiêu diệt Mỹ

(Những chuyến bay)

Sông kêu gọi mọi người lên đường tiêu diệt kẻ thù, sông cùng nhân dân ca bài ca thắng trận. Con sông quê hương trở thành chứng nhân của lịch sử, là cội nguồn sức mạnh giúp cho con người vượt qua mọi mất mát đau thương, tìm được bến đỗ bình yên và hạnh phúc.

Có người nhạc sĩ cả một đời xa quê chỉ ao ước một lần được trở về quê mẹ, áp mặt vào con sông quê hương để tìm lại hơi ấm tuổi thơ. Lưu Quang Vũ cũng thế. Dòng sông đối với anh không chỉ là chứng nhân của lịch sử, cội nguồn sức mạnh chiến đấu của nhân dân mà hơn thế, đó còn là dòng sông của tình yêu, tuổi trẻ, của bao mộng mơ và cả những khát vọng chưa thành. Trên bến sông quê ấy, đã có bao “chuyện nhỏ” anh kể em nghe ngày em mới về làm dâu: chuyện xóm chuyện nhà, chuyện mẹ tiễn cha đi bộ đội:

Cha lội tắt qua dòng nước lạnh

Một nắm cơm đùm, một mảnh áo rách

Ngẩng lên ngang trời một mảnh trăng non...

(Chuyện nhỏ bên sông)

Rồi cũng ở bến sông ấy, anh được tin cha hi sinh trên chiến trường chống Pháp và giờ anh lại chia tay em lên đường đánh Mỹ cũng ở bến sông này. “Hơi ấm bàn tay” ta trao nhau trong giờ phút chia li sẽ là khoảnh khắc mà anh tin chỉ có những dòng sông mới thấu hiểu:

Như hai dòng sông gặp gỡ đôi phù sa

Nhập luồng nước, hòa nhau màu sắc

*Trao cảm thương hai bàn tay nắm chặt
Nghe máu mẹ cha chuyển giữa mỗi tay mình*

(Hơi ấm bàn tay)

Tất cả những câu “chuyện nhỏ” mà ý nghĩa vô cùng lớn lao ấy của gia đình mình anh đang kể em nghe “*chắc chỉ có dòng sông nghe trọn*”.

Thế rồi chẳng biết tự lúc nào sông với người như hòa làm một. Dòng sông trở thành dòng chảy tâm hồn, dòng chảy cuộc đời của nhà thơ. Mỗi lần đứng trước dòng sông quê hương, Lưu Quang Vũ dường như tìm thấy chính mình trong đó:

*Con sông như anh thợ tàu mười bảy tuổi
Quả cảm và du đãng
Nhem nhuốc và mơ mộng*

....

*Con sông giống cuộc đời anh
Anh là cậu bé nhật than
Là ông già buông câu im lặng
Là quả dưa tròn trên khoang nắng
Là lá sù vàng trôi ở cửa sông*

(Viết cho em từ cửa biển)

Con sông sẽ chia với anh từ những kỉ niệm tuổi thơ, những đau thương, mát mát trong cuộc đời đến cả những giây phút khát khao mãnh liệt trong tình yêu:

*Dành cho em sông dữ băng băng
Xiết đôi bờ như thác ào ra bể
Anh ôm em những đêm dài mạnh mẽ
Dành cho em tha thiết của mùa hè*

(Dành cho em)

Hay cả những thất vọng, đắng cay của một chuyện tình dang dở khi em đã lỡ bước qua sông:

*Con đường này xưa có tầm xuân nở
Dòng sông cũ cánh bướm giăng trắng xóa
Nay cạn khô trong cỏ dại u buồn*

(Hoa tầm xuân)

Lưu Quang Vũ từng khát khao “*ước chi được hóa thành ngọn gió*”, rồi có lúc anh lại thích là mưa, là lửa... và giờ đây anh tìm thấy chính mình trong bóng dáng của những dòng sông. Phải chăng những dòng sông bên lở, bên bồi, lúc hiền hòa khi dữ dội ấy cũng giống như cuộc đời Lưu Quang Vũ nhiều thăng trầm và biến động. Và trên hết trải qua bao biến cải, những dòng sông ấy vẫn chảy mãi muôn đời.

2.1.2. Biểu tượng Gió.

Thơ Lưu Quang Vũ thường lặp đi lặp lại những hình ảnh chỉ sự vận động, cháy sáng, không yên định... mang tính chất biểu tượng: con đường, con thuyền, dòng sông, ngọn lửa, mưa... nhưng có lẽ thường xuyên nhất, tập trung nhất là gió. Tác giả Phạm Xuân Nguyên đã tìm thấy gió như là biểu tượng trung tâm của thế giới thơ Lưu Quang Vũ. Gió với những nét nghĩa đối lập: mạnh mẽ, khoáng đạt, ào ạt, luôn khát khao khai phá những chân trời rộng lớn nhưng đồng thời phóng túng, tự do tung phá, không yên ổn... sẽ bao quát được toàn bộ những cảm hứng lớn trong thơ Lưu Quang Vũ.

Theo thống kê của chúng tôi, trong 129 bài thơ của Lưu Quang Vũ, nếu như mưa xuất hiện 158 lần, lửa 98 lần, hoa 88 lần thì gió xuất hiện nhiều nhất 171 lần, trong đó 28 lần gió mang ý nghĩa biểu tượng trực tiếp chiếm hơn 16% tần xuất xuất hiện.

Gió – trước hết là biểu trưng của thiên nhiên khắc nghiệt, dữ dội mà nồng hậu, tươi lành của xứ sở, một “*xứ sở mưa rào gai ngút mắt*”, “*mưa và*

gió âm ào trên mặt đất”, “bán đảo mưa rào và gió mặn”. Gió là chứng nhân “thổi không yên suốt chiều dài lịch sử, qua đất đai qua đời sống con người”... “Qua mọi điều ngọn gió có qua đâu – Luôn luôn ra đi luôn luôn mới đến”.

Với vai trò là một biểu tượng của thiên nhiên, xứ sở, suốt dọc dài lịch sử, gió trong thơ Lưu Quang Vũ thật đa dạng và đều có chung nét dữ dội, khắc nghiệt: Gió nóng, gió mặn, gió dữ, gió lốc, gió hú, gió độc, gió đại, gió lạ, gió ngàn, gió lạnh, gió xa lạ từ biển nông, gió dữ của rừng già khắc nghiệt, gió điên...Giống như nhà thơ lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley, Lưu Quang Vũ tìm thấy ở gió sự “*hòa điệu đầy loạn*”: gió có sức mạnh hủy diệt và bảo tồn, gió mang trên đôi cánh của mình sấm chớp, bão dông:

Gió thổi lồng những đóm lửa không nguôi

(Đất nước đàn bầu)

Gió đã thổi ngàn cây nén tắt

(Những ngọn nến)

Con thuyền giấy nhàu nát sau trận gió

(Gửi một người bạn gái)

Gió có thể làm tăng trưởng nhưng cũng có thể gây ra tan vỡ. “*Theo kinh nghiệm tôn giáo, thánh thần có thể hiện ra trong tiếng thì thầm êm dịu của gió hoặc trong cuồng phong của bão táp*” (A.Emest). Khi gió xuất hiện trong các giấc mơ, nó báo hiệu một sự kiện quan trọng đang được chuẩn bị ngầm, một sự đổi thay sắp xảy ra:

Giấc mơ lạ về theo cơn gió lạ

Con gió quen thắm thì giấc mơ quen

(Mùa gió)

Tôi muốn nói nhưng bốn bề gió lốc

(Giấc mộng đêm)

Nhưng Lưu Quang Vũ luôn nhìn sự vật, hiện tượng trong chiều sâu sự đối lập. Gió dữ dội thật đấy mà cũng nồng nàn, êm dịu thật đấy. Có lẽ vì thế trong thơ anh người ta dễ dàng bắt gặp những gió nồm nam, gió heo may, gió mùa thu, gió thổi mát, gió suối âm...

- Có con nghé trên lưng bùn ướt đầm

Nghe xào xạc gió thổi giữa cau tre

- Chớm heo may trên những ngọn cau vàng

Nồm nam thổi khắp đồng bông gạo trắng

- Người xa cách vẫn chung trời gió lộng

Thương vệt bùn trên áo gió khô se

- Gió rừng cao xào xạc lá đổ

- Gió mù mịt những con đường bụi đỏ

Những dòng sông ào ạt cánh buồm căng

Như vậy, với hình ảnh gió Lưu Quang Vũ đã sáng tạo được một biểu trưng thực sự của riêng mình. Và trong nét nghĩa đầu tiên, gió biểu trưng cho xứ sở vừa khắc nghiệt vừa nên thơ để từ đó nhìn thấy được sức mạnh của đất nước này: “*Đất nước giống con thuyền xuôi gió mạnh*”, “*Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi/ Như tiếng gọi ngàn đời không khuất phục*”.

Con người tinh thần trong thơ Lưu Quang Vũ hay đối sánh mình với gió. Khoáng đạt, mạnh mẽ, tự do như gió. Bất định tung phá cũng như gió. Dữ dội cũng như gió và cũng dịu lành như gió. Luôn có những đối cực trong con người này.

Xuân Quỳnh – người đưa Lưu Quang Vũ trở lại với “*mùa hạ đầu tiên, ngọn gió đầu tiên*” đã dành cho anh những dòng thơ về chân dung anh – người con trai phiêu bạt, luôn mắc nợ những chuyến đi:

Anh, con đường xa ngái

Anh, bức vẽ không màu

Anh, nghìn nỗi lo âu

Anh, dòng thơ nổi gió

(Anh – Xuân Quỳnh)

Gió trong thơ Lưu Quang Vũ là gió lòng, gió tâm hồn, là “*những yêu thương khao khát*” của đời anh:

Đã có lần tôi muốn nguôi yên

Khép cánh cửa lòng mình cho gió lặng

Nhưng vô ích làm sao quên được

Những yêu thương khao khát của đời tôi

Khát vọng tinh thần lớn nhất của anh là hóa mình thành ngọn gió lành, dù anh “*lớn lên trong ngọn gió nhà ga/ Ngọn gió dữ của rừng già khắc nghiệt*”:

Ước chi được hóa thành ngọn gió

Để ôm trọn vẹn nước non này

Để thổi ấm những đỉnh đèo buốt giá

Để mát rượi những mái nhà nắng lửa

Để luôn luôn được trở lại với đời

(Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi)

Gió không chỉ gắn bó với cuộc đời Lưu Quang Vũ từ những ngày thơ bé, mà gió còn chứng kiến và đi theo anh trong suốt những chặng đường tình. Trong tình yêu, nhiều khi Lưu Quang Vũ ví mình như ngọn gió:

Anh mở gió tâm hồn cho buồm thắm kéo lên

(Bầy ong trong đêm sâu)

Ngọn gió âm thầm quẩn quại vẫn yêu em

(Những ngày chưa có em)

Anh đến với tình yêu bằng cái ào ạt, mạnh mẽ của sức gió. Anh trao cho người con gái gió của tâm hồn anh. Và cũng có khi, anh lại ví người con gái mình yêu với gió, gió trở thành một phần của em:

- *Vườn em là nơi động gió trời xa*
- *Biết ơn em, em về từ miền gió cát*
Về với anh bông cúc nhỏ hoa vàng
- *Chiều mênh mông gió lớn thổi từ trời*
Em bỏ nón tóc lòa xòa trên má
- *Khi em về tóc ngọn gió đê cao*
Mây cuộn cuộn cỏ rập rờn nổi sóng
- *Ngọn gió nhỏ trên trán em kiêu hãnh*

Cũng giống như mưa, gió trở nên mát lạnh và hiền hòa hơn khi có em hiện hữu. Vườn em là vườn gió, đường em đi trở thành ngã gió và em đến từ miền gió cát nên “*tình em nổi gió giữa hồn anh*”. Và anh thừa nhận với sự biết ơn sâu sắc: “*Mùa gió mới nhờ em tôi có lại*”, “*Em đã tới điệu kì như âm nhạc/ Đất mênh mông chuyển gió tới chân trời*”.

Gió luôn là người bạn đồng hành với Lưu Quang Vũ trên mọi nẻo đường tình. Chính vì thế, ngay cả những buồn đau, hạnh phúc trong tình yêu cũng được anh thể hiện qua hình ảnh gió:

Bây giờ anh trong suốt như không khí
Như gió hoang không hình hài không giới hạn
Không gương mặt nụ cười để hiện trước em

(Anh chẳng còn gì nữa)

Nhưng em ơi ở đây chỉ có cỏ may
Lòng tôi trắng mà mùa thu gió độc

(Mấy đoạn thơ...)

Em không màng những ngọn gió anh trao...

Em cần gì gió lốc của đời tôi

(Lá thu)

GS.TS Lê Văn Lân khi bàn về biểu tượng đã từng cho rằng mưa là biểu tượng mệnh chủ trong đời thơ Lưu Quang Vũ có lẽ bởi mưa gắn liền với ý nghĩa tên gọi của anh. Giờ đây khi tìm hiểu về biểu tượng gió, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả Phạm Xuân Nguyên khi khẳng định gió là biểu trưng của con người tinh thần Lưu Quang Vũ, phóng khoáng, mạnh mẽ, nhiều khát vọng nhưng cũng bất an, không yên ổn với những gì bình lặng, mực thước, sáo mòn.

2.1.3. Biểu tượng Lửa

Theo Kinh thánh, chúa Kito (và các thánh) tái sinh cơ thể bằng cách đi qua lò lửa của xưởng rèn. Còn theo các tác giả cuốn **Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới**, trong sự tương đồng về đặc trưng của nước và lửa, người xưa cho rằng lửa thuộc về trời vì nó bốc lên và nước thuộc về đất vì nó rơi xuống (mưa). Và như vậy, nước có nguồn gốc từ đất nhưng định mệnh thuộc về trời. Mặc dù luôn đứng ở hai dạng thức đối kháng, nhưng trong nghi lễ tẩy uế, nước và lửa lại bổ sung cho nhau. Lửa tượng trưng cho sự tẩy uế bằng sự thấu hiểu, bằng ánh sáng và chân lí, đạt đến trạng thái thông tuệ siêu việt nhất. Lửa cũng là động cơ của sự tái sinh theo chu kì. Theo hướng đó, lửa được xem như vị thần sống và tư duy.

Trong sáng tác văn học từ xưa đến nay, hình ảnh ngọn lửa đã trở thành một biểu tượng có nhiều ý nghĩa, sắc thái. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã dùng lửa là biểu tượng cho lòng yêu nước cháy bỏng (**Miếng trâu đỏ**), là nhịp cầu nối giữa quá khứ và thực tại (**Sử thi buồn, Ngọn núi ảo ảnh**), là biểu tượng cho nét văn hóa của quê hương (**Chuyện cơm hến**)...trong những tác phẩm kí nổi tiếng của mình. Đi vào lãnh địa của thơ ca, lửa là một trong những

biểu tượng phổ biến được các nhà thơ ưu ái lựa chọn để gửi gắm, bộc bạch tâm tư, tình cảm. Lửa trở thành biểu tượng của sự hi sinh và ánh sáng soi đường lịch sử: “*Vui gì hơn làm người lính đi đầu/ Trong đêm tối tìm ta là ngọn lửa*” (Tố Hữu); là biểu tượng của niềm tin và ý chí quyết thắng của những người lính: “*Chúng tôi ngồi xòe tay trên lửa nóng/ Máu bàn tay mang hơi lửa vào tim*” (Nguyễn Khoa Điềm); là biểu tượng của tình yêu thầm kín, mãnh liệt: “*Em đi lửa cháy trong bao mắt/ Anh đứng thành tro em biết không?*” (Vũ Quần Phương); là biểu hiện của tình bà cháu thiêng liêng: “*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm/ Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*” (Bằng Việt).

Lưu Quang Vũ có vở kịch “**Nếu anh không đốt lửa**” lấy đề từ là mấy câu thơ của N.Hitmet: “*Nếu tôi không đốt lửa. Nếu anh không đốt lửa. Nếu chúng ta không đốt lửa. Thì làm sao; bóng tối. Có thể trở thành. Ánh sáng*”. Xuất hiện 98 lần trong thơ Lưu Quang Vũ, lửa được hình dung tỉ mỉ từ kích thước nhỏ bé như “*đóm lửa, ánh lửa*” rồi lớn hơn như “*ngọn lửa, đám lửa*”. Đặc biệt, ngoài tên gọi là lửa, lửa ánh sáng còn được thể hiện dưới những hình ảnh khác như ngọn lửa lập lòe của *Đom đóm (Bài hát trong một cuốn phim cũ)*, *Diêm, Pháo dây (Em)*; Ngọn lửa được hình thành từ *Nén (Những ngọn nến)*, *Ngọn đèn (Bây ong trong đêm sâu)*, ánh sáng âm ỉ của *Than (Đất nước đàn bầu)*... tạo nên một chuỗi liên kết có khả năng chuyển tải những ý nghĩa khác nhau, đôi khi đối lập nhau của hình ảnh lửa.

Trong nét nghĩa đầu tiên, lửa tượng trưng cho những khát vọng tinh thần, nhiệt huyết với đời của Lưu Quang Vũ. Sinh thời, khi còn sống Lưu Quang Vũ là cây bút thành công trên nhiều thể loại nhưng anh vẫn coi thơ là phần tinh chất nhất, là khát vọng của đời anh, là lửa. Với anh, thơ phải là “*bó đuốc*”, phải “*thắp lửa*”, phải “*mang lửa đến cho đời*”. Chính vì điều đó, Lưu Quang Vũ luôn tự nhắc nhở mình:

*Để thơ anh mang lửa đến cho đời
Trên chữ “tài”, chữ “tâm” kia phải lớn*

(Giấc mộng đêm)

Ngay cả khi hiểu rằng con đường thơ của mình đơn độc, “*dù tiếng tôi chỉ một người nghe*”, anh vẫn kiên trì với lựa chọn của mình, vẫn luôn mong thấp lên những ngọn lửa “*cho sáng rục giữa chênh vênh vực thẳm*”. Có lúc anh hóa thân vào ngọn lửa: “*cho tôi làm ngọn lửa*”, “*Tôi chỉ là ngọn lửa ở thêm ga*”. Lửa tượng trưng cho những khát khao anh tìm kiếm suốt đời – những khát khao chưa đạt đến. Anh tự nhận mình là người trai phiêu bạt “*luôn mắc nợ những chuyến đi điên rồ, những ngọn lửa không có thật*”. Và trong những chuyến đi ấy của ước vọng, nhiều lần anh đến một thành phố xa xôi “*những ngọn lửa mong manh kè đá*”, thành phố của khát vọng, mơ ước. Khi không còn khát vọng, khi “*đánh mất niềm tin*”, vào những lúc rã rời và cô đơn nhất anh thấy mình như một toa tàu bỏ vắng “*thiếu ánh lửa*”, “*không biết lối về ga*”.

Nếu như trong thơ của Bằng Việt, lửa tượng trưng cho sự trường tồn, bất diệt của con người:

Đóm lửa đã nhen chẳng bao giờ tắt

(Hạnh phúc đời thường – Bằng Việt)

...Có thể nào người quên mọi khát vọng con người

Mỗi thế hệ liên tiếp truyền tay, như bụi nhùi nhóm lửa

(Giao hưởng số 9 – Bằng Việt)

thì trong thơ Lưu Quang Vũ, lửa cũng trở thành biểu tượng cho truyền thống của dân tộc, sức sống mãnh liệt của nhân dân:

Nhân dân có gì giống lửa phải không anh

Gió bão ngàn đời vẫn nói nhau chẳng tắt

(Mấy đoạn thơ về lửa)

*Đêm lửa đuốc Chi Lăng...
Hồn bạo chúa nghiêng răng trong bụi cát
Mọi ngai vàng, theo lửa hóa tro than...*

(Trung Hoa)

Lửa trong thơ Lưu Quang Vũ đôi khi mang những ý nghĩa trái ngược nhau. Lửa có khi là hơi nóng sưởi ấm tâm hồn cô đơn, lạnh lẽo, mang lại niềm tin và sức mạnh cho con người:

*Hãy cho tôi chút lửa
Trong ngôi nhà mùa đông
Để tôi nướng sẵn ăn
Để tôi sưởi ấm*

(Mấy đoạn thơ về lửa)

Nhưng cũng có khi lửa lại là biểu tượng của chiến tranh, của dĩ vãng buồn đau, của sự hủy diệt:

*Lửa cháy đỏ trời bốn phía ngoại ô
Tro lá tả xuống mặt gầy hoảng hốt
Bom ném lên cao những đường tàu gãy nát*

(Ghi vội một đêm 1972)

Lửa gắn với máu và nước mắt của chiến tranh, nhưng Lưu Quang Vũ tin rằng có một sức mạnh khác lớn hơn:

*Ngọn gió lớn hòa bình
Sẽ thổi dập đống lửa tàn dĩ vãng*

(Những người đi năm ấy)

Và ngọn lửa tình yêu có thể phục sinh sự sống, hướng con người ta đến tương lai:

*Phút đốt cháy là phút nảy mầm
Con người trao lửa cho nhau*

*Từ những lòng ngực tròn căng
Sự sống là lửa
Thieu hủy và sinh nở
Bình minh là lửa
Một ngày mới và xé toang ngày cũ*

(Mấy đoạn thơ về lửa)

Như vậy, lửa trong thơ Lưu Quang Vũ là biểu trưng cho hoài bão, khát vọng, cho sức mạnh của sự hủy diệt và cả niềm tin mãnh liệt vào tương lai. Không dừng lại ở đó, ở một khía cạnh khác, trong thơ tình Lưu Quang Vũ, lửa lại trở thành biểu tượng của tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

Không phải ngẫu nhiên đã có lúc Xuân Quỳnh ước ao được hóa thành ngọn lửa để sưởi ấm trái tim Lưu Quang Vũ:

*Ước chi làm nón che anh
Đêm gió lạnh em xin làm ngọn lửa*

(Không đề - Xuân Quỳnh)

Bởi đơn giản trong rất nhiều bài thơ của mình, Lưu Quang Vũ thường ví người mình yêu “*như lửa và như lụa*”:

*Em là bóng cây em là bếp lửa
Che mát và sưởi ấm đời anh*

(Không đề)

Giữa cuộc đời đang tràn ngập mưa giông và gió lốc của anh, em hiện diện như “*ngọn lửa*”, như “*bếp lửa*” mang lại hơi ấm, sự sống, sưởi ấm trái tim anh đang cô đơn, giá lạnh. Mọi cảm giác về em đều có thể khiến anh liên tưởng đến lửa: *đáy mắt có gì như ánh lửa/ mắt cá chân em bốc lửa, tay chập chờn lửa cháy sáng...* Em trở thành người vợ hiền đảm đang, là người nhóm lửa, giữ lửa:

Em của anh, đôi vai ấm dịu dàng

Người nhóm bếp mỗi chiều, người thức dậy lúc tinh sương

(Và anh tồn tại)

Em mua rau ở chợ về, em chụm diên nhóm lửa

Chúng ta nhận ra nhau giữa triệu con người

(Em)

Hạnh phúc thật giản dị biết bao. Ngọn lửa em nhóm lên mỗi ngày xua tan đi cái lạnh giá của đêm, của chiều mưa, để “*anh yên lòng bên lửa ấm yêu thương*”. Ngọn lửa trong thơ Lưu Quang Vũ không còn là ngọn lửa cụ thể, mang ánh sáng và hơi ấm nữa mà đã thành ngọn lửa có tính chất tượng trưng: “*lửa ấm yêu thương*”- ngọn lửa của tình em. Trải qua bao đắng cay, thăng trầm của cuộc đời Lưu Quang Vũ mới chợt nhận ra lí do tồn tại của cuộc đời mình: “*Vì em, vì ngọn lửa*” **(Để sống nơi đây)**.

Như vậy, không chỉ mang ý nghĩa của sự hủy diệt và sức mạnh hồi sinh, với sức sáng tạo vô biên của mình, Lưu Quang Vũ đã đem lại nhiều ý nghĩa tượng trưng khác cho ngọn lửa. Lửa trở thành biểu tượng của truyền thống văn hóa dân tộc, khát vọng sống mãnh liệt, biểu trưng cho sự chở che ấm áp, tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

2.1.4. Biểu tượng Hoa

Trong cuộc sống hàng ngày, hoa thuộc về phần lãng mạn, tinh tế của thế giới tâm hồn, người ta thường dùng hoa để biểu lộ thay cho lời nói và cảm xúc của mình. Đi vào thi ca nghệ thuật, nếu như với Hoàng Phủ Ngọc Tường hoa là “*báu vật của trời cho khi người ta còn trẻ*” và hoa không chỉ là sắc đẹp của thiên nhiên mà còn là linh hồn của biết bao kỉ niệm dọc đời người, thì đến Lưu Quang Vũ, anh luôn nhìn những bông hoa như một nỗi niềm trắc ẩn, tri ân, một sự thấu hiểu:

*Buồn làm chi, này đây những bông hoa
Hoa trong trắng hiểu rõ lòng anh lắm*

(Không đề)

Trong 129 bài thơ của mình, có đến 88 lần Lưu Quang Vũ nhắc đến hình ảnh các loài hoa với 46 loại khác nhau. Từ cao quý như hoa sen, hoa cẩm chướng, tới bình dân như hoa muống, hoa mắc cở, hoa mào gà; từ hoa cỏ may, hoa tầm xuân, hoa cải của tình yêu nở muộn, chia cắt đến hoa hồng của hạnh phúc; từ hoa học trò, hoa kỉ niệm hoa tuổi thơ, hoa phượng đến hoa tình yêu tan vỡ hoa tigôn... Cái tài mang tính nghệ thuật của Lưu Quang Vũ chính là anh không chỉ ép lên trang thơ những xác hoa vô hồn mà mỗi bông hoa bừng nở là một nỗi niềm, một ẩn dụ về cuộc đời, số phận con người.

Lưu Quang Vũ yêu lắm mảnh đất đã khai sinh ra mình, ngay cả trong những năm tháng cô đơn, cùng cực nhất của cuộc đời, thì tình yêu ấy của anh cũng chưa bao giờ thay đổi. Trong con mắt của Lưu Quang Vũ, mảnh đất nơi anh sinh ra không chỉ là xứ sở với thiên nhiên khắc nghiệt “*mưa rào gai ngút mắt*”, “*tả trời trong định mệnh đói nghèo*” mà nơi ấy, trải qua bao đau thương vẫn bình yên, hạnh phúc với tiếng đàn bầu réo rắt, vẫn ngập tràn trong hương sắc của cỏ hoa: *Hoa móng rồng thơm ngát/ Đất rụng vàng hoa ngâu/ Và mỗi tháng giêng hoa gạo nở/ Giải yếm sau lưng cũng tím hoa cà/ Hoa gạo hồng lại nở, bà ơi/ Những hoa bìm hoa súng nở trên ao...* (**Đất nước đàn bầu**). Màu vàng của hoa ngâu, màu đỏ của hoa gạo, màu tím của hoa cà... với Lưu Quang Vũ đã trở thành vẻ đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, thành biểu tượng của quê hương, xứ sở.

Hoa là biểu tượng cho vẻ đẹp của một xứ sở “*tươi hoa đẹp nắng*”, vì thế hoa trở thành một phần của kí ức, hoài niệm không thể xóa nhòa trong tâm trí nhà thơ khi nhớ về quê hương, nhớ về những kỉ niệm của tuổi học trò. Trải qua bao biến động của cuộc đời, trong tâm trí của Lưu Quang Vũ,

quê hương tuổi thơ luôn là nơi thơ mộng nhất, đẹp đẽ nhất và thanh bình nhất: “*Hoa nào đẹp bằng hoa tuổi thơ*” (**Tuổi thơ**). Giống như Giang Nam, Lưu Quang Vũ nhớ về tuổi thơ mình không chỉ là những buổi chăn trâu cắt cỏ, trốn học đuổi bướm ngoài bờ ao mà đôi khi chỉ đơn giản là ngày hai buổi cắp sách đến trường, được gặp chúng bạn, được nhìn ngắm một trời hoa phượng đỏ, được thôn thức trong môi tình đầu đơn phương đầy mơ mộng:

Hoa phượng đỏ lòa xòa nghiêng trước ngực

Em che mặt, ngón tay đầy vết mực

Em suốt đời cách biệt với lòng tôi

(Giấc mộng đêm)

Nhớ về tuổi thơ, ấn tượng đọng lại trong Lưu Quang Vũ không chỉ là màu đỏ thắm của những chùm hoa phượng, hoa mào gà, màu tím ngắt đến nao lòng của những cánh bằng lăng, những bông lục bình... mà trở đi trở lại trong tâm trí nhà thơ là hình ảnh những bông hoa gạo nở đỏ mỗi độ xuân về. 8 lần xuất hiện trong thơ Lưu Quang Vũ là 8 lần hoa gạo gợi lại cho anh những kỉ niệm thân thương của tuổi thơ. Đó có thể là kí ức về khoảnh khắc được sinh ra: *Mẹ sinh con vào cuối mùa hoa gạo*, là nỗi nhớ về em: *Nhớ vai em chập chờn hoa gạo đỏ*, là khát vọng hồi sinh khi đã ở bên bờ tuyệt vọng:

Nhưng từ đáy nỗi buồn tôi thăm thẳm

Một cái gì nhựa thắm trong cây

Một cái gì trắng xóa tựa mây bay

Là hoa gạo của lòng tôi chẳng tắt

(Có những lúc)

Những bông hoa trong thơ Lưu Quang Vũ không chỉ là biểu trưng cho vẻ đẹp của quê hương, xứ sở, là kí ức tuổi học trò êm đềm, thơ mộng mà còn là những hoài niệm về mẹ:

*Mưa xuân rơi, hoa cải vàng sắc nắng
Mẹ dành tiền may áo mới cho con*

(Áo)

Và đặc biệt, hoa trở thành biểu tượng cho tình yêu, nỗi nhớ về Em. Em- của tuổi học trò với rung động đầu đời ngây ngô, khờ dại gắn liền với sắc phượng hồng, nhành bằng lăng tím, chùm hoa xoan tây... Còn Em- người con gái hiện tại lại gắn liền với bông huệ trắng, sắc cúc vàng và hoa hồng đỏ. Em của ngày xưa là những khát khao không bao giờ đạt được, còn em- hiện tại là hạnh phúc mong manh, là “*bông cúc nhỏ hoa vàng*” mà anh luôn cố gắng nâng niu, trân trọng:

*Biết ơn em, em từ miền gió cát
Về với anh, bông cúc nhỏ hoa vàng*

(...Và anh tồn tại)

Là khát vọng hiến dâng, và tình yêu mãnh liệt trao trọn cho em:

*Anh dâng em tất cả
Đây chùm hoa cúc nhỏ
Rụng cánh xuống vai trần
Anh ngập tràn lòng em*

(Thơ tình viết về một người đàn bà không có tên II)

Và đôi khi hoa cũng gắn liền với những cung bậc cảm xúc trong tình yêu của nhà thơ. Là nỗi nhớ: *Hoa cúc vàng – Nỗi nhớ của hoàng hôn (Lá thu)*, là niềm đau: *Hoa hồng rụng trên bàn như máu ứa (Cầu nguyện)*, là khát khao tìm kiếm: *Ôm em trong vạt áo/Như hoa hồng ngày xưa (Thơ tình viết về một người đàn bà không có tên II)*, là sự trống trải, cô đơn đến tuyệt vọng khi em ra đi:

*Mai em đi mùa hạ cũng qua rồi
Tôi ở lại một mình trên phố vắng*

*Hoa cúc rồi chiều xuân nào tôi đến
Chẳng gặp em, chỉ màu hoa vàng rực
Đêm nay về đốt lửa giữa hồn tôi*

(Lá thu)

Mang nhiều ý nghĩa biểu trưng khác nhau: là vẻ đẹp của quê hương, xứ sở, là kí ức của tuổi học trò nhiều mộng mơ, là biểu tượng của tình yêu và hạnh phúc lứa đôi...những bông hoa trở thành một phần không thể thiếu trong đời người, đời thơ Lưu Quang Vũ.

2.2. Những biểu tượng có nguồn gốc từ đời sống xã hội và con người.

2.2.1. Biểu tượng Bức tường.

Đọc thơ Lưu Quang Vũ thường thấy phảng phất một nỗi buồn. Đó không phải là nỗi buồn vô cớ theo kiểu của văn học lãng mạn “*tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*” mà là nỗi buồn có căn nguyên từ thực tại, từ “những điều trông thấy” mà Lưu Quang Vũ được tận mắt chứng kiến và trải nghiệm. Buồn vì cuộc đời còn quá nhiều điều bất công, ngang trái. Buồn vì tìm mãi chẳng thể gặp nổi một tri kỉ trong tình yêu và nghệ thuật. Và buồn vì thế giới thì thật rộng lớn mà sao lại có quá nhiều hàng rào, cửa kính, vách tường...ngăn trở con người đến với nhau để kết nối yêu thương...Chẳng vậy mà đi suốt hành trình 129 bài thơ của tuyển thơ “**Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi**”, người ta thấy hình ảnh bức tường xuất hiện 42 lần, trong đó có 24 lần trực tiếp mang ý nghĩa biểu tượng, gửi gắm trong đó bao day dứt, trăn trở của Lưu Quang Vũ về kiếp sống ở cõi nhân sinh này.

Nói về tình yêu, người ta thường bảo Lưu Quang Vũ đào hoa, bởi mặc dù chỉ hiện diện ngắn ngủi 40 năm trên cõi đời nhưng với bản tính nghệ sĩ và trái tim đa cảm, anh cũng đã nhiều lần rung động, nhiều lần yêu thương và cũng không ít lần đổ vỡ. Thời kì anh khao khát được yêu và được chia sẻ nhiều nhất có lẽ là những năm 70 khi cuộc đời anh liên tiếp gặp những đắng

cay và thất bại. Thế nhưng chính ở những năm tháng đau xót và hi vọng này anh mới được ném trái đến tận cùng nỗi đau yêu mà không thể được đền đáp, thấm thía sâu sắc sự cô đơn và lẻ loi của kiếp người. Bởi khi ấy quanh anh là vô số những bức tường ngăn trở:

*Một bức tường tắm tối nhọc nhằn
Đâm tua tủa bao mảnh chai ti tiện
Một bức tường trong suốt
Ta nhìn nhau mà chẳng nói được gì
Một bức tường ở ngay giữa mắt em
Ở trên tay em, ở trên vàng trán
Cùng bức tường của bao kẻ khác
Anh cũng mang bức tường xám hồ nghi*

(Viết cho một câu chuyện cũ)

Đau xót thay những bức tường ngăn cách ấy lại do chính em, chính anh và bao kẻ khác chung tay dựng lên. “*Những vách tường sừng sừng không tên*” ấy chính là vật cản vô hình ngăn trở con người đến với nhau dù trong lòng vẫn yêu thương nhau biết mấy.

Lưu Quang Vũ không chỉ cô đơn trong tình yêu mà một thời anh còn lẻ loi, cô độc trên chính con đường nghệ thuật của mình. Tách khỏi bản giao hưởng hùng tráng của dân tộc, Lưu Quang Vũ chọn cho mình con đường nhìn cuộc sống bằng con mắt thật, không tô vẽ, không lí tưởng hóa hiện thực. Kết quả trên những trang thơ anh người ta không thấy anh nói nhiều đến niềm vui, hạnh phúc thời chiến, thay vào đó là đói nghèo, bệnh tật, là những dự cảm bất an về tương lai... một cách đầy trách nhiệm. Anh trở nên khác người. Và vì thế anh hoàn toàn cô độc. Lại một lần nữa bao bức tường được dựng lên quanh anh:

*Những bức tường dựng đứng quanh tôi
Có những lúc tôi xuôi tay đuối sức*

...

*Tôi đập tay lên bức tường lạnh ngắt
Dù tiếng tôi chỉ một người nghe*

(Có những lúc)

Yêu nhưng không thể được đáp lại, những yêu thương trao gửi cho đời qua những trang thơ thì chẳng ai nhận lấy. Tất cả bởi sự tồn tại vô hình của những bức tường xám hồ nghi. Những vách tường dựng lên sừng sững trong thơ Lưu Quang Vũ trở thành biểu trưng cho sự ngăn cách, cô lập trong thế giới con người. Nó được xây bằng chất liệu của sự hồ nghi, lòng đố kỵ và cả những định kiến lỗi thời mà người thợ xây, không ai hết lại là chính chúng ta. Kết cục là chúng ta tự nhốt mình trong những bức tường do chính mình xây nên, hoàn toàn lẻ loi, đơn độc. Lưu Quang Vũ thấu hiểu hơn ai hết nỗi cô đơn ấy và cả đời mình anh luôn ra sức “*đập phá những bức tường*”, những hàng rào, cửa kính... để con người được tự do đến với con người:

*Tôi nói cùng em những khát vọng bị chà đạp
Những tường vách phải tự mình phá nát
Con người cần một tổ quốc bình yên
Cần đi tới không ngừng cần tin tưởng
Cần yêu em và cần được em yêu*

(Hồ sơ mùa hạ 1972)

Luôn khao khát tự mình “*vượt lên những vách tường chật hẹp*”, “*đập vỡ những bức tường thâm trầm*” bởi với Lưu Quang Vũ những bức tường vô hình ấy không chỉ là rào cản ngăn cách con người mà còn là vật chứng cho sự tàn ác, hủy hoại của chiến tranh:

*nỗi đau thương như vực tối giữa đời
sau trận bom, trên gác cao nóng bỏng
em đọc bài thơ Hà Nội mới làm
“chỗ bom cũ sẽ trồng hoa đẹp
Riêng vết đạn trên tường không thể nào quên”*

(Tuổi thơ)

Những bức tường đầy vết đạn là bằng chứng đanh thép nhất tố cáo tội ác của giặc Mỹ cũng như nỗi đau không dễ gì lãng quên của những tuổi thơ phải lớn lên trong bom đạn chiến tranh. Thế nhưng Lưu Quang Vũ vẫn cháy bỏng một niềm tin mãnh liệt vào tương lai, tin vào một ngày con người sẽ yêu thương nhau hơn, sẽ tự tay đập nát những bức tường vô hình để đến với nhau. Ngày ấy sẽ không còn chiến tranh, không còn những vách tường đổ nát vì bom rơi hay chi chít vết đạn bắn. Thay vào đó là “*nét phấn ngây thơ nguệch ngoạc khắp tường*” của trẻ con trong những ngày tự do, hạnh phúc. Niềm tin ấy của Lưu Quang Vũ nay đã trở thành sự thật.

2.2.2. Biểu tượng Sân ga – con tàu

Sinh thời, Nguyễn Tuân chỉ ao ước sau này khi mình chết đi được lấy da thuộc làm vali để thỏa mãn thú vui “xê dịch”. Được đi xa, được lên đường, được lang thang khắp chân trời góc bể đối với nhà văn nổi tiếng này là một niềm đam mê khó dứt. Đến Lưu Quang Vũ anh cũng luôn tự nhận mình là người “*suốt đời nóng ruột*”, “*suốt đời mắc nợ những chuyến đi*”. Và nếu như Nguyễn Tuân đi để khám phá những điều mới lạ, để thỏa mãn thú “chơi ngông” của mình thì mỗi lần ra ga, lên tàu đối với Lưu Quang Vũ là một hành trình kiếm tìm thực sự. Đi để tìm kiếm hạnh phúc, đi để tìm tới “*một thành phố khác, một bến bờ khác*” để thực hiện những hoài bão, những khát vọng của riêng mình. Điều đó giải thích tại sao biểu tượng cặp đôi sân ga – con tàu lại xuất hiện trong thơ anh với tần suất nhiều đến vậy.

Suốt đời mơ ước được lên đường, được dịch chuyển, Lưu Quang Vũ bắt gặp tâm hồn mình, con người mình trong bóng dáng những con tàu trên bến cảng, ngoài sân ga. Rất nhiều lần trong thơ, anh hóa mình thành những con tàu sẵn sàng rời bến:

*Những con tàu như hồn anh cuồng loạn
Chẳng bao giờ chịu ở với bờ yên*

(Viết cho em từ cửa biển)

*Anh vẫn như con tàu
Luôn bồn chồn ra đi*

(Thu)

*Ta biến thành con tàu, thành tấm vé
Những ban mai lên đường.*

(Cho Quỳnh những ngày xa)

“Chúng ta lại lên đường” – cả cuộc đời Lưu Quang Vũ lúc nào cũng nuôi khát vọng ấy. Bốn mươi tuổi đời nhưng chàng trai ấy chưa một giây phút nào cảm thấy mình đã bước sang phía bên kia cuộc đời để mong muốn được trở về, được yên ổn. Dường như trong thơ anh ta luôn cảm thấy sự hồi hải, sự linh cảm về cuộc đời ngắn ngủi và cảm giác thiếu vắng một cái gì đó - một cái gì đó cần phải tìm kiếm, mơ hồ, không xác định. Đó có thể là em – bến bờ hạnh phúc của tàu anh:

*Con tàu nào mang gió ấy ra khơi
Chẳng hề có một ngày cập bến
Đích của nó luôn luôn là phía trước
Là chân trời mãi mãi ở trong em*

(Em – tình yêu những năm tháng đau xót và hi vọng)

Cũng có thể là những khát vọng, hoài bão mà suốt đời anh khát khao tìm kiếm:

*Tàu lửa bay vút sáng cánh đồng khuya
Đất quằn quại, đá nghiêng răng vỡ nát
Đường ray bóng rung lên đầu đón
Nhưng con tàu đang chạy tới một vầng trăng*

(Nửa đêm tới thành phố lạ gặp mưa)

Mặc dù hành trình ấy đôi khi chẳng bao giờ chạm đích. Tìm được em thì em lại là tàu cướp biển “*cướp hết cuộc đời anh*”:

*Đêm như biển không bờ bóng tối rất thẳm sâu
Đời anh giống như biển kia anh lại giống con tàu
Tàu anh đi đi hoài trên biển vắng
Mong tìm được một bóng hình bè bạn
Đến bây giờ anh gặp được tàu em
Anh mở gió tâm hồn cho buồm thắm kéo lên
Ai ngờ tàu em lại là tàu cướp biển
Em cướp hết cuộc đời anh, em lấy hết
Trói anh vào cột buồm của tình yêu
Bão táp nổi lên, chớp giạt tàu xiêu
Em đứng đó hãi hùng ngơ ngác
Anh cũng thương em suốt đời trên sóng nước
Cướp được tàu anh tưởng có ngọc vàng
Ngờ đâu chỉ là ván nát sàn hoang
Còn trơ lại hồn thơ tai ác quá*

(Viết cho em từ cửa biển)

Tìm đến với những ước mơ, khát vọng thì ở mãi “*chân trời*”, “*vầng trăng*”, “*những ban mai*”... cả cuộc đời này liệu có bao giờ anh tới được? Lưu Quang Vũ hiểu điều đó nhưng anh vẫn khát khao được lên đường,

không chỉ để tìm kiếm hạnh phúc, lí tưởng mà quan trọng hơn để “*nói bờ và biển cả*” để con tàu cuộc đời anh sẽ đưa mọi người xích lại gần nhau hơn.

Nếu như hình ảnh “con tàu” xuất hiện 102 lần trong thơ Lưu Quang Vũ, thì hình ảnh “sân ga” chỉ xuất hiện 21 lần nhưng cũng mang những ý nghĩa biểu trưng rất phong phú. Với Lưu Quang Vũ, sân ga thường gắn liền với những gì tốt đẹp đã mất, những đổ vỡ, chia li. Đó là hình ảnh người con trai cô đơn, lạc lõng trên sân ga chờ mong người yêu quay trở lại mặc dù biết rằng đó là điều không thể:

*Ích gì đâu hoa tím của ngày xưa
Cầu đã sụp con tàu không chạy nữa
Anh ra ga chẳng biết đón ai*

(Mặt trời trong nước lạnh)

Là hành trình của người con gái tìm lại những điều tốt đẹp nay đã mất sau những tháng năm dài lận đận:

*Đường em về lận đận chuyển tàu trưa
Ga vắng vẻ chỉ có mùi đá khét
Chiếc cốc rơi, mọi điều vỡ tan hết
Em có còn mong ước nữa không em?*

(Gửi một người bạn gái)

Tình yêu đã đi qua, ga xưa giờ “*đã sụp*”, đã trở nên “*cô quạnh*”, “*vắng vẻ*”, “*bụi bặm*”... Tất cả những điều tốt đẹp đều đã mất. Những sân ga trong thơ Lưu Quang Vũ ám ảnh người ta bởi sự đổ vỡ, chia li. Thế nhưng, với Lưu Quang Vũ, cuộc đời anh là những con tàu vì thế không thể thiếu những hải cảng, những sân ga. Đôi khi mãi mê với những hành trình, với những cuộc phiêu lưu không hẹn ngày về anh lại thấy mình “*như toa tàu bỏ vắng*”, “*không biết lối về ga*”. Trong sâu thẳm tâm hồn anh, sân ga vẫn

là bến đỗ bình yên, nơi ấy có người phụ nữ vẫn mãi mòn mỏi trông anh trở lại:

*Nơi xa
Những con tàu xuyên bóng tối
Đi về miền núi đá vôi
Một vùng nước trắng xa xôi
Một nhà ga cô quạnh
Một người đàn bà ướt lạnh
Đứng chờ anh.*

(Không đề I)

Và cũng bởi “lớn lên trong ngọn gió nhà ga”, “cả cuộc đời là ở sân ga” vì thế sân ga trở thành một phần không thể thiếu trong đời người, đời thơ Lưu Quang Vũ. Đó là nơi những chuyến tàu anh lên đường, giúp anh nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng. Là bến đỗ bình yên trở về sau những hành trình dài mệt mỏi, cô đơn.

2.3. Những biểu tượng tâm tưởng

2.3.1. Biểu tượng Quả chuông, tiếng chuông.

Theo “**Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới**” thì quả chuông, tiếng chuông mang những ý nghĩa biểu trưng cơ bản sau: Đó là “*tín hiệu giao tiếp giữa cõi trời, đất và cõi nhân sinh. Đa số các âm thanh được các đạo sĩ Yoga nghe thấy trong khi tu luyện là tiếng chuông. Trong đạo hồi, tiếng chuông vàng là âm thanh tinh tế của thiên khải chứa đựng trong kinh Coran, là sự dội lại của quyền năng Thượng đế vào cõi nhân sinh: sự cảm thụ tiếng chuông làm tiêu tan những giới hạn về thân phận nhất thời. Cũng gần như thế, Kinh điển Phật giáo bằng tiếng Pali đồng hóa tiếng nói thánh thần với tiếng chuông vàng...*”, “*Nhạc chuông là nhạc vương giả và là tiêu chí của sự hòa hợp vũ trụ*” [2, tr191].

Trong luận văn “**Phong cách nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ**” tác giả Nguyễn Thu Thủy đã tổng kết một số ý nghĩa cơ bản của quả chuông, tiếng chuông trong đời sống tinh thần phương Đông và phương Tây. Theo đó, *chuông gắn liền với sự hưng thịnh của tôn giáo trong đời sống xã hội, và cao hơn là một biểu hiện của sự sống trong xã hội loại người*. Andecxen, người kể chuyện cổ tích nổi tiếng của xứ Đan Mạch, đã đo sự phồn thịnh của các thành phố bằng số lượng và tháp chuông nhà thờ. Thành phố lớn là thành phố có nhiều tháp nhà thờ cao ngất và tiếng chuông ngân nga. Trong chuyện “**Nàng tiên cá**”, 7 lần yếu tố chuông xuất hiện thì 3 lần là như là dấu hiệu của sự sống, của thế giới loài người – thế giới của những sinh vật có linh hồn bất tử, đi bằng hai chân, khác hẳn với thủy cung của các nàng tiên cá vốn không có linh hồn.

Chuông gắn với niềm vui, sự tốt lành, hoặc có thể đẩy lùi những ảnh hưởng xấu. Khi nàng Lidơ được minh oan, dàn thiêu nở hoa hồng, bỗng nhiên tất cả các chuông nhà thờ không ai giật đều rung lên (**Bầy chim thiên nga** – Andecxen). Chuông nhà thờ cũng khua vang để báo tin vui Hoàng tử và Công chúa kết hôn (**Nàng tiên cá** – Andecxen). Còn với ý nghĩa thanh trừ cái xấu, ta có thể tìm ở những quả chuông trang trí dịp giáng sinh.

Tiếng chuông còn là điểm nhịp thời gian, biểu hiện sự yên ắng của không gian. Thơ cổ phương Đông thường hay có tiếng chuông điểm vào không gian tĩnh mịch của thiên nhiên lúc chiều muộn hay đêm khuya vắng. Đó là tiếng chuông chùa Hàn San gợi thi hứng trong thơ Trương Kế lúc nửa đêm ở bến Phong Kiều. Đó là “*Chùa xa chuông giục người nhanh bước*” trong thơ Hồ Chí Minh. Đó là “*Chùa đâu chú trọc hồi chuông*” trong thơ Trần Tế Xương.

Những nét nghĩa kể trên đều chung ở chỗ hình ảnh chuông – gắn liền với sự cảm thụ âm thanh, và tiếng chuông đều gắn với một nguồn phát đi âm thanh nhất định (chùa, nhà thờ).

Hình ảnh chuông trong thơ Lưu Quang Vũ ít tìm thấy điểm chung với những nét nghĩa phổ biến kể trên. Xuất hiện 22 lần trong thơ anh nhưng tiếng chuông không mang tính chất tôn giáo. Nó không dội lại từ một nơi ngoài cõi nhân sinh. Nó cũng không phải âm thanh của cõi thực, gắn với một nguồn phát đi âm thanh cụ thể (chùa, nhà thờ). ***Chuông thường xuất hiện trong thế giới của giấc mộng, của mơ tưởng và khát vọng, trở thành dấu hiệu của cõi tâm linh của nhà thơ.***

Cuộc đời thường không lấy mất của ai tất cả. Khi Lưu Quang Vũ tuyệt vọng nhất thì Xuân Quỳnh xuất hiện. Người con gái đến từ “*miền gió cát*” ấy đã đem lại hạnh phúc và bình yên cho anh sau những tháng ngày giông bão. Anh lại yêu như thuở ban đầu, trái tim lại ngân vang những giai điệu tình yêu rộn rã:

*Ôi vai em mềm ám biết bao nhiêu
Em ngoảnh lại nhìn buổi chiều lộng gió
Tim anh đập như quả chuông bé nhỏ
Dưới hồi chuông vô tận của trời xanh*

(Chiều chuyển gió)

Thơ Lưu Quang Vũ thường có xu hướng vận động từ cõi thực đến cõi mộng, từ những hiện tượng, sự vật thông thường nâng dần lên tầm triết lí, chiêm nghiệm. Thế nhưng, khác với Hàn Mặc Tử, thơ anh không chìm vào mộng ảo, điên loạn để thoát li thực tế, mà ngược lại, cõi mộng, cõi tâm linh ấy lại là nơi nhà thơ gửi gắm những hoài bão, lí tưởng mà thực tế chưa thể thực hiện được. Những quả chuông được làm bằng chất liệu đặc biệt là “*thủy tinh*” hay “*ghép từ ánh trăng*” luôn ngân vang trong thơ Lưu Quang

Vũ, cụ thể hơn là trong những giấc mộng, những hoài niệm, không chỉ là biểu trưng cho trái tim, tâm hồn người con trai – chàng thi sĩ đang yêu “*tình yêu anh như tiếng chuông dài*” mà dường như nó còn là hiện thân cho con người tinh thần Lưu Quang Vũ “*suốt đời vội đi, suốt đời nóng ruột*”:

*tiếng chuông tàu rung trong giấc ngủ
vàng mặt trời trắng xóa cháy bên sông*

(Tuổi thơ)

Lưu Quang Vũ đã có lúc ví mình như những con tàu với khát vọng lên đường cháy bỏng. Chính vì thế âm thanh của những tiếng chuông tàu luôn vang vọng trong tâm trí của nhà thơ như một tín hiệu giục giã lên đường, gấp gáp, hối hả. Đó cũng là ước mơ mà cả đời Lưu Quang Vũ vẫn thấy mình còn thực hiện dang dở.

Những quả chuông xuất hiện trong những “giấc mộng đêm” của Lưu Quang Vũ còn trở thành biểu trưng cho nỗi ám ảnh, trăn trở của cõi tâm linh nhà thơ:

Những quả chuông đang đánh nơi đâu

Nến tắt lịm, chỉ ào ào sóng vỗ

Những cánh đồng tôi đã đi qua

Hiện về trắng xóa

Những cô gái tôi yêu

Nói cười nghiêng ngả

...

Tôi muốn nói nhưng bốn bề gió lốc

Lửa trộn mưa trong điệu nháy quay cuồng

Những mặt người như những quả chuông

Sáng lòa chớp giật.

(Giấc mộng đêm)

Là giấc mơ của anh về “*một thành phố khác, một bến bờ khác*”:

Những quả chuông thủy tinh

Ngân vang trong ánh sáng

Bàn chân giẫm lên một vùng đất khác

Những cánh đồng vụt mở bao la

(Một thành phố khác, một bến bờ khác)

Nơi ấy là nơi “*không có lo âu buồn khổ*”, “*con người được nghỉ ngơi giữa con người*”, chỉ có tiếng chuông ngân vang báo hiệu những điều tốt đẹp. Cõi thiên đường tuyệt vời ấy chỉ là thành phố mơ ước nhưng nó trở đi trở lại trong thơ Lưu Quang Vũ như một niềm day dứt, ám ảnh.

Như vậy, mặc dù chỉ xuất hiện 22 lần, trong đó có 13 lần hình ảnh quả chuông, tiếng chuông trực tiếp mang ý nghĩa biểu tượng nhưng nó đã góp phần mở rộng cánh cửa giúp chúng ta đi sâu khám phá thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ cũng như đời sống tâm hồn phức tạp và quá đổi phong phú của nhà thơ trẻ này. Bỏ lại đằng sau những lo âu, buồn bã, tuyệt vọng, những tiếng chuông ngân vang trong thơ Lưu Quang Vũ luôn là dấu hiệu của những điều tốt lành mà cả đời anh luôn trần trở kiếm tìm, đó là: tình yêu, khát vọng lên đường và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

2.3.2. Biểu tượng Bài hát, tiếng hát.

Cũng như bao đứa trẻ khác, Lưu Quang Vũ lớn lên trong câu hò, điệu lí, những lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ. Sau này, khi đã trưởng thành, ngay cả lúc là một nghệ sĩ thành danh cũng như khi cay đắng trở lại vạch xuất phát của cuộc đời thì Lưu Quang Vũ vẫn có thói quen lang thang ở những quán cà phê cũ, lặng im ngắm nhìn thành phố qua ô cửa kính và lắng nghe âm thanh của những bài hát quen thuộc. Những lúc như thế anh thường hay làm thơ. Và cứ tự nhiên như không, những câu ca bài hát cứ thế xuất

hiện trên những trang thơ của anh, trở thành biểu trưng cho thế giới tinh thần Lưu Quang Vũ.

Nếu như âm thanh của tiếng chuông trong thơ Lưu Quang Vũ thường vọng lại từ trong tiềm thức, suy tưởng của nhà thơ thì những giai điệu bài hát ngân lên trong thơ anh cũng thường vang lên trong trí nhớ, hoài niệm, gắn liền với cõi tâm linh của Lưu Quang Vũ. Cõi nhớ ấy gắn liền với “*bài hát cũ*”, “*tiếng hát xa vời*”, “*khúc hát ngày xưa*”, “*nơi bài hát lên đường ta hẹn ước*”... của một thời quá vắng xa xôi.

Khúc hát ám ảnh Lưu Quang Vũ nhiều nhất có lẽ là những lời ru, câu hò, điệu hát của bà trong thời thơ ấu êm đềm. Nhớ về bà, nhà thơ nhớ nhất là những câu chuyện bà kể trong lời ru:

*Tôi trở về ngồi trong lòng bà
Bà kể chuyện thời con gái
Trốn nhà theo anh trai phòng vải
Gánh hát chèo tỉnh Đông
Điệu hát con gà rừng
Cô Xúy Vân giả dại
Cô Xúy Vân không chịu sống yên
Điệu hát chập chờn
Cô Xúy Vân nổi loạn
Đốt cháy tâm hồn tôi*

(Đất nước đàn bầu)

Đó thường là những câu chuyện buồn. Là cảnh đôi vợ chồng đau đớn chia tay nhau, người vợ nức nở tiễn chồng đi lính:

*Ích chi đâu
Đành ngoảnh mặt cúi đầu
Thôi đừng thương mến nữa*

*Thôi tiếng hát chớ nghẹn ngào trong gió
Lý thương nhau...*

(Lý thương nhau)

Là mối tình đơn phương tuyệt vọng của chàng trai trẻ mê cô đào chèo bỏ cả làm ăn, bỏ ruộng bỏ nhà, đi tìm bạn tình rồi trở thành điên dại:

*Điều tôi tin trên đời này chẳng có
Cô đào chèo xa lạ
Sao tôi còn nhớ mong
Bẻ gãy làm đàn
Tôi gảy tịch tình tang
Trăng lặn, canh tàn
Giọng tôi khản đặc
Tôi ngồi ôm mặt khóc
Chị Hai nào có nghe.*

(Khúc hát)

Lưu Quang Vũ sinh ra và lớn lên ở một xứ sở với thiên nhiên khắc nghiệt “mưa rào và gió mặn”, “đất tá toi trong định mệnh đói nghèo” nhưng xứ sở ấy lại không hề thiếu vắng lời ca tiếng hát, ngày ngày vẫn vang vọng tiếng đàn bầu réo rắt, lời ru của bà, của mẹ, tiếng hát nghêu ngao yêu đời của những cụ già say rượu hát trong đêm hội... Tất cả những “bài ca trên bán đảo” ấy không biết tự lúc nào đã trở thành “hồn dân tộc” nuôi dưỡng Lưu Quang Vũ lớn khôn và “làm thi sĩ”. Sau này, khi đã rời xa vòng tay che chở của bà, của mẹ, đối mặt với phong ba bão táp cuộc đời, Lưu Quang Vũ vẫn nhớ về những lời ru, câu hát như một điểm tựa bình yên, vững chắc:

*Bản nhạc ngày xưa, khúc hát ngày xưa
Tuổi thơ ta là nơi hiền hậu nhất
Đầu đường đời lắm đổi thay mệt nhọc*

Tựa đầu ta nghe tiếng hát ru nhau.

(Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa)

Giai điệu những lời hát ngân lên trong thơ Lưu Quang Vũ không chỉ là biểu trưng của thế giới tuổi thơ đã qua mà còn gợi lại trong tâm trí nhà thơ kỉ niệm về những mối tình dang dở:

Em đến rồi đi, như tiếng hát xa vời

(Viết cho em từ cửa biển)

Người đàn bà chơ vơ

Đi vòng quanh chiếc đĩa hát khổng lồ

Trong bản nhạc đợi chờ của Gric

Gương mặt đẹp chập chờn sau lọ mực

(Thơ tình viết về một người đàn bà không có tên III)

Cô con gái vẫn ngồi trong bóng tối

Đã có chồng và tay đã xấu nhiều đi

Chiếc máy hát rè rè

Bài hát cũ nghẹn không thành tiếng được

Cô danh ca nghe nói giờ đã chết

Và bức tranh màu nắng đã phai sơn

(Quán cà phê ngoại ô)

Em giờ đây đã trở thành kỉ niệm, những bài hát tình yêu ngày nào giờ đã thành “*bài hát cũ*”, “*bản nhạc ngày xưa, bài hát ngày xưa*”. Có lẽ vì thế mà những khúc hát trong thơ Lưu Quang Vũ thường buồn. Nó thường gắn với một thời đã mất, những điều tốt đẹp đã vỡ tan. Thế nhưng chính bản thân Lưu Quang Vũ lại không muốn “*kỉ niệm về tôi là một điệu hát buồn*”. Anh vẫn muốn sống hết những ngày hôm nay bằng trái tim thấp lửa yêu thương bởi anh biết mỗi người “*chỉ sống một cuộc đời giữa vô cùng năm tháng/ Chỉ*

một lần gặp bạn, bạn yêu thương” thế nên “dù chỉ một lần được hát” anh vẫn sẽ lựa chọn:

*Tôi chọn bài ca của mùa hạ nắng
 Tôi chọn bài ca của người gieo hạt
 Hôm nay là mầm, mai sẽ thành cây
 Khổ đau đau nhiều, tôi chọn niềm vui
 Là suối mát lòng tôi gửi bạn
 Một cuộc đời – một bài ca duy nhất
 Tôi chẳng muốn điệu hát buồn là kỉ niệm về tôi.*

(Tôi chẳng muốn kỉ niệm về tôi là một điệu hát buồn)

Những bài hát giờ đây lại trở thành biểu trưng cho tâm hồn, con người tinh thần Lưu Quang Vũ luôn khát khao yêu đời, khát khao dâng hiến. Và mặc dù phải từ giã cõi đời khi còn rất trẻ, khi tất cả những mộng ước vẫn dở dang và cuộc đời anh được ví như “*bài hát vẫn còn dang dở*” thì những gì anh đã viết, đã hát lên trong suốt năm tháng của đời mình chắc chắn vẫn còn mãi với thời gian.

Tiểu kết: Trong quá trình khảo sát hệ thống biểu tượng xuất hiện trong 129 bài thơ của tuyển thơ “**Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi**”, chúng tôi đã lập một bảng thống kê sau:

Biểu tượng	Mưa	Dòng sông	Gió	Lửa	Hoa	Bức tường	Sân ga-con tàu	Quả chuông, Tiếng chuông	Bài hát, tiếng hát
Số lần xuất hiện	158	86	171	98	88	42	21-102	22	42

Nhìn vào bảng thống kê trên có thể thấy trong thơ Lưu Quang Vũ có nhiều biểu tượng xuất hiện với tần suất cao, mang những ý nghĩa biểu trưng quan trọng, tạo nên thế giới nghệ thuật đầy hấp dẫn và mới lạ cho thơ anh.

Chương 3: CÁC YẾU TỐ GÓP PHẦN XÂY DỰNG BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ LƯU QUANG VŨ

3.1. Quan niệm thẩm mỹ của Lưu Quang Vũ.

3.1.1. “*Thơ tôi là mây trắng của đời tôi*”.

Trong đời thơ của mình, hầu như mỗi nhà thơ thường có những quan niệm riêng về thơ. Có khi là một tuyên ngôn: “*Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong*” (Hồ Chí Minh), “*Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ/ Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền*” (Sóng Hồng). Có khi là một chiêm nghiệm: “*Thơ ơi quặng thái bao lần/ Biết bao giờ mới ra vần kim cương*”(Xuân Diệu). Khát vọng viết về thế hệ mình, có tiếng nói nghệ thuật của riêng mình cũng đã thành một ý thức nghệ thuật của thế hệ thơ trẻ chống Mỹ: “*Chúng tôi làm thơ ghi lấy cuộc đời mình*”, “*Muốn tự mát hãy là dòng suối/ Viết về rừng đừng bắt chước tiếng chim*” (Hữu Thịnh), “*Mây bay bằng gió của trời/ Là ta ta hát những lời của ta*” (Nguyễn Duy). Thường đó là những câu thơ nhân một sự việc này khác mà nảy sinh.

Trong các cây bút cùng thế hệ, hiếm có tác giả nào ý thức về sự sáng tạo, về việc tìm kiếm con đường nghệ thuật lại thường trực, ám ảnh dai dẳng như ở Lưu Quang Vũ. Lưu Quang Vũ biết rất rõ động lực khiến anh viết là lòng yêu cuộc sống nông nản, là “*muốn tham dự vào dòng chảy mãnh liệt của cuộc sống, trao gửi và dâng hiến*”, là “*trả nợ*”, là “*làm được một chút gì cho đời*”. Trong 129 bài thơ của tuyển tập “**GIÓ và tình yêu thổi trên đất nước tôi**” thì có đến 13 bài Lưu Quang Vũ trực tiếp bày tỏ quan niệm nghệ thuật của anh về sáng tạo thơ ca. Và trong suốt hành trình thơ của mình, Lưu Quang Vũ luôn trăn trở đi tìm câu trả lời cho câu hỏi: Thơ là gì?

Trong suốt cuộc đời cầm bút với bao thăng trầm, thơ luôn chiếm vị trí quan trọng, là người bạn đồng hành cùng Lưu Quang Vũ. Anh làm thơ như

một sự kì thác. Với anh, thơ không phải chuyện nghề, chuyện kĩ thuật, mà thơ là cả một thế giới sống động, phong phú, đầy đắm say, hư ảo và quyến rũ, được gọi là Nàng Thơ. Thế giới ấy mang gương mặt của một người đàn bà đẹp, bí ẩn mà xa vời. Đó là:

*Gương mặt đẹp chập chờn sau lọ mực
Khi âm thầm tôi viết những dòng thơ
Những dòng thơ giăng xé dày vò
Là mây trắng của một đời cay cực*

(Thơ tình viết về người đàn bà không có tên III)

Khi cô đơn và tuyệt vọng nhất, Lưu Quang Vũ tìm đến với thơ như một sự cứu rỗi. Thơ với anh là “*mây trắng*”, là những gì đẹp nhất, tinh túy nhất, là niềm tin và hi vọng vào tương lai. Quan niệm về thơ này của Lưu Quang Vũ bắt gặp quan niệm truyền thống, cổ điển: Hoàng Đức Lương ví thơ như “*gỏi nem*” và “*gắm vóc*”, thơ là “*Sắc đẹp ở ngoài sắc đẹp*”. Nguyễn Phi Khanh thì cho rằng: “*Giai cú chỉ lan hương*” (*Câu thơ hay có hương hoa lan, hoa chi*). Nguyễn Đình Chiểu viết: “*Phun châu nhả ngọc báu khoe tinh thần*”. Tiếp truyền thống đó, song những ẩn dụ đẹp của Lưu Quang Vũ về thơ sinh động, đa dạng đến lạ lùng. Với anh, thơ là *mầm*, là *cây*, là *suối mát*, là *hoa gạo*, là *nhựa thấm trong cây*, là *bài ca mùa hạ nắng*, là *bó đuốc*, là *ngọn lửa*, là *nhịp cầu*, là *ô cửa*... Đặc biệt, hình ảnh Lưu Quang Vũ ưa thích nhất: thơ là *mây trắng* của đời anh, là phần lãng mạn nhất, bay bổng nhất.

Thơ luôn sát cánh bên anh ngay cả ở giai đoạn khó khăn, cô đơn và tuyệt vọng nhất của cuộc đời. Sau này, khi đã vượt qua thời kì gian khó, đã “*biết đi đâu*” và “*biết làm gì*”, anh lại có dịp nhìn lại để khẳng định:

*Trên mái nhà cao vút rùng cây
Trên rùng cây những đám mây xô dạt*

Trên ngày tháng trên cả niềm cay đắng

Thơ tôi là mây trắng của đời tôi

(Mây trắng của đời tôi)

TS. Nguyễn Thị Minh Thái từng nhận xét: “*Thơ chính là nơi ẩn náu cuối chót của chàng thi sĩ buồn này. Thơ với Lưu Quang Vũ là tất cả sự hàm ơn và trang trải riêng tư của tâm hồn chàng với đời sống*” [40, tr.108]. Lưu Quang Vũ làm thơ giống như người ta ghi nhật kí, và vì thế thơ chia sẻ với anh những giây phút đắng cay và cả những khoảnh khắc ngọt ngào, hạnh phúc của cuộc sống thường nhật.

Giống như Raxun Gamzatop quan niệm:

Khi tôi nhỏ thơ giống như bà mẹ

Tôi lớn lên thơ lại giống người yêu

Chăm sóc tuổi già thơ sẽ làm con gái

Lúc từ già cõi đời kỉ niệm hóa thơ lưu

(Thơ ca)

Lưu Quang Vũ đến với thơ bằng tình yêu mê đắm. Anh viết về thơ bằng cảm xúc cháy bỏng của trái tim yêu và sự linh hoạt của trí tưởng tượng giàu có. Với anh, thơ là tình yêu, là phần đẹp nhất, cao quý và thiêng liêng nhất của cuộc đời.

3.1.2. “Thơ để sống với đời thường và sống cùng giấc mơ phía trước”.

Mặc dù, chỉ hiện diện bốn mươi năm trên cõi đời, trong đó vèn vèn chưa đầy hai mươi năm đến với thơ ca nghệ thuật, nhưng trên hành trình ngắn ngủi ở cõi nhân sinh ấy, Lưu Quang Vũ chưa một giây phút nào ngừng bản thảo, trăn trở về nghề cầm bút. Anh luôn xác định vững vàng cho mình một quan điểm nghệ thuật: “*Nhà văn không thể mong có ích cho lâu dài nếu không có ích cho thời mình đang sống*”. Thời mà Lưu Quang Vũ đang sống là thời kì đau thương nhưng vô cùng hào hùng của dân tộc. Trong khi đa số

các nhà văn, nhà thơ khi cầm bút sáng tác đều chọn viết về chiến thắng, về hạnh phúc chiến tranh, về “*đường ra trận mùa này đẹp lắm*”...thì Lưu Quang Vũ lại lặng lẽ tách ra khỏi đám đông, chọn cho mình một lối đi riêng đầy thách thức và mạo hiểm, mặc dù suy cho cùng vẫn nằm trong khuôn khổ của một nền văn học thống nhất – nền văn học xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Và những quan niệm thơ tiến bộ của Lưu Quang Vũ cũng bắt nguồn từ sự lựa chọn chân chính đó.

C.Mác cho rằng văn học cũng như triết học không chỉ giải thích thế giới bằng cách này hay cách khác mà chủ yếu là cải tạo thế giới. Mục đích của văn học là hướng con người đến Chân – Thiện – Mĩ. Nó không chỉ giúp ta nhìn nhận đúng về xã hội, về cuộc sống, về chính mình, mà từ đó còn định một hướng đi, một cách sống để tiến bộ. Lưu Quang Vũ cũng luôn tâm niệm: thơ vừa phải có ích cho hiện tại, vừa giúp con người vươn tới tương lai, đến những khát vọng bay bổng, xa rộng. Theo cách nói của anh, thơ là “*để sống với đời thường và sống cùng giấc mơ phía trước*”. Có rất nhiều cặp hình ảnh đối lập gay gắt trong thơ Lưu Quang Vũ là để diễn đạt điều này: thơ là cả *bánh ăn và giấc mộng, hạt cát và ngôi sao, bờ và biển cả, vực tối và ánh lửa, đáy biển tối và cầu vồng, tro bụi và ngọn lửa, tường mảnh chai và đám mây xô giạt, thân cành khô khảnh và hoa trắng muốt*...Như thế, thơ là cả thực và mộng, thật và ảo, sự thật tầm thường và khát vọng bay bổng.

Trước khi trở thành một nhà văn hiện thực nổi tiếng của văn học Việt Nam 1930-1945, Nam Cao đã từng là một nhà thơ lãng mạn. Sau này, khi đọc lại những vần thơ của chính mình, ông mới thấy những vần thơ ấy sao mà viễn vông và xa rời thực tế. Và ông bắt đầu thay đổi quan niệm nghệ thuật của chính mình, giờ đây theo ông “*Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau*

khô kia thoát ra từ những kiếp làm than”(*Giăng sáng* – Nam Cao). Đến Lưu Quang Vũ, trong những giai đoạn sáng tác, anh cũng có những thay đổi về quan niệm nghệ thuật. Thời **Hương cây**, lợi thế trong thơ anh chủ yếu là cảm xúc trẻ trung, tươi tắn và hầu như anh chưa có một quan niệm về thơ cụ thể. Đến những năm 70, cuộc sống chung và riêng nhiều biến động, luôn ý thức là một nghệ sĩ chân chính, có ích cho xã hội, anh đã có một quan niệm thơ tiến bộ. Trong bài **“Những chữ...”** Lưu Quang Vũ viết:

*Tôi sống cùng những chữ hôm nay
Điều còn lại sau đường dài tôi vượt
Những chữ làm lem đưng dậy từ đời thật
Tin yêu cuộc đời theo cách của tôi*

Từ một nhân sinh quan đúng đắn, từ khao khát muốn cải tạo, Lưu Quang Vũ dường như đã “sám hối” trước mọi người. Giờ đây, mặc dù khẳng định *“thơ là mây trắng của đời tôi”* nhưng theo Lưu Quang Vũ đó phải là *“mây trắng của một đời cay cực”*. Với anh, thơ vẫn là phần tinh chất nhất, đẹp đẽ nhất của thế giới tinh thần nhưng phần tinh hoa bay bổng, lãng mạn ấy phải vụt lên từ cuộc sống, dù cuộc sống ấy có làm than, cay đắng. Lưu Quang Vũ luôn tự nhắc nhở mình: *“Cuộc sống còn dang dở, cần đóng góp không cần ngôi ca ngợi”*, thơ *“không phải hào quang phản chiếu của chiếc gương”*, nhà thơ không phải là lũ viết thuê *“chạy theo những biển hàng ngàn ngùi”*, để cuối cùng *“lắm kiểu nói mà giống nhau đến thế”*.

Dũng cảm chọn cho mình một lối đi riêng trong dàn đồng ca chung ca ngợi đất nước thời trận mạc của rất nhiều văn nghệ sĩ thời bấy giờ, Lưu Quang Vũ dứt khoát từ chối việc lí tưởng hóa hiện thực, anh tha thiết kêu gọi: *“Thơ phải dậy ta nhìn bằng con mắt thật”*, thơ *“không hát say mà lay ta thức”*. Với anh, thơ phải là *“nhịp đập của trái tim trung thực”*, là *“không giấu che sự thật của lòng mình”*. Thơ không chỉ phản ánh những điều tốt

đẹp mà còn phải phản ánh cả những mặt trái, những đau thương, mất mát:

*Dù khổ sở dù phiền hà
Thơ không bao giờ câm lặng
Như nhịp đập của trái tim trung thực
Là nhân chứng của anh
Là ngọn lửa trắng trong
Trên lịch sử tối tăm trên tro bụi
...Trước đau khổ của nhân dân thơ đã không gian dối*

(Nếu đó là tội lỗi)

Banzac từng khẳng định: “Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”, một nhà văn tiến bộ là người nói được tiếng nói tiên phong của thời đại, đồng thời phải phản ánh chân thực hiện thực cuộc sống. Là một người cầm bút có trách nhiệm Lưu Quang Vũ cũng luôn ý thức mỗi tác phẩm của mình phải làm sao đi sâu vào hiện thực, nói lên khát vọng của nhân dân, đồng thời cũng là khát vọng của chính bản thân mình. Anh luôn khao khát được khuấy lên cái ao đời phẳng lặng:

*Chẳng muốn ai vui lòng khi đọc thơ tôi
Tôi viết những bài thơ chống lại chính tôi
Chống lại bóng đen trĩu trĩu của đời
Chống lại những bài thơ tôi đã viết cùng những ai ưa thích nó
Làm sao khi đọc thơ tôi anh giận dữ bần khoản xấu hổ
Cãi lại tôi hay ghét tôi đi nữa
Nhưng anh thôi hờ hững sống bình yên*

(Nói với mình và các bạn)

Trước hiện thực đất nước đau thương và đầy biến động, Lưu Quang Vũ không muốn hòa giọng ngợi ca đất nước như nhiều người đã chọn, anh muốn “sinh sự với cuộc đời”, muốn thơ mình phải “là bó đuốc đốt thiêu, là

bàn tay thấp lửa” để thức tỉnh, kêu gọi, giục giã mọi người lên đường. Với cách sinh sự với cuộc đời như thế, không phải lúc nào Lưu Quang Vũ cũng được đáp trả như ý. Đã có thời gian những bài thơ bắt rễ vào cuộc sống đau thương, vào những dự cảm hậu chiến rất tinh nhạy ấy của anh chỉ lặng lẽ tồn tại trong sổ tay và trí nhớ bạn bè. Cũng đã có lúc Lưu Quang Vũ phải đau đớn thừa nhận *“làm việc cô đơn thật quá sức”*, anh thấy mình *“trơ trọi trong lạnh lùng bóng tối”*, thấy thơ mình *“bay đi không một lời đáp lại”*. Nhưng vượt lên trên tất cả, anh chấp nhận sự cô đơn ấy, tình nguyện làm một tên tuyệt vọng, bởi anh vững tin ở sự lựa chọn của mình, tin ở những vần thơ *“rộng dài cánh lớn”* xuất phát từ ngòi bút tài hoa, chân thành sẽ được thừa nhận và tồn tại mãi với cuộc đời. Anh luôn tự động viên, khích lệ bản thân mình với một niềm tin mãnh liệt:

*Nước lũ qua sẽ còn lại phù sa
Những tình yêu những ước vọng thiết tha
Đều bay đi không một lời đáp lại
Đều trơ trọi trong lạnh lùng bóng tối
Đều đường dài xa ngái
Đừng phút nào mệt mỏi thơ ta ơi*

Không dừng lại ở đó, đối với Lưu Quang Vũ, thơ không chỉ *“để sống với đời thường”* mà còn để *“sống cùng giấc mơ phía trước”*, giúp con người nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng. Anh luôn khẳng định: thơ *“đưa tôi tới những bến bờ chưa tới được”*. Cõi chưa được, cõi mơ ước ấy ẩn hiện qua những hình dung đẹp: *ngôi sao, giấc mộng, cơn gió sau cánh bướm, chân trời sau biển cả, ban mai sau bóng tối...* Đối lập với thực tế cơ cực, cõi khát vọng mà nhà thơ hướng đến đầy ánh sáng và tình yêu, là nơi *“đối lập với chiến tranh khổ nghèo cái chết”*, là nơi *“không có lo âu buồn khổ, con người được nghỉ ngơi ở giữa con người”*. Ấy là cõi của cái đẹp, cái thiện. Có thể,

miền khát vọng ấy là nơi “*chắc ta không tới kịp*”, là “*cái không thể nào tới được*”. Song sự hiện diện của cõi ấy là cái đích “*giục con người vươn đến*”, để sống đẹp hơn, hữu ích hơn.

Năm 1985 Nguyễn Minh Châu viết “**Lời ai điều cho một nền văn học minh họa**”, và mãi đến năm 1986 Đảng ta mới kêu gọi đổi mới, khuyến khích văn nghệ sĩ từ bỏ lối viết quan phương, minh họa thời chiến để đáp ứng yêu cầu mới của thời đại. Và sau đó, một loạt các tác giả đã đồng lòng hưởng ứng: “*Hãy áp tải sự thật về đến bến cuối cùng*” (Trần Nhuận Minh), “*Thế sự ngày ngày chen cột báo*” (Dương Kỳ Anh), “*Sự thật bật ra máu ứa, đẹp như nụ cười mẹ sau những cơn đau*” (Lê Nhượng Thủy) thì ngay từ những năm 70, Lưu Quang Vũ đã một mình “*nói gió*” trong quan niệm và thơ, chuyển cái nhìn sử thi sang thế sự trong sáng tác. Vì vậy, bên cạnh dòng chung hào hùng ca ngợi cổ vũ cuộc chiến đấu, thơ Lưu Quang Vũ lưu lại một mảng sự thật khác, là nhân chứng cho sự thật những năm chiến tranh được nhìn từ góc độ đời thường, không lí tưởng hóa, là nhân chứng cho những khổ đau, mất mát của dân tộc, của những năm 70 hào hùng và cay đắng. Và vì thế, với những vần thơ “*dạy ta nhìn bằng con mắt thật*” để “*sống với đời thường và sống cùng giấc mơ phía trước*”, Lưu Quang Vũ không chỉ đưa văn học quay trở về với cội nguồn của nó mà quan trọng hơn giúp con người biết sống tốt hơn với đời thường, với thực tại.

3.1.3. “*Thơ là ô cửa mở tới tình yêu*”.

Tuy chỉ sống một cuộc sống ngắn ngủi nhưng Lưu Quang Vũ cũng đã kịp trải qua tất cả những hi, nộ, ái, ố... của kiếp người. Anh đã từng yêu hết mình, đã hạnh phúc ngập tràn rồi lại cũng có lúc thất vọng đến “*hư vô chủ nghĩa*”. Những thất bại dồn dập trong những năm 70 – 73 đã khiến Lưu Quang Vũ dường như mất phương hướng, anh rơi vào trạng thái cô đơn, tuyệt vọng: “*Nỗi cô đơn hoàn toàn nỗi cô đơn khủng khiếp/ Trước và sau*

trong và ngoài cuộc đời và trang sách”, anh trở thành “Đứa con cô đơn ngay khi ngồi cạnh mẹ/ Thằng bé lẻ loi giữa lớp học ồn ào” và những khi một mình “trơ trọi trong lạnh lùng bóng tối” ấy, Lưu Quang Vũ tìm đến thơ như một người bạn để sẻ chia, đồng cảm. Vì thế, không chỉ khao khát “*thơ phải dạy ta nhìn bằng con mắt thật*”, phải “*gọi mọi người vươn tới tương lai*” mà với anh thơ còn là “*ô cửa mở tới tình yêu*”, thơ phải gắn kết mọi người, giúp con người xích lại gần nhau hơn:

*Dù con người là cô đơn
Cái ác là dây đặc
Mỗi bài thơ của chúng ta
Phải như một ô cửa
Mở tới tình yêu
Ở đó lòng ta
Ra với mọi người
Đi tới bên nhau
Những bàn tay không còn đơn độc nữa*

(Liên tưởng – Tháng 2)

Thế giới có hàng triệu con người nhưng thế giới cũng “*có bao nhiêu tường vách*” để “*ngăn cản con người đến với nhau*” vì thế Lưu Quang Vũ luôn khát khao xóa đi những bức tường vô hình chia rẽ con người, để con người có thể hiểu nhau, kết lại với nhau thành một sức mạnh mới: *những bàn tay không còn đơn độc nữa*. Và Lưu Quang Vũ trao sứ mệnh gắn kết triệu trái tim đơn độc ấy cho thơ. Nói khác đi, thơ gắn kết thế giới và con người bằng tình yêu.

Xuân Diệu người được mệnh danh là “ông hoàng của thơ tình Việt Nam” có những lúc sống giữa hàng triệu con người vẫn thấy mình lẻ loi, cô độc, đã từng đau khổ thốt lên một cách tuyệt vọng “*chiếc đảo hồn tôi rợn*

bốn bề”. Chia sẻ với người thi sĩ nổi cô đơn tột đỉnh ấy, Lưu Quang Vũ mong muốn những vần thơ anh viết sẽ là cầu nối giữa “*bờ và biển cả*”, là “*những dòng chữ như móng tay day dứt/ Trên vỏ dưa xanh thắm mùa hè*” nối liền đảo hoang và đất liền giống như câu chuyện cổ tích ngày xưa mà nhờ đó Mai An Tiêm và gia đình được trở về đất liền đoàn tụ. Như vậy, thơ giữ một vai trò vô cùng quan trọng, là tín hiệu giao tiếp, là “*lời nói riêng mà thấu triệu tâm hồn*”, là một cách truyền tin để con người xích lại gần nhau hơn.

Đối với Lưu Quang Vũ “*mỗi bài thơ là một ô cửa mở tới tình yêu*” nên nhà thơ phải là những người tiên phong mở cửa, mạnh mẽ và tự nguyện “*Chúng ta đi mở những cánh cửa, chúng ta suốt đời đi mở những cánh cửa, xuyên bóng tối bốn bề bao phủ*”. Lưu Quang Vũ luôn tin rằng khi gắn kết thế giới bằng tình yêu qua thơ thì những điều tốt đẹp sẽ tới:

*Và nhân thế sẽ còn yêu ta mãi
Giữa thuở bạo tàn ta ca ngợi tự do
Ca ngợi tình yêu giữa thế giới hận thù*

Thơ gắn kết thế giới và con người trong tình yêu, trong sự an ủi và chờ đợi, giống như Petropki từng khẳng định:

*Thơ là một nơi cư trú ngỏ cửa
Cho kẻ sung sướng cũng như người khổ sở
...kể cả người nào không dép, không giày*

Và khi thơ hoàn thành sứ mệnh cao cả ấy thì con người không còn đơn độc nữa, sẽ có đủ sức mạnh làm nên những điều kì diệu “*tay chúng ta sẽ kết một con tàu, cập bến đẹp của những ngày vui sướng*”. Song để đi đến được với “*giấc mơ phía trước ấy*”, Lưu Quang Vũ hiểu rằng trách nhiệm người nghệ sĩ là vô cùng lớn lao:

*Để thơ anh mang lửa đến cho đời
Trên chữ “tài”, chữ “tâm” kia phải lớn*

(Giác mộng đêm)

Chữ “tâm” ở đây có thể hiểu là bản lĩnh và nhân cách của người nghệ sĩ. Với Lưu Quang Vũ, anh muốn thơ không chỉ “*vị nghệ thuật*” mà quan trọng hơn phải “*vị nhân sinh*”, phải giúp con người biết “*sống với đời thường*” và “*sống cùng giấc mơ phía trước*”, phải xua tan đêm tối, mang niềm tin và ánh sáng cho nhân loại. Để làm được điều đó, Lưu Quang Vũ đòi hỏi mỗi nhà thơ chân chính phải vừa có tài, vừa có tâm, “*càng yêu thương càng không vừa ý với mọi điều*”, phải luôn có tinh thần đấu tranh và xây dựng. Đương nhiên, anh cũng hiểu đây thực là một yêu cầu khó khăn:

Thế hệ mình cần những người dũng cảm

Dũng cảm yêu thương dũng cảm căm thù

Dũng cảm nhìn thẳng vào cuộc sống bằng “con mắt thật” để không tô hồng, lí tưởng hóa hiện thực, dũng cảm để nhìn thẳng vào trái tim mình, lương tâm mình để viết một cách trung thực, để có thể “*đau nỗi đau của mỗi trái tim người*” là một điều không dễ thực hiện. Lưu Quang Vũ đã tình nguyện đi đầu là một nghệ sĩ trung thực và dũng cảm như thế, mặc dù anh biết đôi khi đó còn là sự dũng cảm chịu đựng, dũng cảm chấp nhận trả giá:

Nếu đó là tội lỗi

Anh hãy nhận về mình như trách nhiệm như niềm vui

Và sống chết cùng người đất nước mến thương ơi

Ai đó đã nói rằng: những điều xuất phát từ trái tim sẽ đi đến được với những trái tim. Lưu Quang Vũ tin rằng những vần thơ được viết từ trái tim mình, trái tim của một người nghệ sĩ chân chính với “*nỗi buồn chân thành*” dù “*chẳng mang đến cho đời những tiệc vui ảo ảnh*” nhưng sẽ giúp con người ta sống thực tế hơn, biết trân trọng giá trị cuộc sống, biết tự hoàn thiện

mình và sống cho người khác, biết tin yêu và trao tin yêu. Đó phải chăng cũng chính là mục đích cuối cùng mà thơ ca muôn đời vẫn luôn hướng tới?

Tiểu kết: Trong hành trình hai mươi năm sáng tác thơ ca Lưu Quang Vũ đã xây dựng được một thế giới quan niệm thơ phong phú, sống động với những nội dung đề cập đến sứ mệnh của thi ca, sứ mệnh của người nghệ sĩ, đến hành trình và khát vọng sáng tạo của nhà thơ. Những quan niệm thơ trên sẽ chi phối toàn bộ thế giới nghệ thuật của Lưu Quang Vũ đặc biệt ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống biểu tượng nghệ thuật được anh xây dựng trong thơ.

3.2. Ngôn ngữ.

Văn học là nghệ thuật ngôn từ. Đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ không chỉ được hình dung như vật liệu tải chở nội dung mà bản thân nó có thể làm nảy sinh tư tưởng. Mỗi nhà văn khi cầm bút sáng tác đều cố gắng tạo cho mình một thế giới nghệ thuật in đậm dấu ấn cá nhân bằng cách lạ hóa ngôn từ, để chúng có thể cất lên tiếng nói của riêng mình. Đến với thơ Lưu Quang Vũ, chúng ta cần chú ý nắm bắt được những ngôn từ, hình ảnh cụ thể cho dù đó là những hình ảnh rất đời thực, giản dị, tầm thường bởi thơ Lưu Quang Vũ là tiếng thơ của cuộc sống giản dị, trong sáng, tự nhiên. Ngôn ngữ thơ anh có hệ lựa chọn riêng, tạo nên một thế giới biểu tượng nghệ thuật độc đáo in đậm dấu ấn phong cách Lưu Quang Vũ.

3.2.1. Ngôn ngữ thuần Việt giản dị, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

Lưu Quang Vũ làm thơ như một bản năng. Anh ít khi phải bận tâm về việc đi tìm hình thức biểu hiện. Anh cũng không cầu kì biến đổi câu thơ thật mới lạ, thật độc đáo. Bao giờ anh cũng đẩy cảm xúc đến mức cao độ nhất. Và cảm xúc ấy đã tự chọn ngôn ngữ của mình.

Anh luôn đưa vào trang thơ những ngôn ngữ thuần Việt ở dạng tự nhiên, mộc mạc nhất:

*Vỡ đôi hoang mẹ trông sẵn trông ngô
Con lớn lên trong nỗi nhọc nhằn của mẹ
Trong cánh tay xóm làng bông bé
Trong tiếng hò tha thiết vọng trên nương*

(Thôn Chu Hưng)

*Thoảng mùi hoa thiên lý cửa nhà ai
Một tiếng chim khuya gọi mùa vải đỏ
Nghe đất thở luống cày hồn hậu lạ
Ta muốn thành hạt cốm uống hương.*

(Đêm hành quân)

Ngôn ngữ thơ Lưu Quang Vũ được quy chiếu bởi cảm xúc, những dòng cảm xúc liền mạch ào ạt, vì thế nó tự nhiên, không có một chút nào của sự gượng gờng gò ép để chặt lọc ngôn ngữ mà vẫn giàu sức biểu cảm:

*Đến bây giờ đánh giặc anh đi xa
Nhìn lại mảnh vườn xưa thấy hẹp
Biết bao điều anh còn chưa nói được
Rối rít trong lòng một nỗi em em.*

(Vườn trong phố)

Ngôn ngữ thơ Lưu Quang Vũ tự nhiên những cũng rất gợi cảm, giàu sắc thái biểu đạt bởi anh sử dụng rất nhiều từ láy trong thơ. Chúng tôi thống kê được gần một nghìn từ láy đã được Lưu Quang Vũ sử dụng trong các bài thơ, hỗ trợ rất đắc lực cho việc diễn tả những rung động tinh vi trong tâm hồn, trong cảm giác, trong những biểu hiện của thiên nhiên:

*Thu chưa vàng
Nắng đã se se
Thu đến rồi ư
Gió đã về*

Cây trút xào xạc bao lá nhỏ

Phập phồng sóng đỏ cỏ ven đê

(Thu)

Ngoài ra, Lưu Quang Vũ còn sử dụng nhiều yếu tố điệp từ, điệp ngữ và đó chính là sợi dây liên kết bền chặt, hệ thống hóa những ngôn ngữ, những câu thơ ngẫu nhiên của anh. Bên cạnh đó, trong mỗi bài thơ, anh thường sử dụng một trường ngữ nghĩa để diễn tả tâm trạng, cảm giác, phong cảnh riêng:

Quán cà phê ngoại ô

Căn nhà gỗ bộ ghế bàn thấp nhỏ

Mảnh vườn tối với những pho tượng cổ

Bức sơn dầu đã cũ

Nắng chiều phớt vắng ven sông

Ông chủ quán gây bạc phếch chiếc quần nhung

Cô con gái mắt đen dài ngo ngoác

Cái máy hát ở góc phòng khẽ hát

Phơ - răng - xoa Hác đy

(Quán cà phê ngoại ô)

Thơ Lưu Quang Vũ mang tính hiện đại, một phần bởi anh đã biến những kí hiệu ngôn ngữ thành những kí hiệu tâm trạng. Hơn nữa sự giao thoa giữa các thể loại mà thơ anh thể hiện rất rõ – cũng là một đặc điểm của thơ gần đây. Tuy nhiên ngôn ngữ thơ Lưu Quang Vũ không phải là kiểu ngôn ngữ thô ráp của đời sống mà đó là ngôn ngữ hình ảnh mang tính biểu tượng cao đã được nghệ thuật hóa trong cảm quan nghệ thuật của nhà thơ. Những biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, hoán dụ, nhân hóa... được Lưu Quang Vũ sử dụng làm cho chất thơ tăng lên, đẹp và linh động hơn. Thơ anh như dòng chảy tự nhiên, như khúc dân ca mượt mà được cất lên bằng “rú rít

âm thanh” tiếng Việt. Vẻ đẹp óng ánh, mềm mại của tiếng Việt được hiện lên qua những hình ảnh so sánh đẹp:

Ta như chim trong tiếng Việt như rìng

...

Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

(Tiếng Việt)

Vẻ đẹp của ngôn ngữ Việt phải chăng cũng chính là vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ Lưu Quang Vũ. Đó là vẻ đẹp vừa giản dị, vừa gần gũi, vừa giàu hình ảnh, giàu sức biểu đạt.

3.2.2. Ngôn ngữ giàu tính tạo hình.

Lưu Quang Vũ không chỉ là một nhà thơ mà anh còn được biết đến với tư cách một họa sĩ, một nhà viết kịch, một người phê bình sân khấu... Chính vì thế, đọc thơ Lưu Quang Vũ có thể dễ dàng nhận ra sự giao thoa của các loại hình nghệ thuật trong từng câu chữ. Dấu vết của hội họa, điện ảnh, âm nhạc... để lại trong thơ Lưu Quang Vũ làm cho thơ anh giàu tính tạo hình và cũng vì thế mang tính biểu tượng cao hơn.

Vốn đam mê hội họa từ nhỏ, bản thân lại đã từng học vẽ nên có thể hiểu vì sao thơ Lưu Quang Vũ lại phong phú từ ngữ chỉ màu sắc đến thế: trắng, xanh, đỏ, vàng, tím, đen, hồng, nâu, xám... (nhiều nhất là hai màu xanh, trắng, mỗi màu xuất hiện 51/230 lần, chiếm 22,6% lượng từ chỉ màu sắc). Tuy nhiên, lượng từ chỉ màu sắc này lại có sự thay đổi theo từng giai đoạn sáng tác của đời thơ Lưu Quang Vũ. Thời **Hương cây**, thơ Lưu Quang Vũ là tiếng ca trẻ trung, yêu đời của chàng thi sĩ đang tràn đầy nhiệt huyết và mơ mộng vì thế màu sắc trong thơ giai đoạn này chủ yếu là những gam màu rực rỡ, trong đó màu nắng là gam màu chủ đạo. Trong 34 bài thơ với hơn 100 từ chỉ màu sắc, nắng xuất hiện hơn 20 lần. Nắng gắn với màu xanh của

trời, màu vàng của cánh đồng, của ánh hoàng hôn...tạo nên một bức tranh rực rỡ, ấn tượng, hầu như không có sự xuất hiện của những màu sắc gợi sự đau buồn. Bước sang giai đoạn sau khi cuộc sống chung và riêng của nhà thơ có nhiều biến động, cấu trúc ngôn ngữ sử dụng trong thơ cũng bị chi phối và ảnh hưởng. Năng xuất hiện ít đi và “bóng tối” gần như phủ đặc trong thơ. Cùng với bóng tối là màu xám và màu đen đã trở thành những gam màu chủ đạo. Những gam màu ấy thường gắn với những cơn mưa dài, gắn với sự lạnh lẽo của mùa đông, của nước, của tâm trạng. Tất cả đều gợi lên một cảm giác cô đơn, bế tắc đến tuyệt vọng. Nếu màu xanh trước đây gắn với những từ gợi cảm giác tươi vui như: “*Trời chiều xanh đẫm đuối*”, “*Xanh lơ trong khoảng biếc*”, “*xanh rờn*”, “*xanh tươi*” thì giờ đây nó lại gợi lên một cái gì đó mong manh, đang tàn lụi, héo úa: “*Thế giới xanh xao những sự thực gầy gò*”...Sau 1974, gặp được Xuân Quỳnh, tìm lại được ý nghĩa của cuộc sống, màu xanh trong thơ Lưu Quang Vũ trở lại là màu xanh của hi vọng. Nó không còn vẻ tươi mát của tuổi trẻ nhưng là màu của tương lai, của hứa hẹn phía trước:

*Bên cửa sổ của gian phòng nhỏ
Mắt em xanh thăm thẳm những chân trời*

(Nhà chật)

Không chỉ có sự thay đổi trong cách sử dụng những từ ngữ chỉ màu sắc ở từng giai đoạn mà Lưu Quang Vũ còn rất chú ý phối hợp màu sắc trong từng câu thơ, đoạn thơ cho dù đó là bức tranh thiên nhiên hay bức tranh sinh hoạt. Anh làm thơ như một người họa sĩ thực thụ đang tìm cách phối màu cho bức tranh của mình:

*Gió mù mịt những con đường bụi đỏ
Những dòng sông ào ạt cánh buồm căng
Chớm heo may trên những ngọn cau vàng*

Nôm nam thổi khắp đồng bông gạo trắng

-Cành mận đầu vườn trắng muốt

Lưỡi dao mới trong lò rèn đỏ rực

Hoa lửa hồng quanh chiếc đē xanh

Có khi sự phối hợp màu sắc trong ngôn ngữ thơ anh lại nói lên được cái đa sắc, đa diện trong cuộc sống tâm hồn con người: lúc phấp phồng dự cảm, lúc khắc khoải lo âu, lúc trong trẻo tươi lành:

Những buru ảnh màu bán ở sân ga

Những viên kẹo bọc giấy hồng giấy đỏ

Em nâng trên bàn tay

Quả địa cầu bé nhỏ

Xanh là đất liền, vàng là biển cả

Lo âu lẫn với tươi lành

(Quả dưa vàng)

Màu sắc trong thơ anh mang vẻ đẹp kì ảo. Nhiều khi những sắc màu xanh, tím, bạc, đỏ không còn là màu sắc đời thực mà mang tính chất tượng trưng. Màu sắc gợi lên không gian có kích thước lớn được đo bằng những chân trời: “*Những chân trời màu hồng, những chân trời màu tím, một chân trời xanh biếc buổi hoàng hôn*”. Màu sắc gợi lên những sự vật kì vĩ, kì ảo: “*Một chiếc lá khổng lồ đỏ thắm*”, “*Những ngôi sao bàng bạc cả hoàng hôn*”...Có thể nói đó là màu sắc miền không gian khát vọng của riêng anh, nó trở đi trở lại trong thế giới nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ. Màu sắc mang bóng dáng của “*Một thành phố khác, một bến bờ khác*” mà anh luôn ao ước đi tới được cũng như luôn hiểu mình không kịp tới. Cái khoảng không gian lạ mà anh tìm kiếm khao khát ấy hiện lên trong nhiều hình dung khác nhau: *thành phố lạ, một thành phố xanh, một bờ biển xanh*...Màu sắc trong ngôn

ngữ thơ Lưu Quang Vũ tạo cho người đọc ấn tượng về thành phố mơ ước là: rộng lớn, đẹp, kì ảo.

Không chỉ tạo ra một thế giới màu sắc của tâm trạng, thơ Lưu Quang Vũ còn là thế giới của đường nét, hình khối. Ngôn ngữ thơ anh bao giờ cũng kêu gọi, đánh thức vào lòng người đọc những tưởng tượng, liên tưởng của riêng họ. Dù với những đối tượng vô hình nhất, trừu tượng nhất Lưu Quang Vũ cũng có thể khắc họa thành những đường nét cụ thể:

*Thế giới xanh xao những sự thực gầy gò
Em đập vỡ ra từng mảnh*

(Lá thu)

Anh thể hiện hiện thực tâm trạng và hiện thực cuộc đời trên bàn tay và khuôn mặt người con gái:

*Ngón tay xanh xao
Nắng chiều kẽ lá
Ngón tay gầy nhảnh mạ
Anh không còn nắm nữa
Bây giờ đâu?*

(Lý thương nhau)

*Mắt mênh mông lặng lẽ ngón tay gầy
Giọt mưa lạnh chảy dài trên má*

(Thơ tình gửi người đàn bà không có tên III)

Hay thậm chí trên khuôn mặt của chính mình:

*Mặt tôi âm u như một khu rừng rậm
Nghe em cười giữa bè bạn đông vui*

(Có những lúc)

Tính tạo hình là đặc điểm lớn nhất trong ngôn ngữ thơ Lưu Quang Vũ. Chính nhờ tính tạo hình mà thơ Lưu Quang Vũ không chỉ giàu sắc thái biểu

đạt mà còn tạo nên một hệ thống biểu tượng phong phú, đa dạng. Lưu Quang Vũ đã tạo ra được một thế giới nghệ thuật thực sự sống động, tác động mạnh đến trí tưởng tượng của người đọc, khiến chúng ta có thể cảm thụ bằng mắt vừa có thể cảm thụ bằng tâm hồn những điều anh muốn bộc bạch, gửi trao.

3.3. Giọng điệu.

Là yếu tố cơ bản thuộc phong cách nghệ thuật, giọng điệu văn chương vừa cho phép người đọc nhận ra vẻ riêng của nghệ sĩ, vừa có ý nghĩa như một tiêu chí xác định chân tài của nhà văn.

Trong lí luận văn học, giọng điệu được hiểu như là lập trường, thái độ của người nghệ sĩ, được thể hiện qua hệ thống lời văn nghệ thuật, với các yếu tố như: cách xưng hô, cách gọi tên sự vật, cách xây dựng hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, cách dùng từ ngữ, cách xây dựng các biểu tượng nghệ thuật...Giọng điệu trong tác phẩm có giá trị thường đa dạng, có nhiều sắc thái trên cơ sở giọng điệu cơ bản, chủ đạo.

Khác hẳn với văn xuôi tự sự, thơ trữ tình được nói đến như một bản tự thuật của tâm trạng, bởi thế giọng điệu trong thơ trữ tình chủ yếu là giọng đơn. Giọng điệu trữ tình được thể hiện ở nhiều cấp độ: giọng riêng của từng tác phẩm, giọng điệu chung của tác giả, giọng của thời đại văn học...Giọng điệu trữ tình chịu sự quy định của tư thế trữ tình, cảm hứng chủ đạo và góc độ giao tiếp. Giọng điệu của thơ là giọng điệu của tâm hồn, là nhịp đập của trái tim nghệ sĩ vì thế nó in đậm dấu ấn phong cách cá nhân của tác giả.

Với những yêu cầu “gắt gao” như trên, không phải nhà thơ nào cũng tạo được một giọng điệu riêng. Lưu Quang Vũ là một trường hợp khá đặc biệt. Ngay từ tập thơ đầu tiên ra mắt bạn đọc, thơ anh ngay lập tức thu hút được sự chú ý bởi một chất giọng riêng, độc đáo. Đó là sự hòa trộn các sắc thái giọng điệu: giọng trẻ trung, tươi tắn; giọng u hoài, buồn lặng; giọng dịu dàng, đăm đuối.

3.3.1. Giọng trẻ trung, tươi tắn.

Nhận xét về tập thơ đầu tay của Lưu Quang Vũ, nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo cho rằng: “*Thơ Vũ giàu cảm xúc tinh tế, đầy là những rạo rức đầu đời – tình bạn, tình yêu, tình quân dân, tình quê hương,...*” [44, tr.5]. Sức hút của tập thơ **Hương cây** chính là “*sự non tươi chân thành nhất của tâm hồn người lính trẻ đầy mơ mộng. Nhiều câu thơ của Vũ thuở ấy còn non tươi đến tận bây giờ*” [44, tr.7]. Sự non tươi của hồn thơ Lưu Quang Vũ trong tập thơ đầu tay và ở cả những vần thơ sau này khi cuộc đời anh đã lặn sóng bình yên bên Xuân Quỳnh được tạo ra một phần bởi chính giọng điệu trẻ trung, tươi tắn.

Lưu Quang Vũ viết tập thơ đầu tiên khi chưa đầy hai mươi tuổi. Nhìn đời bằng cặp mắt tươi non và tâm hồn căng tràn nhựa sống, tình yêu “*chưa chút gợn một lần cay đắng*” (**thơ Xuân Quỳnh**) vì thế chàng thi sĩ ấy nhìn đâu quanh mình cũng chỉ thấy hoa tươi và nắng đẹp. Thế giới trong thơ Lưu Quang Vũ lúc bấy giờ ngập tràn hương sắc và tình yêu.

Trong con mắt của Lưu Quang Vũ, xứ sở nơi anh sinh ra luôn đẹp nhất, hấp dẫn nhất với hoa thơm và cỏ ngọt. Gần 50 loài hoa đã bùng nở trên trang thơ Lưu Quang Vũ và hình ảnh “nắng” xuất hiện hơn 20 lần trong những bài thơ đầu tiên cũng đủ để nói lên một tình yêu nồng nàn, say đắm anh dành cho quê hương, đất nước của mình. Không yêu sao được khi xứ sở ấy là quê hương tuổi thơ với “*hoa cải tươi vàng*”, “*hoa móng rồng thơm ngát*”, “*hoa súng nở bờ ao*”, “*hoa mào gà đỏ thắm*”, là hương lá bưởi lá chanh quen thuộc, là mùa thu hương cốm:

Tháng bảy mưa nhiều

Tháng tám sen tàn bưởi chín

Chim ngói bay về bịn rịn

Tháng chín lúa trở đòng đòng

Trời thu hương cốm mát trong

(Gửi tới các anh)

Giọng điệu trẻ trung, tươi tắn khiến cho hệ thống biểu tượng được xây dựng trong thơ Lưu Quang Vũ thời kì này đa phần đều mang ý nghĩa của niềm vui, hạnh phúc. Thế giới nghệ thuật được anh tạo ra trong thơ giống như một thiên đường trên mặt đất, không chỉ có ánh sáng và hương sắc của cỏ hoa, mà kì diệu và tuyệt vời biết bao, còn có Em – những rung động đầu đời của chàng thi sĩ nhiều mơ mộng. Trong thế giới lung linh hương sắc ấy, nơi Em hiện hữu là khu vườn tình đẹp nhất, ngọt ngào nhất:

Vườn em là nơi đọng gió trời xa

Hoa tím chim kêu bàng thưa lá nắng

Con nhện đi về giăng tơ trắng

Trái tròn căng mạp nhựa sinh sôi

(Vườn trong phố)

Tâm hồn trẻ trung, yêu đời nên Lưu Quang Vũ nhìn đâu quanh mình cũng chỉ có tình yêu, sự sinh sôi nảy nở. Kỉ niệm về Em khi ấy bao giờ cũng gắn liền với những hình ảnh mát lành, tươi tắn nhất:

Dưa hấu bổ ra thơm suốt ngày dài

Em cũng mát lành như trái cây mùa hạ

Nước da nâu và nụ cười bờ ngõ

Em như cầu vồng bảy sắc hiện sau mưa

(Vườn trong phố)

Sau này, trải qua những năm tháng đắng cay, tuyệt vọng, như “con sông đã yên mùa bão lũ”, Lưu Quang Vũ trở về bình yên, hạnh phúc bên Xuân Quỳnh thì thơ anh lại tiếp mạch nguồn trẻ trung, sôi nổi ngày nào. Người ta lại bắt gặp một Lưu Quang Vũ “rối rít” yêu, cuồng quýt đam mê, dâng hiến:

*Dành cho em hoa những khu vườn
Hoa huệ trắng, hoa hồng thơm ngát
Mọi hương sắc của mùa hè ngây ngất
Anh muốn mang phủ ngập cả mình em*

(Dành cho em)

Tình yêu của người nữ thi sĩ đã đánh thức sự trẻ trung, yêu đời trong tâm hồn Lưu Quang Vũ. Giữ bỏ những “*viển vông cay đắng u buồn*” thể giới trong thơ Lưu Quang Vũ giờ đây lại được bao phủ bởi ánh sáng và tình yêu. Mạch thơ trở lại sự trẻ trung, sôi nổi thuở ban đầu nhưng có chiều sâu và chiêm nghiệm nhiều hơn của người đã hết thời nông nổi:

*Có em, anh hiểu lại cuộc đời
Có em, anh bắt đầu tất cả
Bắt đầu con đường, bắt đầu nhịp thở
Mùa hạ đầu tiên, ngọn gió đầu tiên*

(Chiều chuyển gió)

Lưu Quang Vũ là một trong số không nhiều những nhà thơ có sự thay đổi giọng điệu qua từng chặng đường sáng tác. Những biến động của cuộc sống chung – riêng đã chi phối rất lớn đến giọng thơ Lưu Quang Vũ. Ở những chặng đường sau, người ta bắt gặp một Lưu Quang Vũ với giọng thơ buồn, phảng phất cay đắng hoặc đôi khi là sự dịu dàng, đăm đuối thể nhưng chúng tôi tin rằng tận sâu thẳm trong trái tim người nghệ sĩ tài hoa này vẫn là sự tươi trẻ, lạc quan, yêu đời. Bởi chỉ có sự tồn tại của sự trẻ trung, tươi tắn ấy mới có thể tiếp thêm sức mạnh để Lưu Quang Vũ tạo nên những biểu tượng thơ cháy bỏng tình yêu, niềm tin mãnh liệt vào tương lai ngay cả khi anh cô đơn và tuyệt vọng nhất.

3.3.2. Giọng u hoài, buồn lặng.

Rất dễ nhận ra giọng buồn trong thơ Lưu Quang Vũ ngay từ những vần thơ đầu đời khi anh mới chỉ là chàng thanh niên 17 tuổi. Đọc **Hương Cây**, Hoài Thanh đã nhận thấy ở Lưu Quang Vũ “*cái buồn lặng lặng*”, “*một cái buồn trung hậu*”. Bích Thu cho rằng: “*Anh là người nhạy cảm cao độ với nỗi buồn đau của mình và cả kiếp người*”.

Nguyễn Thị Minh Thái cũng chỉ ra: “*Thơ Lưu Quang Vũ buồn, cái buồn thăm thẳm, canh cánh, thấm sâu vào tinh huyết thơ chàng*”.

Vương Trí Nhàn khi viết về “*những dòng thơ độc đáo không gì thay thế được*” của Lưu Quang Vũ viết trong những năm tháng chiến tranh đã gọi đó là “*những vần thơ đau đớn*”, “*những dòng thơ xé rách*”, “*giống như một tiếng nước nổ*”.

Giọng điệu buồn trong thơ Lưu Quang Vũ là hệ quả tất yếu của một hồn thơ đặc biệt nhạy cảm trước những đau khổ của số phận con người, tha thiết tin yêu cuộc đời nhưng cũng hiểu cuộc sống còn quá nhiều khó khăn, cơ cực mà sức mình thì có hạn. Anh từng tâm sự với mẹ: “*Tâm trạng con buồn, con không thể làm thơ vui. Còn nếu như ai đó nghi ngờ thơ của con không trong sáng thì họ cứ việc đến đây, con sẵn sàng đọc cho họ nghe tất cả những bài con đã làm*” [38, tr.213]. Luôn muốn sống thực với tâm trạng của mình, phản ánh đúng hiện thực, không tô vẽ, lí tưởng hóa cuộc sống, vì thế, đọc thơ Lưu Quang Vũ không thấy bóng dáng giọng điệu mạnh mẽ, mang âm hưởng sử thi như đa số các nhà thơ chống Mỹ lúc bấy giờ, thay vào đó là giọng điệu u hoài, buồn lặng, chất chứa một nỗi buồn thế sự sâu lắng, luôn nhức nhối, xót xa trước hiện thực:

*Tổ Quốc là nơi tỏa sáng bóng yên vui
Nơi nghĩ đến lòng ta yên tĩnh nhất
Nhưng nghĩ đến người lòng tôi rách nát*

Xin người đừng trách giận Việt Nam ơi!

(Việt Nam ơi)

Ngực nghẹn lại không còn khóc được

Thương mọi người cơ cực mấy mươi năm

Thương ga xưa đã sập tan tàn

Thương những chuyến lên đường xưa đã chết.

(Ghi vội một đêm 1972)

Tổ Quốc ứa máu trong chiến tranh. Những thành phố nghèo xơ xác. Những đứa trẻ không có tuổi thơ, “*không biết yêu thương và không mơ ước, không được đọc những trang sách đẹp, không biết tin vào các bài ca*”. Chứng kiến hiện thực “rách nát” ấy, Lưu Quang Vũ càng khao khát hướng tới một thế giới hòa bình, yên ả - nơi “*Con người được nghỉ ngơi ở giữa con người*” song chính anh cũng thấm thía nỗi bất lực của lòng hi vọng. Đêm giáng sinh, cầu nguyện cho người lính trở về, máu không chảy nữa, cho lũ trẻ không bị cái chết cắt ngang giấc mộng, nhưng anh đau đớn nhận ra rằng: “*Giêsu, tình thương không thể ngăn tội ác*” và “*Tôi không tin lỗ đinh trong tay tượng Chúa*”. Nỗi đau làm “*ngực anh buốt giá*”, làm anh cảm thấy bất lực, yếu nghèo, mệt mỏi, làm cho những bài thơ xót xa buồn:

Điều anh tin không có ở trên đời

Điều anh có không giúp gì ai được

Là người nhạy cảm với những nỗi buồn đau của chính mình, anh đã gửi vào thơ cái điệu buồn lặng lặng, bàng bạc. Có lúc nỗi buồn anh được bộc bạch một cách trực tiếp qua hàng loạt các tính từ, biểu hiện ở nhiều dạng khác nhau: *cay đắng, u buồn, cô độc, trống rỗng, cô đơn, rách rưới, lẻ loi, bơ phờ*... cũng có khi tâm trạng buồn được biểu thị dưới một màn mưa triền miên (như đã chúng tôi đã thống kê “mưa” xuất hiện 158 lần trong thơ của Lưu Quang Vũ), hay là sự bao trùm dày đặc của đêm tối (hình ảnh “đêm”

xuất hiện hơn 80 lần) với nhiều biểu tượng phong phú: *đêm dài, đêm lạnh, đêm sâu, đêm vắng, đêm lặng lẽ, đêm mất ngủ, đêm trần trọc, đêm bão gào...*

Đọc thơ Lưu Quang Vũ, ngay cả ở những vần thơ vui nhất trong tập **Hương Cây** vẫn thấp thoáng, ẩn chứa đâu đó một nỗi buồn bàng bạc. Đặc biệt là khi anh làm thơ tình. Nếu như người ta hay bắt gặp ở Xuân Diệu giọng thơ hối hả, giục giã, vội vàng, cuồng quýt luôn lo sợ sự trôi chảy của thời gian bởi cảm giác “*trong gặp gỡ đã có mầm li biệt*” và “*xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua/ Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già*” thì ở Lưu Quang Vũ, đôi lúc nỗi buồn cũng xuất phát từ những dự cảm mơ hồ, bất ổn về tương lai. Anh luôn sống trong trạng thái lo âu, hoang mang:

*Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa
Xóa nhòa hết những điều em hứa
Mây đen tới trời chẳng còn xanh nữa
Nắng không trong như nắng buổi ban đầu*

(Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa)

Và khi không tìm được sự chia sẻ, đồng cảm trong tình yêu thì nỗi buồn ấy càng day dứt, khắc khoải:

*Anh suốt đời chẳng gặp sắc tâm xuân
Em hồn nhiên, em chẳng biết anh buồn
Em cứ kể về loài hoa bé nhỏ
Những chùm hoa nở bùng trong gió
Những chùm hoa ngày cũ chết lâu rồi*

(Hoa tâm xuân)

Ngay cả sau này, khi đã neo đậu hạnh phúc trong tình yêu với Xuân Quỳnh, viết nhiều hơn về tình yêu và hi vọng, trở lại giọng thơ tươi

vui, trong trẻo thuở ban đầu nhưng ở đâu đó trên nhưng trang thơ người ta vẫn dễ dàng bắt gặp một Lưu Quang Vũ với nỗi buồn phảng phất, lặng lẽ:

*Ở ngoài kia thành phố mưa bay
Bùn lầy lội những ngã đường khuya khoắt
Mưa và gió âm ào trên mặt đất
Hai chúng mình bên cạnh một loài hoa*

(Hoa vàng ở lại)

Thậm chí là nỗi cô đơn, trống rỗng khi thiếu vắng bóng hình người thương:

*Phải xa em, anh chẳng còn gì nữa
Chẳng có gì, kể cả nỗi cô đơn*

(Em vắng)

Thường thì người ta chỉ buồn khi đau khổ, cô đơn nhưng đối với Lưu Quang Vũ ngay cả khi hạnh phúc nhất ở anh vẫn phảng phất một nỗi buồn đau âm thầm, lặng lẽ. Phải chăng chính sự nhạy cảm cao độ với mọi cung bậc cảm xúc của con người, những dự cảm đầy bất trắc về tương lai, hạnh phúc đã tạo nên cái “tặng” buồn cho giọng điệu thơ anh? Bởi không chỉ buồn đau về nhân tình thế thái, về những thất vọng đổ vỡ trong tình yêu mà ngay cả ở những vần thơ viết cho người thân, giọng thơ anh vẫn cứ thấm đẫm nỗi buồn bàng bạc. Đây là những dòng thơ Lưu Quang Vũ viết cho mẹ:

*Con chẳng nhớ mỗi lần thay áo mới
Áo dài hơn thấy mẹ cũng già hơn*

(Thương áo cũ)

Con mỗi ngày một lớn khôn, áo cũ vì thế lại càng ngắn đi và mẹ thì ngày càng già hơn. Nỗi buồn khi “thương áo cũ” là nỗi buồn của trái tim người con – người nghệ sĩ nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian mà bản thân mình thì bất lực, chỉ có thể tự nhắc nhở: “*Thương áo cũ như là thương*

kí ức/ Để càng thương lấy mẹ của ta/ Hãy biết thương những gì đã cùng ta sống/ Những gì trong năm tháng trôi qua... ”.

Cũng vẫn là câu chuyện về cái áo, nhưng là lời tâm sự chất chứa nỗi buồn nhân tình thế thái đến xót xa của một người cha viết cho con trong những ngày đầu năm mới:

*Tết hòa bình đầu tiên
Đất nước nghèo xơ xác
Cha cũng chẳng đủ tiền
Mua cho con áo đẹp*

(Nói với con cuối năm)

Giọng điệu phảng phát buồn, cay đắng là một trong những đặc trưng nổi bật của giọng thơ Lưu Quang Vũ, tạo nên nét nghĩa hai mặt cho các biểu tượng. Buồn nhưng không bi quan, chán nản, tuyệt vọng. Chính vì thế ngay cả ở những biểu tượng mang ý nghĩa của sự buồn đau, đổ vỡ, chia li như: mưa, bức tường, bài hát, quả chuông, đêm tối, mùa đông... người ta vẫn thấy ẩn chứa trong đó khát vọng hồi sinh, vượt lên số phận, hướng đến sự sống, ánh sáng, tình yêu. Trải qua bao đắng cay, mất mát, “*Từ những câu thơ tuyệt vọng trở về*” Lưu Quang Vũ vẫn yêu người, yêu đời một cách nồng nàn, mãnh liệt:

*Dẫu bao lần người làm tôi thất vọng
Tôi vẫn yêu người lắm lắm người ơi.*

(Có những lúc)

Chính tình yêu bao la ấy đã tạo nên giá trị đích thực cho thơ ca Lưu Quang Vũ dù giọng thơ anh buồn hay vui.

3.3.3. Giọng điệu dạt, đắm đuối.

Vũ Quần Phương khi “**Độc thơ Lưu Quang Vũ**” đã từng khẳng định: “*Đắm đuối đó là một đặc điểm suốt đời của Lưu Quang Vũ. Vui hay buồn,*

tin cậy hay hoang mang...bao giờ anh cũng đấm đuôi”, “*Đấm đuôi là bản sắc cảm xúc của Lưu Quang Vũ. Nó tạo nên sức lôi cuốn ma quái của thơ anh*” [40, tr.78]. Từ sau năm 1945, thơ Việt Nam chuộng sự tinh táo, khỏe khoắn, giàu chất liệu cụ thể của đời sống vì thế giọng thơ đấm đuôi của Lưu Quang Vũ chính là nét nổi bật làm nên cái duyên, sức cuốn hút, hấp dẫn riêng của thơ anh. Tìm ra những yếu tố cấu thành chất đấm đuôi cũng là cách tìm ra bản chất thi pháp Lưu Quang Vũ.

Theo chúng tôi, khác xa với chùng mực, cân bằng, lí trí, “đấm đuôi” là mãi đuôi theo những cảm xúc của lòng, là đẩy các cảm xúc lên mức độ cao nhất. Trong đấm đuôi có nét nghĩa say đắm, đam mê (say mê đến mức không còn tinh táo), nhưng đồng thời có nét nghĩa dịu dàng, dịu lành – nét nghĩa này từ “đam mê”, “say đắm” không có được. Đấm đuôi chi phối tất cả các trạng thái tình cảm: vui, buồn, tin cậy, nghi ngờ...trong thơ Lưu Quang Vũ, ảnh hưởng trực tiếp đến nét nghĩa biểu trưng của các biểu tượng. Đấm đuôi còn đi gần đến mộng, ảo, mê, say.

Đọc thơ Lưu Quang Vũ ít thấy dấu vết của bố cục, cảm hứng liền dòng ồ ạt, đầy ắp hình ảnh, ảnh thực và ảnh ảo, hiện thực và tưởng tượng hòa quyện, thúc đẩy nhau trong những câu thơ dồn dập. Cảm giác chính là hạt nhân đầu tiên của cảm hứng thơ Lưu Quang Vũ “*Anh cảm thụ bằng cảm giác...Cảm giác gợi ý thơ tuôn chảy, tứ thơ tự hình thành trong quá trình cảm thụ*” [40, tr.78]. Cảm hứng ấy tạo nên chất đấm đuôi của thơ. Anh viết như trong cơn say, như nhập đồng, bất chấp cực đoan, phi lí trong chi tiết. Thế giới trong thơ Lưu Quang Vũ là thế giới của tưởng tượng, “*giàu tưởng tượng nên mới thành mê đắm, mới thành đấm đuôi*” [40, tr.78]. Trong thơ anh có cánh buồm đen của tên cướp biển, có ngọn lửa bập bùng của người Âu Lạc múa trên châu thổ sông Hồng còn nguyên nếp phù sa, có “*Đoàn xe chiến quốc đi trên tuyết/ Rũ rượi tóc nâu, đao thương sáng quắc*”...Những

câu thơ “kết tinh sự đăm đuổi” của Lưu Quang Vũ bao giờ cũng kêu gọi, đánh thức trí tưởng tượng của người đọc, lôi cuốn họ chìm vào một thế giới cổ tích chỉ có trong thơ anh:

*Những ban mai xanh biếc tiếng đàn bầu
Bà hiền hậu tắm trâu bên chõng nước
Em đi gặt trên cánh đồng cổ tích
Lúa vàng hoàng chín đỏ cả triền sông*

(Đất nước đàn bầu)

Đọc thơ Lưu Quang Vũ thấy rất rõ hình ảnh một con người mãi mê đuổi theo những cảm giác của lòng mình, hồi hả háo hức thu nhận tất cả những sắc hương của đời sống, của cuộc sống bề bộn tươi đẹp mà anh yêu bằng tất cả rói rít, đam mê, đăm đuổi của hồn mình. Để xây dựng một bức tranh thiên nhiên hay một bức tranh tâm trạng, Lưu Quang Vũ thường sử dụng hàng loạt các chi tiết cùng loại nhằm tô đậm ấn tượng về sự vật. Chẳng hạn:

*Ở nơi ấy có một đôi mưa tím
Có con đường đất mịn mát chân đi
Ở nơi ấy có một rừng bưởi chín
Có người em bé nhỏ ngóng ta về
Tia nắng hạ sáng bình trên lá cọ
Chim chào mào ăn hạt dẻ mùa thu
Rơm khô ủ những quả hồng chín đỏ
Ngọn gió chiều hoa sở trắng như mưa*

(Nơi ấy)

Thiên nhiên của một miền “Nơi ấy” trong kí ức nhà thơ hiện lên qua dày đặc các hình ảnh thiên nhiên. Có 12 chi tiết tạo cảnh trong 8 dòng thơ: *đôi mưa, rừng bưởi, con đường đất, tia nắng hạ, lá cọ, chim chào mào, hạt*

dẻ, rơm khô, những quả hồng, ngọn gió chiều, hoa sớ. Các chi tiết màu sắc cũng phong phú, đẹp, tươi sáng: *tím, đỏ, trắng, xanh.* Cảm giác: *mịn, mát, sáng bừng, chín, bé nhỏ, chín đỏ, khô...* Cảm giác và màu sắc đều rất phong phú, bức tranh thiên nhiên sinh động, cụ thể, các ấn tượng tươi mới...thể hiện lòng người yêu đắm đuối những cảnh sắc ấy thế nào.

Bên cạnh việc sử dụng hệ thống hình ảnh, chi tiết sinh động thì chất giọng đắm đuối trong thơ Lưu Quang Vũ còn được tạo nên do việc sử dụng hàng loạt các so sánh, liên tưởng trùng điệp.

So sánh trùng điệp trong thơ Lưu Quang Vũ in dấu ấn phong cách của riêng tác giả. Vừa tả, vừa so sánh để diễn tả tâm trạng, diễn tả trạng thái tâm hồn mình. Đây là những so sánh để biểu hiện trạng thái trống rỗng, buồn bã, thất vọng:

*Có những lúc tâm hồn tôi rách nát
Như một chiếc lá khô như một chồng gạch vụn
Một tấm gương chẳng biết soi gì
Một đáy giếng cạn không một hóc mắt đen sì
Trời chật chội như chiếc lồng trống rỗng*

(Có những lúc)

Lưu Quang Vũ thường đối chiếu sự vật với nhiều sự vật khác, nhằm diễn đạt cảm xúc, ấn tượng đầy tràn trong tâm hồn mình, và nhằm phát hiện đối tượng trong độ phức tạp, sâu sắc của nó. Một câu thơ anh hình dung về người yêu của mình bằng 6 hình ảnh khác nhau: *lửa, lụa, bản nhạc ngày xưa, con tàu xừ lạ, nắng cuối mùa đông, hoa chớm thu (Mắt của trời xanh).* Nhân vật trữ tình trong thơ Lưu Quang Vũ cũng tự biểu đạt mình bằng một chùm hình ảnh có tính chất nhỏ bé, khiêm nhường:

*Anh muốn làm cánh cửa để em quên
Ngọn gió nhỏ trên trán em kiêu hãnh*

Làm cốc nước em cầm trũa nắng gắt

Làm con đường quen thuộc để em qua

(Mắt của trời xanh)

Thiếu vắng đi những so sánh trùng điệp như trên, hẳn thơ tình Lưu Quang Vũ thiếu mất chất đăm đuối, si mê, khờ dại cầu kẻ yêu đến quên mình, tôn thờ tình yêu và tôn vinh người con gái bằng tất cả sự mãnh liệt và bao dung của tâm hồn mình. Nhiều khi nhờ phép liên tưởng so sánh hết sức linh hoạt này, ý thơ Lưu Quang Vũ mở ra những liên kết lạ, từ thực đi gần đến tưởng tượng:

Nơi lá chuối che nghiêng như một cánh bướm

Cánh bướm xanh đi về trong hạnh phúc

Se sẽ chứ không cánh bướm bay mất

Qua dịu dàng, ẩm ướt của làn môi

(Vườn trong phố)

Vẻ đăm đuối trong thơ Lưu Quang Vũ còn được gợi lên qua việc nhà thơ dùng hàng loạt các định ngữ nghệ thuật, gói tiếp nhau để xác định ấn tượng, trạng thái của sự vật. Vừa phát hiện ra chiều sâu lấp lánh của sự vật, hiện tượng, vừa toát lên một vẻ lôi cuốn, say đắm: *hoa tím mùa hè, hạt dẻ mùa thu, ngọn gió chiều, tia nắng hạ, mây mùa thu, những lá ổi mùa hè...*Những định ngữ nghệ thuật còn mang lại cho thiên nhiên tính chất người, tâm trạng con người: *cỏ dại u buồn, giọt sương run rẩy, ngọn cỏ yếu mềm, trời xanh đăm đuối, quả bưởi ngơ ngác, chuyến tàu lặn đạn, bàng hoàng hoa tím...*Những định ngữ nghệ thuật dày đặc góp phần khắc sâu ấn tượng về sự vật, tâm trạng...tạo thành cảm giác đăm đuối trong thơ.

Giọng thơ dịu dàng, đăm đuối của Lưu Quang Vũ một thời bị coi là lạc điệu trong dàn đồng ca chung của đất nước. Thế nhưng, cùng với sự chất

lọc của năm tháng, giờ đây chính những câu thơ “*kết tinh sự đăm đúi*” lại làm người ta nhớ nhiều hơn, nhắc nhiều hơn đến Lưu Quang Vũ.

Tiểu kết: Trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, với tinh thần lao động nghệ thuật nghiêm túc, Lưu Quang Vũ đã xây dựng được một hệ thống quan niệm thẩm mỹ riêng mang đầy tính cách tân, tiên bộ, đồng thời với đó là hệ thống ngôn ngữ phong phú, giàu sức biểu đạt, giọng điệu thơ đa dạng, độc đáo... tác động trực tiếp đến việc tạo ra ý nghĩa biểu trưng nhiều mặt cho các biểu tượng, góp phần quan trọng định hình phong cách nghệ thuật thơ Lưu Quang Vũ.

C. KẾT LUẬN

1. Trong hành trình đến với Thơ, với Cái đẹp, Lưu Quang Vũ đã xây dựng được hệ thống biểu tượng độc đáo vừa mang dấu ấn cá nhân, vừa mang hơi thở của thời đại.

2. Qua việc khảo sát, thống kê, giải mã các hướng nghĩa biểu trưng của hệ thống biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- **Thứ nhất:** Các biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ đều mang tính đa nghĩa. Thậm chí ngay trong một tác phẩm, mỗi biểu tượng đều thể hiện tính chất “đa trị”. Các hướng nghĩa biểu trưng phong phú ấy vừa là sự tiếp thu ý nghĩa nguyên khởi của mẫu gốc, vừa là sự sáng tạo của nhà thơ để tạo thành những biểu tượng độc đáo, mang dấu ấn phong cách cá nhân và mang dấu ấn thời đại.

- **Thứ hai:** Một tác phẩm thơ của Lưu Quang Vũ không phải chỉ có một biểu tượng duy nhất mà có thể là sự đan cài của một số biểu tượng, chúng có thể có quan hệ đẳng cấu, bổ sung hoặc tương phản với nhau nhằm làm bật lên một biểu tượng trung tâm.

- **Thứ ba:** Hệ thống biểu tượng trong thơ Lưu Quang Vũ đa số được xây dựng từ những hình ảnh chân thực, bình dị, gần gũi với đời sống như: mưa, gió, bức tường, cánh cửa...nhưng lại có vai trò quan trọng trong toàn bộ sáng tác của nhà thơ:

+ Thông qua hệ thống biểu tượng phong phú trong sáng tác của Lưu Quang Vũ, người đọc có thể nhận thức được một cách sâu sắc nhiều vấn đề lớn lao như Tổ quốc, nhân dân, thi ca nghệ thuật, vấn đề đạo đức, nhân sinh...hay thậm chí chỉ là những trải nghiệm rất đời thường song cũng đầy khám phá của tác giả trong hạnh phúc, tình yêu.

+ Qua hệ thống biểu tượng phong phú trong thơ Lưu Quang Vũ, chúng ta có thể thấy được tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với đối tượng được miêu tả. Chính ở những biểu tượng xuất hiện trong những tác phẩm được viết ở thời kì đen tối nhất của cuộc đời Lưu Quang Vũ (giai đoạn 1971-1974) ta lại thấy ẩn chứa trong đó ý thức sâu sắc trách nhiệm của một thi sĩ với thi ca nghệ thuật, của một người con tràn ngập tình yêu với đất nước, với nhân dân.

+ Hệ thống biểu tượng không chỉ tạo nên thế giới nghệ thuật mới lạ, đầy sức hấp dẫn cho thơ của Lưu Quang Vũ mà còn góp phần quan trọng định hình cho phong cách thơ anh.

3. Lưu Quang Vũ với những vần thơ “*nổi gió*” của mình đã sống hết tận cùng năm tháng. Gió đã dừng nơi cuối chót không gian. Đường đã hết trước biển cao vời vợi. Bản đàn đã lặng. Nhưng trong cõi nhớ của những người đang sống hôm nay, Lưu Quang Vũ đã đi đến được sự bất tử.

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phan Cảnh (2001), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb Văn hóa thông tin.
2. Jean Chevalier, A. Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
3. Nguyễn Thị Kim Chi (2004), *Đặc sắc thơ Lưu Quang Vũ* (Luận văn thạc sĩ khoa học ngữ văn), Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
4. Phạm Thị Hương Duyên (2008), *Thơ Lưu Quang Vũ nhìn từ góc độ thể loại* (Luận văn thạc sĩ khoa học ngữ văn), Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên.
5. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục.
6. Phan Cự Đệ (chủ biên) (2004), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Nxb Giáo dục.
7. Hà Minh Đức (1997), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục.
8. Vũ Hà, Ngô Thảo (1988), *Lưu Quang Vũ một tài năng một đời người*, Nxb Thông tin.
9. G. Hêghen (1996), *Mỹ học*, Nxb Khoa học xã hội.
10. Bùi Công Hùng (1983), *Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca*, Nxb Khoa học xã hội.
11. Đỗ Đức Hiểu (chủ biên) (2004), *Từ điển văn học*, Nxb Thế giới.
12. Nguyễn Thị Ngân Hoa (2005), *Sự phát triển ý nghĩa của hệ Biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam* (Luận án Tiến sĩ Ngữ văn), Viện ngôn ngữ học.
13. M.Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
14. Mã Giang Lân, *Nhìn lại thơ 30 năm chiến tranh*, Tạp chí văn học 2/1992.

15. Mã Giang Lân, *Kinh nghiệm sống và biểu tượng thơ*, Tạp chí nghiên cứu văn học 3/2010.
16. Mã Giang Lân (2004), *Tiến trình thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
17. Mã Giang Lân (2005), *Văn học hiện đại Việt Nam – Vấn đề - Tác giả*, Nxb Giáo dục.
18. Phương Lưu (chủ biên) (2002), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục.
19. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb Giáo dục.
20. Nguyễn Thị Nguyệt (2006), *Tìm hiểu biểu tượng con đường trong thơ Tố Hữu* (Khóa luận tốt nghiệp), Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.
21. Phan Ngọc (1985), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, Nxb KHXH.
22. Vương Trí Nhàn (1998), *Thơ tình Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ*, Nxb Trẻ.
23. Nhiều tác giả (1995), *Những bậc thầy văn chương thế giới, tư tưởng và quan niệm*, Nxb Văn học.
24. Lê Lưu Oanh (1998), *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 – 2000*, Nxb Đại học Quốc Gia.
25. Diêu Thị Lan Phương (2001), *Thơ Lưu Quang Vũ* (Khóa luận tốt nghiệp), Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.
26. Hoàng Phê (chủ biên) (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học.
27. Trần Đình Sử (1996), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb Giáo dục.
28. Trần Đình Sử (1988), *Thi pháp thơ Tố Hữu*, Nxb Giáo dục.
29. Nguyễn Trọng Tạo (1998), *Văn chương và cảm luận*, Nxb Văn hóa thông tin.

30. Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Văn học.
31. Nguyễn Bá Thành (1999), *Thơ Chế Lan Viên với phong cách suy tưởng*, Nxb Giáo dục.
32. Nguyễn Thị Minh Thái (1996), *Đối thoại mới với văn chương*, Nxb Hội nhà văn.
33. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
34. Từ điển Triết học (1986), Nxb Tiến bộ và Nxb Sự thật.
35. Lưu Khánh Thơ (biên soạn) (2007), *Đối thoại tình yêu Xuân Quỳnh – Lưu Quang Vũ*, Nxb Hội nhà văn.
36. Lưu Khánh Thơ (1997), *Lưu Quang Vũ thơ và đời*, Nxb Văn hóa thông tin.
37. Lưu Khánh Thơ (sưu tầm và biên soạn) (2001), *Lưu Quang Vũ tài năng và lao động nghệ thuật*, Nxb Văn hóa thông tin.
38. Lưu Khánh Thơ (tuyển soạn)(2008), *Lưu Quang Vũ – Di cáo (Nhật kí và thơ)*, Nxb Lao động.
39. Lưu Khánh Thơ (biên soạn) (1994), *Xuân Quỳnh – Lưu Quang Vũ, Tình yêu và sự nghiệp*, Nxb Hội nhà văn.
40. Lí Hoài Thu, Lưu Khánh Thơ (biên soạn) (2007), *Lưu Quang Vũ về tác gia- tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
41. Phan Trọng Thường (1996), *Giao lưu sân khấu và văn học*, Nxb Văn học.
42. Đỗ Lai Thúy (1998), *Con mắt thơ (Phê bình phong cách Thơ Mới)*, Nxb Giáo dục.
43. Nguyễn Thị Thu Thủy (2008), *Phong cách thơ Lưu Quang Vũ* (Luận văn thạc sĩ khoa học ngữ văn), Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.

44. Lưu Quang Vũ, Bằng Việt (tập thơ) (1968), *Hương cây – Bếp lửa*, Nxb Văn học.
45. Lưu Quang Vũ (tập thơ) (1989), *Mây trắng của đời tôi*, Nxb Tác phẩm mới.
46. Lưu Quang Vũ (tập thơ) (1993), *Bây ong trong đêm sâu*, Nxb Tác phẩm mới.
47. Lưu Quang Vũ (tuyển thơ) (2010), *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, Nxb Hội nhà văn.